

Số: 3339 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại các văn bản sau:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và công bố kết quả điều tra cơ bản địa chất;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung đã được công bố tại Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCKS, VPB (KSTTHC).



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
01		Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
02		Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
03		Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	((1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
04		Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
05		Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
06		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
07		Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
08		Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
09		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; (5) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (7) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
10		Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12		Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
13		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14		Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
15		Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. (7) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	ng nghiệp và Môi trường
16		Thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (4) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
17		Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; (5) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (7) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
18		Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
19		Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
20		Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 04/2016/TT-BKHCHN ngày 04/4/2016.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
21		Tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22		Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
23		Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động	Địa chất và	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
		khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I	khoáng sản	(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	ngành và Môi trường
24		Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25		Chấp thuận đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
01		Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
02		Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
03		Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
04		Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
05		Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
06		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
07		Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
08		Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
09		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
10		Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12		Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
13		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
14		Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
15		Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; (7) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
16		Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
17		Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
18		Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
19		Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	
20		Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
21		Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
22		Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	
23		Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
24		Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
25		Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
26		Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã
27		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
28		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV		(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
29		Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
30		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
				(5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
31		Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
32		Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
33		Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
34		Chấp thuận thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan/ người có thẩm quyền thực hiện
		hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV		(3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	
35		Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
C	Thủ tục hành chính cấp xã				
01		Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
02		Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
1	2.002318	Giao nộp, thu nhận dữ liệu về địa chất, khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017; (3) Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/6/2013.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	2.001834	Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về địa chất, khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. (2) Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017. (3) Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/6/2013 (4) Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022. (5) Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	2.001828	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	
4	2.001822	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	2.001816	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (4) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (6) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (7) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(8) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013; (9) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
6	2.001812	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.004324	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	1.004314	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
9	1.004305	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	1.004292	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	1.004277	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	1.004262	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	ng nghiệp và Môi trường
13	2.001746	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; (5) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014. (6) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. (7) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
14	1.004107	Nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Thông tư số 53/2014/TT-BTNMT ngày 09/9/2014.	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
15	2.001742	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;	Cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	
B Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	
4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024. (6) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014. (7) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	
6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; (3) Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (5) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (6) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (7) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	
8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (6) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
14	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (4) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (5) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (5) Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
		thăm dò khoáng sản		(3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	
17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; (4) Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; (5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; (6) Nghị định số Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (7) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (8) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; (9) Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
18	1.013321	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
				(7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; (8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	
19	1.013322	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; (8) Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
20	1.013323	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
21	1.013324	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; (4) Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; (5) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; (6) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (7) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	(1) Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; (3) Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; (4) Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

- Bước 2. Tiếp nhận và thông báo công khai:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

Thời hạn thông báo là 10 ngày, kể từ ngày có thông báo nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan về việc tiếp nhận hồ sơ đầu tiên. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, cơ quan tiếp tục tiếp nhận hồ sơ từ các tổ chức, cá nhân khác (nếu có) và cập nhật danh sách các hồ sơ đã tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của cơ quan để đảm bảo tính minh bạch, công khai

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ và lựa chọn tổ chức, cá nhân:

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc ở bước 2, Bộ phận Một cửa không nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khác và chuyển hồ sơ đã tiếp nhận cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường ra thông báo kết quả lựa chọn tới tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết:

Bộ phận Một cửa thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có trách nhiệm gửi bổ sung đầy đủ các tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Quy trình, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

* Trường hợp đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định và phê duyệt là khu vực khoáng sản phóng xạ, than; trừ khu vực than đã được khoanh định và công bố khu vực có quy mô khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và than bùn, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo thứ tự ưu tiên được xác định trong quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là chủ đầu tư dự án khai thác khoáng sản.

* Trường hợp đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định và phê duyệt là khu vực khoáng sản thuộc vành đai biên giới quốc gia chỉ lựa chọn các doanh nghiệp là nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật về đầu tư để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có trách nhiệm lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật về biên phòng Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (*Mẫu số 01 -*

Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản sao y hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, gồm ít nhất một trong các văn bản sau:

+ Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm nộp hồ sơ: Biên bản giao nhận tài sản góp vốn; Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần; Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty; Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty; Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

+ Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm nộp hồ sơ: Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên; Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước: hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 01 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;
- + Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III.

- Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản³ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò⁴:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁵

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

² Áp dụng đối với cá nhân

³ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁴ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

⁵ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 01 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản..., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh nổi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
 - Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên
cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ
lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiếu..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁶
.....
(Ký, đóng dấu)

⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

2. Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 70 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; gửi đề án thăm dò khoáng sản đến các ủy viên phản biện, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản, chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) để lấy ý kiến nhận xét về nội dung của đề án thăm dò khoáng sản. Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý.

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề

án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các ủy viên Hội đồng.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (*Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y của Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; cụ thể gồm:

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có

hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ:

*** Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Biên bản giao nhận tài sản góp vốn;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- + Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty;
- + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty;
- + Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

*** Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên;
- + Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

*** Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước:** hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

Đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 80 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 10 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 01 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: (1) Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; (2) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; (3) Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; (4) Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III) được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản khi thuộc các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 30 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đã tham gia điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại Điều 22 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 9 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 35 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có đề xuất thăm dò khoáng sản tại khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đã được chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

(2) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản theo quy định của Nghị định này trong trường hợp trực tiếp thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản hoặc có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản quy định tại các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ.

(3) Trường hợp tổ chức được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng:

- Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- Tổ chức đã và đang tham gia hoạt động khoáng sản, phải bảo đảm không vi

phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 71 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, cụ thể: tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính ở mức tối đa và có nhiều tình tiết tăng nặng hoặc tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản mà không khắc phục đầy đủ hậu quả theo quyết định xử phạt. Hoặc đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong thời hạn 5 năm gần nhất.

- Nhà đầu tư nước ngoài được xác định theo hiệp định liên Chính phủ.

(4) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 37, khoản 1 Điều 38 Luật Địa chất và khoáng sản và quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất khoáng sản bao gồm:

* Tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;

- Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan;

- Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản

* Tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản:

- Đối với đề án thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản bao gồm chủ nhiệm đề án thăm dò và các nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định sau đây:

+ Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

+ Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc ngành địa chất, khoáng sản (chuyên ngành địa chất thăm dò, kỹ thuật địa chất hoặc tương đương); đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức đào tạo chuyên ngành về địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương với chuyên ngành về địa chất thăm dò khoáng sản cấp;

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II, phải có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm với vai trò theo văn bằng được đào tạo quy định tại điểm b khoản này. Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, chủ nhiệm đề án thăm dò còn phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc đã làm chủ nhiệm ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản từ bước lập đề án đến bước lập báo cáo kết quả thăm dò được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm III, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ được thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ được phụ trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

* Nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

- Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

- Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II, phải có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học;

- Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm III, phải có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 01 năm đối với người có trình độ đại học.

* Yêu cầu về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản:

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng (trực tiếp sở hữu hoặc thuê của tổ chức, cá nhân khác) để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải bảo đảm số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò khoáng sản.

- Ngoài quy định nêu trên đối với thiết bị, công cụ chuyên dùng, trường hợp thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm còn phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng

đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

(5) Trường hợp thực hiện dịch vụ thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng, tổ chức được phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định tại các Điều 26, 27 và Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia địa chất, khoáng sản có trình độ chuyên môn phù hợp, với ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra hoặc thăm dò khoáng sản; có bộ phận kỹ thuật đủ khả năng thực hiện các phương pháp thăm dò tiên tiến, bao gồm địa vật lý, địa hóa, khoan thăm dò và phân tích mẫu; có khả năng xây dựng và triển khai đề án thăm dò chi tiết, khoa học, phù hợp với quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế;

- Có hệ thống thiết bị, máy móc chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công tác thăm dò khoáng sản chiến lược và được kiểm định, bảo dưỡng định kỳ, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn và chất lượng; có phần mềm chuyên dụng để xử lý và phân tích dữ liệu địa chất, khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁷ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁸ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản⁹ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹⁰:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép. Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹¹

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

⁷ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁸ Áp dụng đối với cá nhân

⁹ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹⁰ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

¹¹ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.

- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nôi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 10 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số ngày....tháng năm của(Tên cơ quan ban hành).....¹²

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹³;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố....) về việc.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

¹² Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

¹³ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁴ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(*Tên Đề án thăm dò*)..... do(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... lập kèm theo Giấy phép này.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện thăm dò(*tên khoáng sản*)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

¹⁴ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... , múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

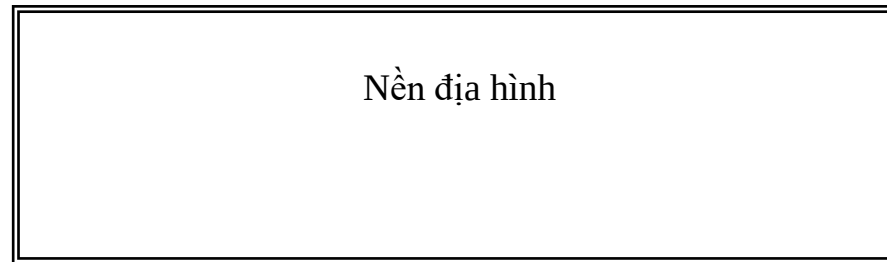
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
 cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
 BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ
 lệ..., kinh tuyến trục...,
 múi chiếu..., số
 hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
 độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁵

 (Ký, đóng dấu)

¹⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

3. Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 30 ngày.

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò (Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 14 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của Luật Địa chất và khoáng sản cụ thể: Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò khoáng sản vì sự kiện bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này nhưng không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

- Tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò đã và đang thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm cấp lại kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ đã được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép đối với giấy phép thăm dò khoáng sản.

Cụ thể gồm: Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện; Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật; Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁶ số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân¹⁷ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được*(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để thăm dò*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... Diện tích thăm dò: ha/km².

Do đã hết thời hạn, kể cả thời gian gia hạn theo quy định nhưng*(tên tổ chức, cá nhân)* ... chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm

Lý do chưa hoàn thành công tác thăm dò:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ

¹⁶ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁷ Áp dụng đối với cá nhân

xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản¹⁸ kèm theo văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹⁹:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....²⁰

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹⁹ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

²⁰ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân²² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

²¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

²² Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO²³

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

²³ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:

2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II²⁴ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(tên cơ quan cấp phép)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

²⁴ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

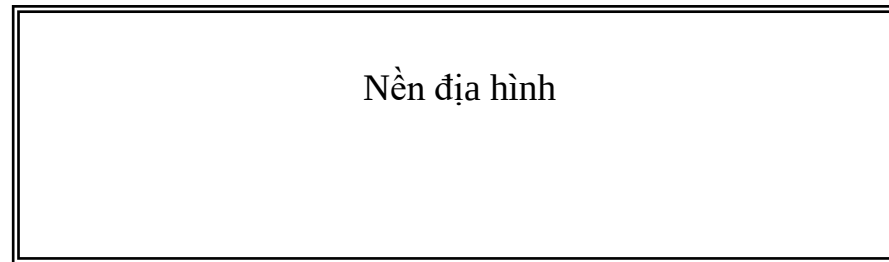
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
 cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
 BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ
 lệ..., kinh tuyến trục...,
 múi chiếu..., số
 hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
 độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁵

 (Ký, đóng dấu)

²⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

4. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 12 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn;
- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại thời điểm gia hạn; trường hợp phải tiếp tục gia hạn lần 2 thì phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán còn lại kể từ lần gia hạn trước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp huyện)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày tháng ... năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)²⁶ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân²⁷ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

²⁶ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

²⁷ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO²⁸

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

²⁸ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 12 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... về việc.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm để**(tên tổ chức, cá nhân)**..... được tiếp tục thăm dò**(tên khoáng sản)**..... tại khu vực, ...**(tên cấp xã)**....., ...**(tên cấp tỉnh)**..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... do ...(tên cơ quan cấp phép)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

5. Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân kèm theo văn bản minh chứng việc đổi tên theo quy định. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, trong thời hạn không quá 20 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số*

04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

* Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc.

- Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày) .

- Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 15 ngày làm việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 18 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 15 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản²⁹)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị điều chỉnh *(nội dung điều chỉnh³⁰)*..... của Giấy phép thăm dò khoáng sản như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép thăm dò đã cấp)*.....;
- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;
- Diện tích trả lại:..... ha (km²)³¹;
- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²)³².

Diện tích đề nghị điều chỉnh và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khếp góc xác định tại Phụ lục I và Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản kèm theo văn bản này³³.

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

²⁹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

³⁰ Nêu rõ các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định.

³¹ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

³² Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

³³ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản. Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản		
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THẨM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THẨM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THẨM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)³⁴ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân³⁵ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

³⁴ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

³⁵ Áp dụng đối với cá nhân

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO³⁶

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				

³⁶ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lấp hào					
2	...					

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

**Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
(Ký tên, đóng dấu)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Tọa độ các điểm khép góc

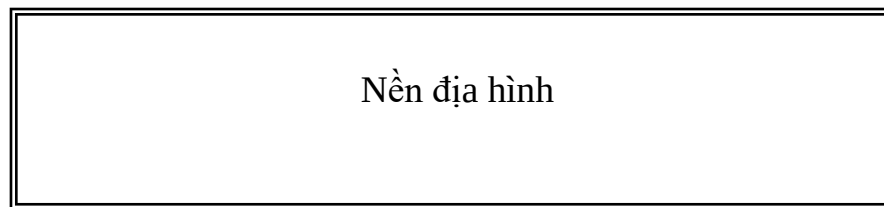
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

Phụ lục II

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ
lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiều..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân³⁷
.....
(Ký, đóng dấu)

Khung tọa
độ

³⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

Mẫu số 18 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân)..... thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(nội dung điều chỉnh).....

Tọa độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này³⁸.

Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục II và Phụ lục II³⁹ kèm theo Quyết định này⁴⁰.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).
2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....
3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁴¹.
4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật⁴².

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Chánh Văn phòng, ...(Thủ trưởng cơ quan thẩm định hồ sơ điều chỉnh giấy phép)....., ...(tên tổ chức, cá nhân)..... và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)....;
- Cục ĐC&KS VN;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

³⁸ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

³⁹ Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁴⁰ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

⁴¹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

⁴² Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6⁰)</i>	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		

⁴³ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

⁴⁴ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

6. Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt

Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ chức, cá nhân đã thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 20 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 10 - Phụ lục III: Giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thực hiện công tác thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị trả lại (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (tên mỏ⁴⁵)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁴⁵ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 10 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số ngày....tháng năm của(Tên cơ quan ban hành).....⁴⁶

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁴⁷;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố....) về việc.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

⁴⁶ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

⁴⁷ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁴⁸ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(*Tên Đề án thăm dò*)..... do(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... lập kèm theo Giấy phép này.
6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện thăm dò(*tên khoáng sản*)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

⁴⁸ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... , múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 32 - Phụ lục V

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02.tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁴⁹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁰ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

⁴⁹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵⁰ Áp dụng đối với cá nhân

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁵¹

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú; lý

⁵¹ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

	việc	tính	Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	do tăng giảm khối lượng
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV- ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV- ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					

2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc			(TÊN BẢN ĐỒ).....	CHỈ DẪN
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...		(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....	
	X(m)	Y(m)		
1			Nền địa hình	
2				
...				
Diện tích: ... ha			“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....” Tỷ lệ:.....	↖ Khung tọa độ
Tổ chức, cá nhân lập bản đồ (Ký, đóng dấu)			Tổ chức, cá nhân⁵² (Ký, đóng dấu)	

⁵² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

Mẫu số 20 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp Giấy phép thăm dò) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc

san lắp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

7. Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc chấp thuận đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

- Bản sao y của Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; cụ thể:

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ:

*** Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng

lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Biên bản giao nhận tài sản góp vốn;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- + Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty;
- + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty;
- + Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

*** Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên;
- + Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

*** Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước:** hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 16 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản khi đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.
- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nhượng;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ và được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng đối với giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và môi trường;
- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; cụ thể gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;
- + Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III;

+ Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....
(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng).....
 Trụ sở tại:
 Điện thoại:..... Fax:.....
 Đã được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (tên mỏ⁵³)..... thuộc ...(tên cấp xã)...., ...(tên cấp tỉnh)...

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:
(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)
 Trụ sở tại:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵⁴ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁵ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng chuyển nhượng số ngày..... tháng..... năm.....
(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

⁵³ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

⁵⁴ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵⁵ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 16 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BNNMT

Địa danh, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ... (cơ quan ban hành) ... phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm

dò).....) từ(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... để tiếp tục thăm dò(*tên khoáng sản*)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....;
3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khếp góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II⁵⁶ của Giấy phép này.
4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).
5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-.... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.
3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)... (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

⁵⁶ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 6 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

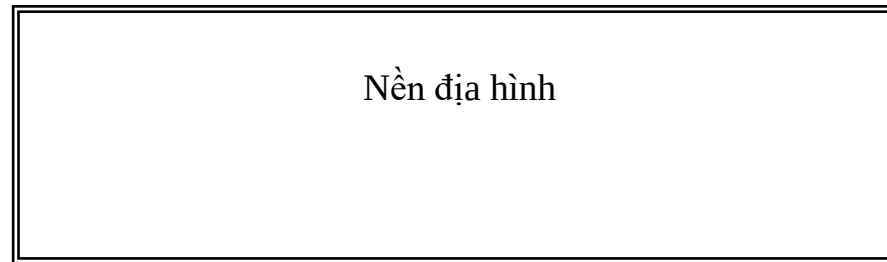
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
 cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
 BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ
 lệ..., kinh tuyến trục...,
 múi chiếu..., số
 hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
 độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁵⁷

 (Ký, đóng dấu)

⁵⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁵⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁵⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

⁵⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁵⁹ Áp dụng đối với cá nhân

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO⁶⁰

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú; lý

⁶⁰ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

	việc	tính	Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	do tăng giảm khối lượng
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV- ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV- ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					

2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

8. Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi thăm dò bổ sung để nâng cấp từ cấp tài nguyên lên thành cấp trữ lượng, nâng cấp trữ lượng từ cấp có độ tin cậy thấp lên cấp có độ tin cậy cao hoặc thăm dò bổ sung để xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm hoặc các thân khoáng sản mới phát hiện trong khu vực được phép khai thác khoáng sản đề nghị thăm dò bổ sung lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và tài liệu theo quy định của tổ chức, cá nhân; Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam phải gửi đề án thăm dò bổ sung để lấy ý kiến của các cơ quan, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản mời đọc nhận xét, phản biện kèm theo đề án thăm dò bổ sung của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến phải có văn bản nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được đủ ý kiến nhận xét, phản biện của cơ quan, chuyên gia có chuyên môn, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam phải tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản xem xét, chấp thuận.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân thực hiện. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, đồng thời hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (*Mẫu số 07 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác;

- Đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm (*Mẫu số 02 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân thực hiện thăm dò bổ sung.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 02 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò bổ sung (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản thì phải hợp đồng với tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản (Được thành lập theo quy định của pháp luật; Có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác

trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan; Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản) và các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ để thực hiện công tác thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ BỔ SUNG ĐỀ NÂNG CẤP TÀI
 NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CHÍNH/ XÁC ĐỊNH TRỮ
 LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)⁶¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân⁶² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại xã, tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản).....

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép) được tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng tại các khối tài nguyên cấp, khối trữ lượng cấp ... /xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm là (tên khoáng sản đi kèm) trong phạm vi diện tích được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác).

Vị trí, diện tích thăm dò bổ sung: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò (bổ sung)⁶³ kèm theo văn bản này.

Mức sâu thấp nhất của công trình thăm dò bổ sung: đến mức m

⁶¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

⁶² Áp dụng đối với cá nhân

⁶³ Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời gian thăm dò bổ sung: tháng (năm), kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....⁶⁴

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Vị trí công trình thăm dò⁶⁵:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

⁶⁴ Áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

⁶⁵ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

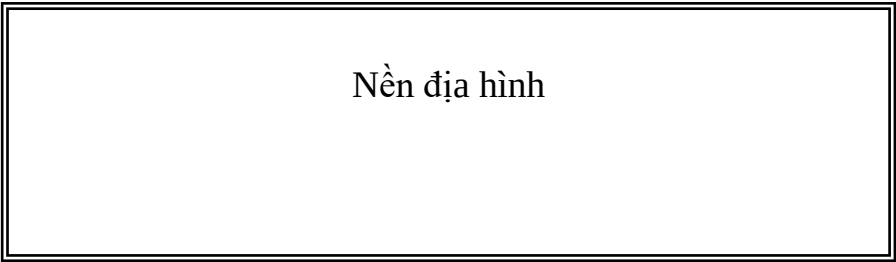
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN
.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁶⁶
.....
(Ký, đóng dấu)

⁶⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km^2 trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km^2 đến dưới 5 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ $0,5 \text{ km}^2$ đến dưới 2 km^2 , bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn $0,5 \text{ km}^2$, bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 02 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ BỔ SUNG)

ĐỀ ÁN THẨM DÒ BỔ SUNG

.....(tên loại khoáng sản)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THẨM DÒ BỔ SUNG

.....(*tên loại khoáng sản*)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp huyện*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả thăm dò, khai thác ở mỏ để sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò bổ sung.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu địa chất, khoáng sản

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung.
- Các kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản.
- Các phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện và đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò bổ sung.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả khai thác khoáng sản tại khu vực thăm dò bổ sung

Hiện trạng mức độ đầu tư, thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; đánh giá hiện trạng, sản lượng của hoạt động khai thác mỏ trong khu vực thăm dò bổ sung so với trữ lượng cấp phép khai thác, nguyên nhân tăng giảm.

4. Đặc điểm địa chất, khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung

- Đặc điểm địa chất khu vực thăm dò bổ sung.
- Mô tả chi tiết mức độ nghiên cứu, nguồn gốc, quy mô, chất lượng từng thân quặng có trong trong khu vực thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng để lựa chọn phương pháp với đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Đánh giá về đặc điểm, cấu trúc địa chất, loại hình nguồn gốc, điều kiện thành tạo, mức độ phân bố, thành phần vật chất, tính chất vật lý và điều kiện thi công của đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò bổ sung với đối tượng khoáng sản; đề xuất tổ hợp phương pháp thăm dò bổ sung.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích, cách thức thực hiện, dự kiến khối lượng thực hiện. Tùy theo mức độ các phương pháp, khối lượng đã thực hiện trong các nghiên cứu địa chất, điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản ở giai đoạn trước, công trình thăm dò phục vụ khai thác và mức độ yêu cầu của đối tượng khoáng sản cần thăm dò bổ sung để dự kiến các phương pháp, khối lượng trong Đề án.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật thực hiện các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ hiện trạng nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ. Trường hợp sử dụng bản đồ hiện trạng khai thác mỏ hàng năm thì phải bổ sung vào đề án kèm theo tài liệu chứng minh; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; Bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);

- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò bổ sung). Riêng Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.

Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.

Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.

Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.

Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).

Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.

Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.

Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý

Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.

Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.

Công tác tổ chức thi công.

Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.

- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu nhất được phép thăm dò).

- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

- Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori...): Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 4

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nổ mìn thân quặng, dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC THI CÔNG

Lập kế hoạch, tiến độ, thời gian thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò bổ sung, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò bổ sung tính từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG 6

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ kèm theo

- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao (nếu có)
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

2. Phụ lục các tài liệu kèm theo

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập Đề án (nếu có).
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

9. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

- Bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 14 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng/01 giấy phép.

(8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: (1) Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; (2) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; (3) Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III);

- Là tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản hợp pháp;

- Có hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 01- Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản).....tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đã được(cơ quan phê duyệt)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng(tên khoáng sản)..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác⁶⁷:.....(tấn, m³,...), trong đó:
 - a) Khoáng sản chính (theo từng cấp trữ lượng):(tấn, m³,...);
 - b) Khoáng sản đi kèm (theo từng cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm⁶⁸, trong đó:
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

⁶⁷ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

⁶⁸ “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m², km²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

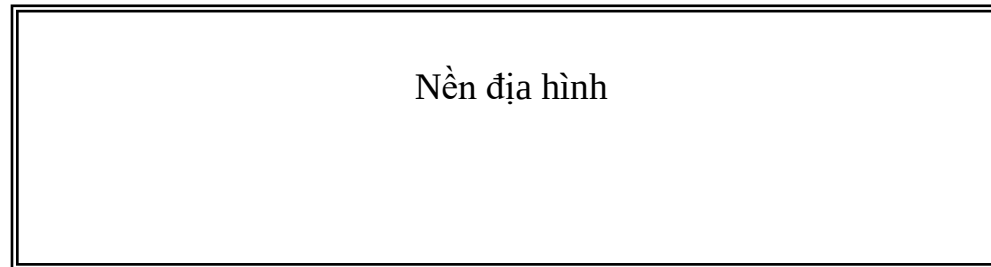
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁶⁹.....
(Ký, đóng dấu)

⁶⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 14 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ngày ... tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch.....

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) tại Văn bản số ngày ... tháng năm;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) ...thuộc của;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản⁷⁰;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....⁷¹;

⁷⁰ Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁷¹ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:(tên khoáng sản chính).....

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò,...).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

5. Công suất khai thác tối đa⁷²:(tấn, m³/năm).

6. Thời hạn khai thác:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

⁷² Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp lại hoặc không cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 20 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc trường hợp thời hạn khai thác khoáng sản (bao gồm cả thời gian gia hạn) đã hết mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản);

2. Đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản đối giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước đó, gồm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng.

- Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện.

- Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ

sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này.

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

- Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

4. Được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ tính đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 07 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
 GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản⁷³)*..... tại thuộc *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Trữ lượng *(tên khoáng sản)*..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...), trong đó:

Trữ lượng đã khai thác: (tấn, m³,...);

Trữ lượng còn lại chưa khai thác: (tấn, m³,...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực thuộc *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

⁷³ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi⁷⁴:.....

Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau⁷⁵:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:.....

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁷⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

⁷⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

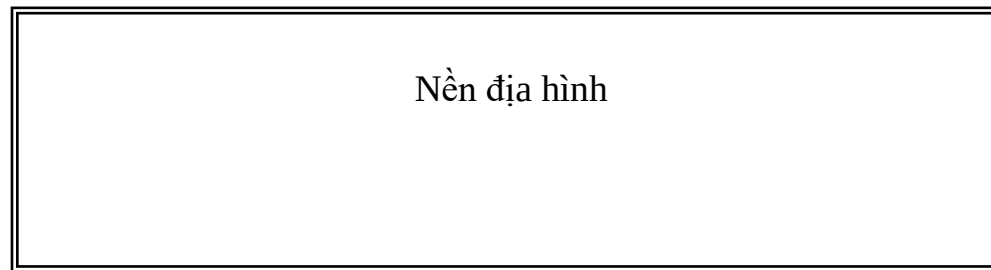
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,

...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁷⁶.....
(Ký, đóng dấu)

⁷⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....⁷⁷:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản⁷⁸

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

⁷⁷ Thời điểm báo cáo

⁷⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo⁷⁹

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁷⁹ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 20 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Cấp lại hoặc Cấp đổi)**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(*tên khoáng sản chính*).....;

b)(*tên khoáng sản đi kèm*).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(*lộ thiên, hầm lò*....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(*tấn, m³*).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(*tấn, m³*).

6. Công suất khai thác tối đa⁸⁰:.....(*tấn, m³/năm*).

7. Thời hạn khai thác:

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);

- Cơ quan cấp phép (bản chính);

- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);

-

- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

⁸⁰ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số/GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 17 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với trữ lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực;

- Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cho phép khai thác (tên khoáng sản⁸¹)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...) ⁸², trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

2. Trữ lượng khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: (tấn, m³,...) ⁸³, trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

3. Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến ngày tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

⁸¹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

⁸² “Lưu lượng được phép khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

⁸³ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

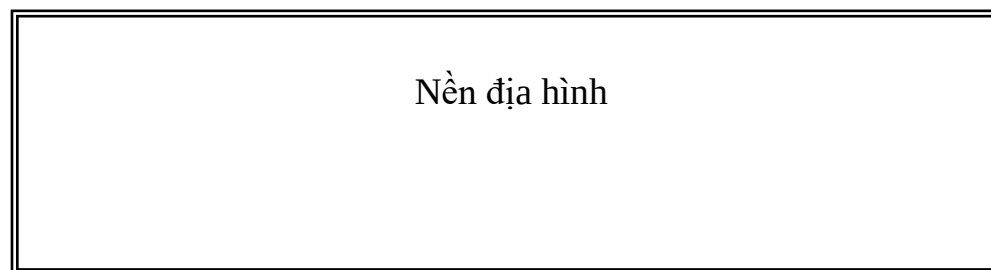
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁸⁴.....
(Ký, đóng dấu)

⁸⁴ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....⁸⁵:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản⁸⁶

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

⁸⁵ Thời điểm báo cáo

⁸⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo⁸⁷

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁸⁷ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 17 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (GIA HẠN)**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) tại Văn bản số ngày ... tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày..... tháng..... năm..... ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm để(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục khai thác(tên khoáng sản) tại thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2.(tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

12. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định, ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản được tiếp nhận, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đề nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(3) Trường hợp một phần diện tích trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo dự án đầu tư được phê duyệt (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân trả lại một phần diện tích khai thác; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT*

ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

* Trường hợp điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép và hiện tại của tổ chức, cá nhân.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận (hồ sơ hợp lệ).

(3) Trường hợp một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 25 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 08 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với các trường hợp tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh;

- Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép khai thác (tên khoáng sản⁸⁸)..... tại thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên như sau:

- ... (nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp).....;
- ... (nội dung đề nghị điều chỉnh).....;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác⁸⁹:

- Diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác: (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị trả lại:..... (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁸⁸ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

⁸⁹ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN⁹⁰***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

- Khu vực đề nghị trả lại

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

⁹⁰ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

- Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN⁹¹**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

⁹¹ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

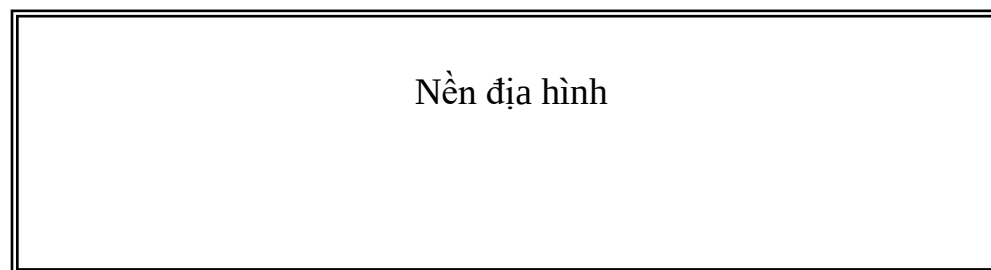
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân⁹².....
(Ký, đóng dấu)

⁹² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....⁹³:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản⁹⁴

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

⁹³ Thời điểm báo cáo

⁹⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo⁹⁵

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

⁹⁵ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC**DANH MỤC BẢNG BIỂU****DANH MỤC HÌNH VẼ****DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)****PHẦN THUYẾT MINH
MỞ ĐẦU****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau*

khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

TT	Tên bản vẽ
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 25 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) tại Văn bản số ngày ... tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh(nội dung, điều, khoản,...)..... của giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác ... (tên khoáng sản)... tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. ... (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp).....;

2. ... (nội dung điều chỉnh)⁹⁶.....;

3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác⁹⁷:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại: (ha, m², km²).

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).

⁹⁶ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

⁹⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: từ(m) đến (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

Điều 2⁹⁸. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3⁹⁹.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày .. tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản về Cục Địa chất và Khoáng sản để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam(tổ chức, cá nhân)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

⁹⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

⁹⁹ Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

- Khu vực đề nghị trả lại

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

- Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... mũi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản), thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó nêu rõ lý do chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản.

* Các trường hợp khác trường hợp nêu trên, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của khu vực khai thác hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Mẫu số 05, mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 29 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 10 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi

đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản;

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 10 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép khai thác (tên khoáng sản¹⁰⁰)..... tại thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên. Diện tích khu vực đề nghị trả lại có ranh giới theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰⁰ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 31 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

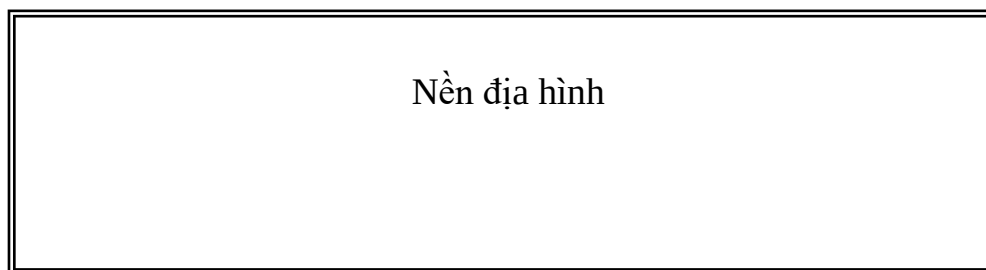
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁰¹.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁰¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹⁰²:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁰³

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

¹⁰² Thời điểm báo cáo

¹⁰³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹⁰⁴

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰⁴ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, toạ độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp

Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).

4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ tính trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án,*

dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).

8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 29 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) tại Văn bản số ngày ... tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2¹⁰⁵. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

¹⁰⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG

(*Ký tên, đóng dấu*)

14. Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép để xem xét, quyết định việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 12 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản cùng các bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có nội dung chính sau: hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; giá trị chuyển nhượng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đối với việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ chưa hoàn thành của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ khác có liên quan của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định);

- Bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ thời điểm

giấy phép có hiệu lực thi hành đến thời điểm chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 22 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;
- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại

hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 12 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản sau khi đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh, gồm:

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này;

+ Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật.

- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép

của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Tại thời điểm nộp hồ sơ, giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 6 tháng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 12 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ¹⁰⁶)*..... thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
chuyển nhượng**
(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân nhận
chuyển nhượng**
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁰⁶ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

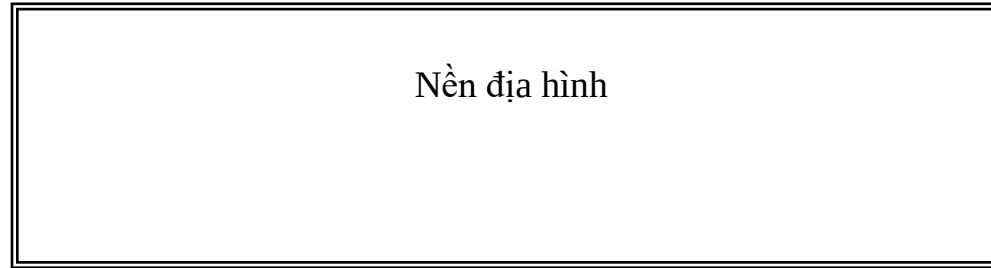
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁰⁷.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁰⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹⁰⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹⁰⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

¹⁰⁸ Thời điểm báo cáo

¹⁰⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹¹⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹¹⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 22 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) tại Văn bản số ngày ... tháng năm

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của ký với

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa¹¹¹:.....(tấn, m³/năm).

7. Thời hạn khai thác:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản số ngày của...../.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 1

¹¹¹ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:*

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp đổi hoặc không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(2) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, trình tự thực hiện như sau:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp đổi hoặc không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 154 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với điều chỉnh một trong các nội dung: trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo dự án đầu tư được phê duyệt (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với thay đổi tên gọi trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với trả lại một phần diện tích khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (*Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số*

39/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025).

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khác quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép và hiện tại của tổ chức, cá nhân.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

(2) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 20 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định.

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;
- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/7/2028 khi giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày 01/7/2025 có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Địa chất và khoáng sản (nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm: vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác; loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có); trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác; công suất khai thác, phương pháp khai thác khoáng sản; thời hạn khai thác khoáng sản).

Sau thời hạn ngày 01/7/2028, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 07 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
 GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản¹¹²)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Trữ lượng *(tên khoáng sản)*..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...), trong đó:

Trữ lượng đã khai thác: (tấn, m³,...);

Trữ lượng còn lại chưa khai thác: (tấn, m³,...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

¹¹² Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi¹¹³:.....

Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau¹¹⁴:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:.....

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹¹³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

¹¹⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

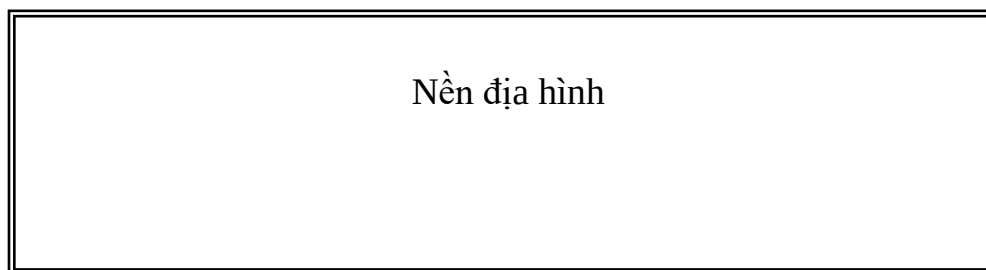
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹¹⁵.....
(Ký, đóng dấu)

¹¹⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....¹¹⁶:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản¹¹⁷

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

¹¹⁶ Thời điểm báo cáo

¹¹⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo¹¹⁸

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

¹¹⁸ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa

phương (Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (dề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)

4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 20 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-BNNMT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Cấp lại hoặc Cấp đổi)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(*tên khoáng sản chính*).....;

b)(*tên khoáng sản đi kèm*).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(*lộ thiên, hầm lò*....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(*tấn, m³*).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(*tấn, m³*).

6. Công suất khai thác tối đa¹¹⁹:.....(*tấn, m³/năm*).

7. Thời hạn khai thác:

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);

- Cơ quan cấp phép (bản chính);

- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);

-

- Lưu VT, ... (.....)

BỘ TRƯỞNG

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹¹⁹ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-BNNMT
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

- Bước 2. Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định và trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia:

Trong thời hạn 90 ngày, việc tiếp nhận, thẩm định, trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thực hiện theo trình tự sau:

+ Tiếp nhận hồ sơ;

+ Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm tính hợp pháp, hợp lệ, tạm dừng việc thẩm định hồ sơ và có văn bản gửi cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thông báo trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ;

+ Lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia về các nội dung có liên quan trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

+ Hoàn thành việc tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia xem xét, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

Trong quá trình tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Hồ sơ bổ sung nộp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 25 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc quy định tại Bước 2, Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia báo cáo Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia để tổ chức họp thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo trình tự như sau:

+ Triệu tập thành viên hội đồng, tổ chức phiên họp Hội đồng thẩm định hồ sơ kết quả thăm dò khoáng sản. Kết thúc phiên họp của Hội đồng đánh giá trữ

lượng khoáng sản quốc gia, cơ quan thẩm định gửi văn bản thông báo kết luận của Chủ tịch hội đồng, kèm theo biên bản họp Hội đồng đến tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Hội đồng.

+ Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia trình hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Chủ tịch Hội đồng để xem xét, quyết định ký quyết định công nhận.

- Bước 4. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (*Mẫu số 08 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn (*Mẫu số 03 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng;

- Bản chính Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng bản giấy, các tài liệu gồm: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò bổ sung công trình nâng cấp trữ lượng khoáng sản; Các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng còn phải được gửi bản số được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ (USB).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: 120 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia (*Mẫu số 24 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:

STT	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 08 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 03 - Phụ lục VI: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN/ THĂM DÒ BỔ SUNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền¹²⁰)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹²¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân¹²² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày.... tháng..... năm..... của*(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*...../ Văn bản chấp thuận thăm dò bổ sung để ¹²³ trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng.... năm.... của*(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác)*.....) và đã lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung*(tên báo cáo)*..... theo quy định.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị*(Tên cơ quan có thẩm quyền¹²⁴)*..... thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung theo báo cáo*(tên báo cáo)*.....

¹²⁰ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹²¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài.

¹²² Áp dụng đối với cá nhân.

¹²³ Nêu mục đích của thăm dò bổ sung.

¹²⁴ Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) đối với giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các nội dung, thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung gửi kèm theo văn bản này và các tài liệu nguyên thủy sử dụng để lập báo cáo là trung thực, chính xác, đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 03 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN****BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(tên khoáng sản)....., tại khu vực....., ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, tháng... năm...

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(THĂM DÒ BỔ SUNG)**

.....(tên khoáng sản)....., tại khu vực, ...(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ THI CÔNG ĐỀ ÁN
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(nếu có)
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng..... năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Chủ đầu tư, đơn vị thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), cơ quan giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN (THĂM DÒ BỔ SUNG)

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung), ranh giới và diện tích thăm dò khoáng sản (thăm dò bổ sung).
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò khoáng sản đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu vực thăm dò khoáng sản trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo...);
- Đặc điểm địa chất mỏ: nêu chi tiết về đặc điểm địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng (thân nguyên liệu).
- Đặc điểm các thân quặng: Số lượng, vị trí phân bố (từ dưới lên trên), mối liên kết của các thân quặng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân quặng: Vị trí, diện phân bố, hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương (từ tuyến...đến tuyến), hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế (trên mặt và dưới sâu). Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số chiều dày theo công trình (min, max, TB, hệ số biến thiên V_m) của thân quặng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại (min, max, TB, hệ số biến thiên hàm lượng V_c), đặc điểm phân bố các khoáng quặng giàu, quặng nghèo, mối quan hệ giữa thân quặng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của

chúng trong thân quặng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh, cuối phần này phải lập bảng thể hiện các thông số cơ bản của thân quặng đã mô tả.

Nhận định về nguồn gốc thành tạo quặng qua các tài liệu nghiên cứu, tài liệu thăm dò, khai thác ở mỏ và các khu vực lân cận, các khu vực có điều kiện địa chất tương tự.

Đối với mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với mỏ sa khoáng, phải mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng; điều kiện thể nằm của sa khoáng; đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của thân sa khoáng; thành phần và chiều dày lớp phủ; cấu tạo địa chất đáy thân sa khoáng; hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong tầng đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích; hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (tuổi vàng đối với vàng sa khoáng); thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, mức độ chứa nước...

Đối với mỏ than phải thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Đối với các vỉa có thể khai thác cần mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa, công trình không chế. Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác; chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với kết quả thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT

VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ thăm dò cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như chiều dày, hàm lượng, tính đẳng hướng, dị hướng, bán kính đới ảnh hưởng....;

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò, dạng công trình thăm dò,...;

- Đánh giá sự phù hợp của nhóm mỏ thăm dò, mạng lưới bố trí công trình thăm dò so với quy định và kết quả đạt được so với Đề án.

- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu điểm gốc nhà nước, từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; thiết bị sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh kết quả độ chính xác lưới sau bình sai với chỉ tiêu kỹ thuật cho phép theo quy định hiện hành.

- Thành lập bản đồ địa hình: Nêu phương pháp đo, thiết bị thành lập bản đồ địa hình; tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trục, diện tích thăm dò; mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ,... Nêu một số đặc điểm chính về địa hình, địa vật và hiện trạng nổi bật trong khu thăm dò.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có), ...

- Đánh giá chung về khối lượng, chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được; So sánh với đề án thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Các file gốc đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao bằng công nghệ GPS, cùng sổ đo trạm máy; Sổ đo lưới khống chế mặt phẳng và độ cao (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Các file điểm đo chi tiết địa hình, đo mặt cắt được trút ra từ máy toàn đạc điện tử và in nộp sổ đo; Sổ đo điểm công trình địa chất; Sổ đo thủy chuẩn (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có); Phiếu kiểm định máy đo đạc.

- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao; Bảng tính bình sai lưới thủy chuẩn (nếu có); Bảng tính tọa độ và độ cao công trình; Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập; Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình, điểm đo mặt cắt (nếu có); Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình; Mặt cắt địa hình (nếu có); Lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa.

1.2. Công tác địa chất

Gồm các dạng công việc: Đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thẩm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ hoặc sơ đồ bố trí công trình thực tế; Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thẩm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo.

1.3. Công tác địa vật lý

a) Công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành; máy móc, thiết bị sử dụng; chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ của công tác địa vật lý lỗ khoan đã được phê duyệt trong Đề án; Khối lượng đã thực hiện; Tổ hợp phương pháp thi công; Máy móc, thiết bị đã huy động thực hiện trong Đề án; Kỹ thuật thi công của từng phương pháp; Kết quả kiểm soát chất lượng của từng phương pháp; Phương pháp phân tích tài liệu, xây dựng thiết đồ địa vật lý lỗ khoan; Kết quả địa chất đạt được của công tác địa vật lý; Đánh giá hiệu quả của tổ hợp phương pháp; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án thẩm dò khoáng sản (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế; Bảng tính sai số đo kiểm tra của toàn bộ lỗ khoan đo địa vật lý; Tập thiết đồ nguyên thủy của từng lỗ khoan.

- Tài liệu tổng hợp: Báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành; Lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý.

- Báo cáo nội dung và kết quả thi công công tác địa vật lý đã thi công

1.4. Thi công công trình thẩm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, lõi khoan qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục kèm theo báo cáo

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, tên phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ... để đề xuất phương án thu hồi, bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò khoáng sản đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bẩn bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. Những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

Nêu rõ những thay đổi về diện tích thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản so với đề án thăm dò khoáng sản được phê duyệt (nếu có); nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi đó.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.
- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ, khu mỏ, phân khu mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.
- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo công trình (trên mặt và dưới sâu), theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại (theo mẫu nhóm, theo khối trữ lượng). Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.
- Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu; đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than; thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho...; tính chất cơ lý của than như tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa).

Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi đi ngoài trời; đánh giá sự có mặt của các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có).

Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân quặng, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản ở quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng (bán công nghiệp). công nghiệp vv.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của nhà máy chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ địa chất thủy văn, địa chất công trình

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (trong mẫu này gọi tắt là ĐCTV) và địa chất công trình (trong mẫu này gọi tắt là ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ, bản đồ ĐCTV - ĐCCT; khoan ĐCTV - ĐCCT chuyên môn; quan trắc đơn giản ĐCTV - ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm; bơm nước thí nghiệm; mức nước thí nghiệm; công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...); đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò khoáng sản.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV - ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV - ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đồ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).

- Tài liệu tổng hợp: Lập Phụ lục công tác ĐCTV - ĐCCT kèm theo.

2. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông, suối; chiều dài, rộng và sâu của sông, suối; độ dốc lòng sông mức độ uốn khúc đặc điểm phù sa của sông, suối...

- Độ cao mực nước sông, suối; lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng của sông, suối.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ ĐCTV, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng nước chảy vào mỏ khi khai thác, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

- Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

- Các hiện tượng địa chất tự nhiên và ĐCCT.

- Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức

độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHÍ MỎ

**(đối với các báo cáo kết quả thăm dò có công tác nghiên cứu khí mỏ
theo đề án thăm dò, thăm dò bổ sung)**

1. Phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu

- Nêu rõ phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu, thiết bị nghiên cứu.
- Phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí qua các giai đoạn.

2. Khối lượng, chất lượng công tác nghiên cứu khí

- Khối lượng các mẫu khí (định tính, định lượng) qua các giai đoạn thăm dò khoáng sản.

- Chất lượng các mẫu khí.

3. Đặc điểm phân bố khí và xếp hạng cấp khí mỏ

a) Kết quả nghiên cứu khí và xếp hạng cấp khí mỏ.

- Hàm lượng các chất khí (CO_2 , H_2 , CH_4 , $\text{CH}_4 + \text{H}_2$).
- Độ chứa khí tự nhiên (CO_2 , H_2 , CH_4 , $\text{CH}_4 + \text{H}_2$).

b) Kết quả nghiên cứu khí theo các công trình khác.

c) Kết quả nghiên cứu khí theo mức cao của báo cáo thăm dò.

d) Đặc điểm phân bố khí.

e) Phân loại mỏ theo cấp khí:

- Cơ sở pháp lý về phân cấp khí mỏ.
- Phân cấp khí mỏ theo kết quả thăm dò.
- Phân cấp khí mỏ theo Bộ Công Thương qua các năm.
- Kết quả phân cấp khí mỏ theo kết quả tổng hợp.

g) Những vấn đề cần quan tâm trong quá trình khai thác mỏ.

- Về trang thiết bị điện trong mỏ.
- Về đo khí trong mỏ (thiết bị cầm tay, hệ thống cảnh báo khí).
- Về công tác thông gió mỏ.

CHƯƠNG 7

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng khoáng sản theo báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng khoáng sản được áp dụng;

- Nguyên tắc, cách thức khoanh nổi thân khoáng tính trữ lượng;

- Phân khối và xếp cấp trữ lượng khoáng sản.

- Xác định các thông số tính trữ lượng khoáng sản.

- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp đối với khu vực dự kiến khai thác bằng phương pháp lộ thiên.

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng khoáng sản, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò khoáng sản, dữ liệu lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu; nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính đẳng hướng, dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng khoáng sản và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích,...).

CHƯƠNG 8

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

- Chi phí chung cho công tác thăm dò khoáng sản, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;

- Giá thành thăm dò khoáng sản cho một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng khoáng sản.

- Phân tích tính đúng đắn của các hệ phương pháp, khối lượng thăm dò đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;

- Kết quả chính báo cáo thăm dò khoáng sản đạt được;

- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;

- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;

- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình cơ quan có

thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các kết quả tính toán, phân tích

- Phụ lục 1: Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản.
- Phụ lục 2: Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa).
- Phụ lục 3: Kết quả phân tích các loại mẫu.
- Phụ lục 4: Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...).
- Phụ lục 5: Kết quả tính trữ lượng khoáng sản (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên....).
- Phụ lục 6: Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình).
- Phụ lục 7: Công tác Địa vật lý (nếu có).
- Phụ lục 8: Công tác nghiên cứu khí mỏ (nếu có).
- Phụ lục 9: Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ hoặc báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu công nghệ.
- Phụ lục 10: Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ).

2. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ

Các bản đồ, bản vẽ được lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò khoáng sản và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất. Các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo có thể bao gồm:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh).
- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000.
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh).
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000).

- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất.

- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò khoáng sản có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất.

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò khoáng sản bố trí theo tầng).

- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên); bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại; bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ.

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ; bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện; bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng; các mặt cắt địa vật lý - địa chất; các giản đồ karota lỗ khoan.

- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng khoáng sản, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng khoáng sản, bình đồ phân bố thân quặng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng khoáng sản phải thể hiện ranh giới các khối tính trữ lượng khoáng sản. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng khoáng sản. Con số trữ lượng khoáng sản, hàm lượng trung bình và trữ lượng khoáng sản có ích chính và khoáng sản đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng khoáng sản tính theo số liệu trắc địa mỏ.

- Bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV - ĐCCT khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5000.

- Bản đồ ĐCTV khu vực thăm dò khoáng sản tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Bản đồ ĐCCT khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000.

- Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn; đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm; các đồ thị quan trắc ĐCCT (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất...).

3. Phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

3.1. Khái quát chung về khu vực thăm dò khoáng sản

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;

- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;

- Công tác thăm dò khoáng sản đã tiến hành;

3.2. Đặc điểm chất lượng khoáng sản, tính khả thi về kỹ thuật công nghệ và cơ sở lựa chọn các giá trị giới hạn thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, đặc điểm địa chất các thân quặng, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò khoáng sản; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Kết quả dự tính trữ lượng theo chỉ tiêu dự kiến.

3.3. Luận giải các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản

- Hàm lượng biên của các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân quặng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu của thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ; (xem lại khái niệm hàm lượng CN (trung bình khối để trình bày lại nội dung này

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng khoáng sản hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng khoáng sản. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, mạng mạch stocvet, khi trữ lượng khoáng sản đạt chỉ tiêu không thể khoanh nổi riêng trên cơ sở chỉ tiêu công nghiệp và điều kiện iện kinh tế kỹ thuật khai thác mỏ và việc tính trữ lượng khoáng sản phải thực hiện bằng phương pháp xác suất.

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng khoáng sản

- Chiều dày tối thiểu thân quặng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu hoặc gam.met tối thiểu);

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân quặng được khoanh vào ranh giới tính trữ lượng khoáng sản;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng khoáng sản, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng khoáng sản theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản tối ưu cho mỏ.

Mẫu số 24 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HĐTLQG

Địa danh, ngày..... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản
mỏ(tên khoáng sản)..... tại khu vực(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....
(Trữ lượng tính đến tháng năm)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định ... (trích Thông tư quy định về biểu mẫu ...);

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về ... (trích Thông tư quy định về phân cấp trữ lượng...);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày tháng năm của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia tại phiên họp ngày..... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung theo “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....”, với các nội dung chính sau đây:

1. Diện tích khu vực công nhận kết quả thăm dò khoáng sản/thăm dò bổ sung là ha (Bằng chữ.....), có tọa độ xác định tại Phụ lục I và Bình đồ phân khối trữ lượng (Bình đồ phân bố thân quặng) kèm theo Quyết định này.

2. Công nhận trữ lượng khoáng sản.....(tên khoáng sản)..... đã tính trong báo cáo, bao gồm:

Cấp 121: tấn (hoặc m³).

Cấp 122: tấn (hoặc m³).

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn (hoặc m³).

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: tấn (hoặc m³).

Trữ lượng cấp 122: tấn (hoặc m³).

5. Mức sâu thấp nhất của các khối trữ lượng; thông kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thông kê chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, ...(tên tổ chức, cá nhân)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thành phố)
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ KHU VỰC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
THẨM DÒ KHOÁNG SẢN/THẨM DÒ BỔ SUNG**

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ... năm.....
của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN2000	
	Kinh tuyến trực..., múi chiếu 6°	
	X(m)	Y(m)
Diện tích: ... ha		

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA**

Phụ lục II

THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

**khoáng sản(tên khoáng sản).... tại(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ... năm.....
của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (tấn/m ³ /...)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
				
Tổng 122				
121+122				

17. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trong các trường hợp: đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản; giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản; giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời hạn khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại hoặc khi tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 50 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; tổ chức kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện

nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Mẫu số 11 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản*(tên loại khoáng sản)*.....tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....
 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của
*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản
Chức danh

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các móng khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp

Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ

sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...)

4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
6	Bình đồ tính trữ lượng
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có)
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
10	Các bản vẽ khác (nếu có)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

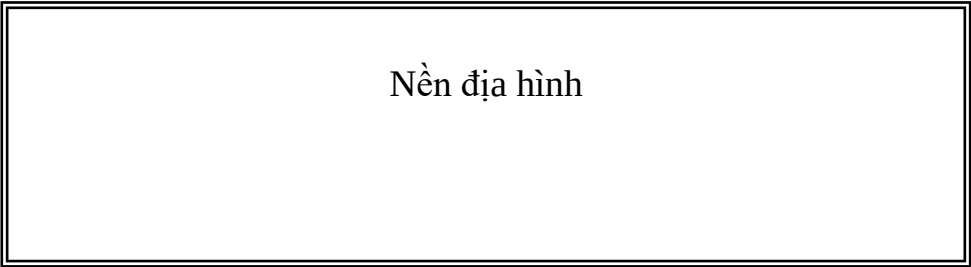
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khép góc

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiếu, số hiệu”

Mẫu số 11 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3.(*Tên cơ quan thẩm định hồ sơ*)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

(*ký ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

18. Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt trong các trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 50 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đề nghị điều chỉnh; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện tình hình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản điều chỉnh (*Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 15 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 03 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN
(PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản
.....*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*.....,
.....*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Quyết định số ngày tháng năm của
.....*(Tên cơ quan phê duyệt đề án (phương án) đóng cửa mỏ)*.....).

Nội dung đề nghị điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện
đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật
khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**
Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại): ;
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....
.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

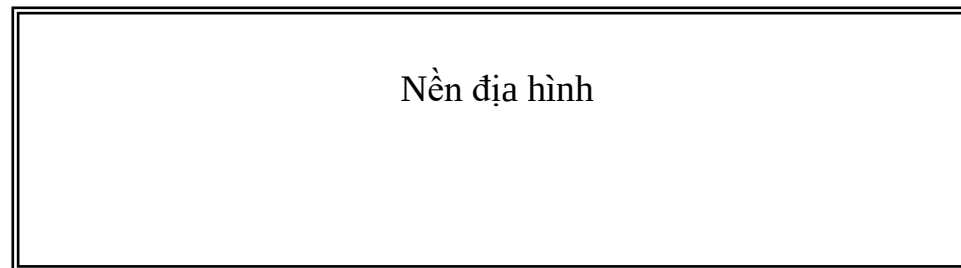
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khếp góc**

STT	Tên điểm khếp góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 15 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/QĐ-BNNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực.....thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt đề án)..... về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....);

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung sau đây:

1. Nội dung điều chỉnh:

a).....;

b)

2. Các nội dung khác quy định trong Quyết định số/QĐ-BNNMT..... nêu trên vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt đề án).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận pháp lý không tách rời của Quyết định số/QĐ-BNNMT..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án)).....

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

19. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ, khu vực biển hoặc trả lại một phần diện tích đã khai thác (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản) lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đề nghị điều chỉnh; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề nghị điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Hoàn thiện, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc chấp thuận điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản;

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh

sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc chấp thuận điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả chấp thuận nội dung phương án mỏ khoáng sản để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(Mẫu số 13 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục: Văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 02 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT
PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

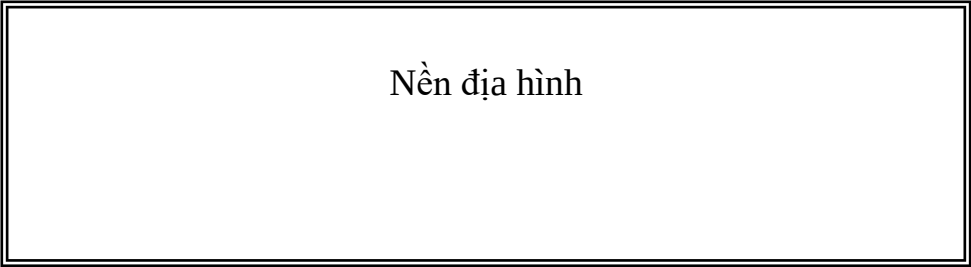
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khếp góc

STT	Tên điểm khếp góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 13 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/TB-BNNMT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi:(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

sản) nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Thông báo này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... đề chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Các Cục: ĐCKS, MT;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

20. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: Bộ phận Một cửa lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 40 ngày làm việc, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan về kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

+ Tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (có thể tiến hành đồng thời với hoạt động lấy ý kiến nêu trên);

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 15 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. Trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Hồ sơ hoàn công và các văn bản chứng minh đã thực hiện khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận;

- Bản chính hoặc bản sao y Văn bản thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Mẫu số 17 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục: Văn bản đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.
- Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.

Mẫu số 04 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
*(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)*..... về việc phê
 duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản *(Tên Đề án (Phương
 án))*.....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án
 (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản do Cục Địa chất và Khoáng sản Việt
 Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) lập ngày tháng
 năm

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai
 thác) *(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực..... thuộc*(tên cấp
 xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số
 ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

*(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai
 thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):*

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khớp góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**

Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại): ;
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....
.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

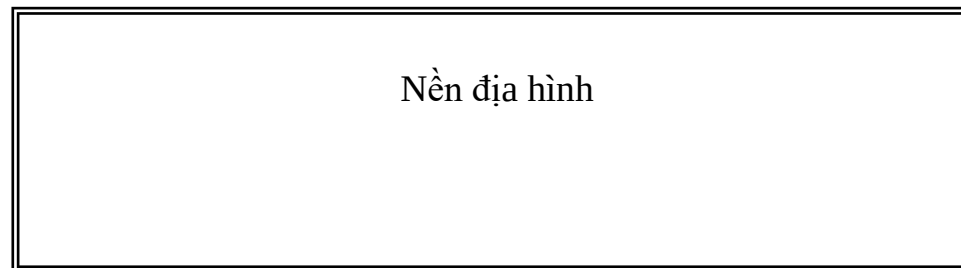
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khếp góc**

STT	Tên điểm khếp góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Nền địa hình

Người lập
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiếu, số hiệu”

Mẫu số 17 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản).....tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án))..... về việc phê

duyet (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày tháng năm; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm;

Căn cứ Văn bản của về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....
.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được(Tên cơ quan có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Thông báo) số/..... ngày tháng năm

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km ²			

Phụ lục II**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ ÁN/PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ...
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyet	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

21. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia điều tra địa chất về khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>).

- Bước 2. Tiếp nhận và tuyển chọn:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc công bố danh mục đề án điều tra địa chất về khoáng sản khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia điều tra kèm theo thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trang thông tin điện tử của địa phương có diện tích điều tra địa chất về khoáng sản (ít nhất 30 ngày), Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức các hoạt động sau:

- + Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý và hợp lệ của hồ sơ;
- + Thành lập và tổ chức họp Hội đồng đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản. Việc đánh giá hồ sơ dựa trên các tiêu chí: tính khả thi và chất lượng của thuyết minh đề án điều tra địa chất về khoáng sản; năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản; kinh nghiệm và năng lực thực hiện;
- + Công khai kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin của địa phương nơi thực hiện đề án;

- Bước 3. Trình phê duyệt kết quả tuyển chọn:

Căn cứ kết quả tuyển chọn, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân được tuyển chọn ký kết hợp đồng thực hiện đề án điều tra địa chất về khoáng sản sau khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả tuyển chọn.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh đề án điều tra địa chất về khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Văn bản, tài liệu chứng minh năng lực tài chính; tài liệu minh chứng kinh nghiệm thực hiện công tác điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: thời gian tuyển chọn là 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả tuyển chọn tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 02 - Phụ lục I: Mẫu Đề án điều tra địa chất về khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Tổ chức được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; cá nhân tự nguyện tham gia điều tra địa chất về khoáng sản;

+ Có năng lực tài chính, được chứng minh thông qua các báo cáo tài chính đã kiểm toán hoặc tài liệu tương đương;

+ Có năng lực chuyên môn kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của đề án điều tra địa chất;

+ Cam kết thực hiện đầy đủ kinh phí và trách nhiệm liên quan đến đề án;

+ Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia hoạt động điều tra địa chất theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt đề án, dự án, nhiệm vụ, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và công bố kết quả điều tra cơ bản địa chất.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

MỞ ĐẦU**Phần I****CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ ÁN****Chương I****ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN, KINH TẾ NHÂN VĂN**

1. Tổng quan về đối tượng khoáng sản.
2. Đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế nhân văn

Chương II**SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT**

(Thống kê các công trình đã nghiên cứu có liên quan, mức độ, thời gian; đánh giá giá trị, các tồn tại)

Chương III**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN VÙNG ĐÁNH GIÁ**

1. Đặc điểm địa chất vùng.
2. Đặc điểm khoáng sản.
3. Sơ bộ đánh giá triển vọng khoáng sản và lựa chọn diện tích đánh giá.

Phần II**CÁC PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ KHOÁNG SẢN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Chương IV****CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT VÀ KHỐI LƯỢNG**

1. Cơ sở khoa học lựa chọn phương pháp: tùy thuộc vào đối tượng khoáng sản cần đánh giá để lựa chọn tổ hợp các phương pháp hợp lý; có thể lựa chọn một số hoặc toàn bộ các phương pháp được nêu ở mục 2 dưới đây.
 2. Các phương pháp kỹ thuật và khối lượng
 - 2.1. Công tác viễn thám
 - 2.2. Công tác trắc địa
 - 2.3. Công tác địa chất: điều tra, đánh giá
 - 2.4. Công tác địa vật lý
 - 2.5. Công tác địa hóa

2.6. Công tác trọng sa

2.7. Công tác ĐCTV - ĐCCT

2.8. Các dạng công trình dự kiến thi công

2.9. Công tác mẫu: Lấy mẫu, gia công mẫu, phân tích mẫu.

3. Công tác đánh giá hiện trạng tài nguyên xác định

** Lưu ý: Việc thiết kế khối lượng các hạng mục công việc phải logic và đảm bảo đủ chi tiết để áp dụng giá dự toán theo các định mức đơn giá hiện hành;*

Đối với các hạng mục chưa có đơn giá phải nêu được đầy đủ mục đích, yêu cầu sản phẩm và mô tả chi tiết quy trình/cách thức thực hiện.

Chương V

QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Dự báo các tác động của hoạt động điều tra địa chất tới môi trường
2. Các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường
3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Chương VI

DỰ KIẾN TÍNH TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Chỉ tiêu tính tài nguyên
2. Lựa chọn phương pháp tính tài nguyên
3. Công thức tính tài nguyên
4. Xác định các thông số tính tài nguyên
5. Khoanh nối và xếp cấp tài nguyên
6. Kết quả dự báo tài nguyên

Chương VII

TỔ CHỨC THI CÔNG

1. Tổ chức thi công
2. Lịch thi công đề án
3. Danh mục tài liệu nộp cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản (sau khi hoàn thành đề án)

Phần III

KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Chương VIII

DỰ TOÁN KINH TẾ

1. Căn cứ xây dựng đơn giá dự toán và vốn đầu tư đề án
2. Đơn giá các hạng mục công việc
3. Vốn đầu tư toàn đề án

KẾT LUẬN

....., tháng năm

TM tập thể tác giả

Chủ biên

(ký ghi rõ họ tên)

**DANH MỤC CÁC BẢN VẼ KÈM THEO ĐỀ ÁN
TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Tài liệu Lưu trữ: tên tài liệu, tác giả, năm, nơi lưu trữ.

(sắp xếp theo mức độ tham khảo, sử dụng)

- Tài liệu công bố: tài liệu, tác giả, năm, nơi xuất bản;

- Tài liệu đang thi công (nếu có)

22. Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và ra quyết định:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch thi công bổ sung của tổ chức, cá nhân, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản. Trường hợp cần thiết hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện trước khi ban hành văn bản chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

Bản chính hoặc bản sao y kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (trong đó nêu cụ thể khối lượng các hạng mục công trình cần thi công bổ sung, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc thi công) (*Mẫu số 30 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 30 - Phụ lục IV: Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét chấp nhận bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn khi tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ khối lượng công tác thăm dò theo đề án thăm dò mà giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn nhưng phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 30 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG

KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày ... tháng ... năm ... của)

(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép thăm dò đã hết thời hạn)

I. Mở đầu

Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng); tóm tắt kết quả thi công đề án và vấn đề còn tồn tại.

II. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở pháp lý của việc thực hiện thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.

- Trình bày các dạng công tác cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

23. Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Cục Địa chất và Khoáng sản phải tổng hợp hồ sơ theo quy định, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân;

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ (nội dung phương án được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

24. Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Cục Địa chất và Khoáng sản phải tổng hợp hồ sơ theo quy định, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân;

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ (nội dung phương án được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ);

- Báo cáo hiện trạng hoạt động khai thác khoáng sản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản tại khu vực liền kề hoặc giáp ranh với khu vực đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (nếu có).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

25. Chấp thuận đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải lập hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định, cho ý kiến lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Bộ phận Một cửa, địa chỉ tại số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (địa chỉ <http://dichvucong.mae.gov.vn>). Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ:

Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định hồ sơ đánh giá mức độ ảnh hưởng, lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3. Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

Trong thời gian 05 ngày làm việc, sau khi nhận được các ý kiến có liên quan, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Tổng quan khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, gồm mức độ điều tra địa chất về khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có);

+ Đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đầu tư đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khoáng sản;

+ Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án;

+ Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

- Báo cáo đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khoáng sản dự trữ với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản (Tổng quan khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, gồm mức độ điều tra địa chất về khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có); Đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đầu tư đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ khoáng sản; Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án; Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án đầu tư).

- Bản đồ hiện trạng khu vực thực hiện dự án đầu tư, thể hiện ranh giới, vị trí các hạng mục công trình có khả năng tác động đến khoáng sản dự trữ, tỷ lệ tối thiểu 1:10.000;

- Các tài liệu pháp lý liên quan đến dự án đầu tư, bao gồm: Báo cáo nghiên cứu liên khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quy hoạch liên quan đến dự án đầu tư (nếu có).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản ý kiến về nội dung quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Địa chất và khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản lựa chọn lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Thời hạn thông báo là 10 ngày, kể từ ngày có thông báo nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên.

+ Trong thời hạn thông báo (10 ngày), cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có); tiếp tục thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó tại trụ sở cơ quan, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho đến khi kết thúc 10 ngày đăng thông báo đầu tiên.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ và lựa chọn tổ chức, cá nhân:

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc ở Bước 2, cơ quan tiếp nhận hồ sơ không nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khác và chuyển hồ sơ đã tiếp nhận cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tiến hành lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo kết quả lựa chọn tới tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về lý do không được lựa chọn.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết:

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Tổ chức, cá nhân được lựa chọn để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có trách nhiệm gửi bổ sung đầy đủ các tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Quy trình, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

* Trường hợp đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định và phê duyệt là khu vực khoáng sản phóng xạ, than; trừ khu vực than đã được khoanh định và công bố khu vực có quy mô khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và than bùn, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo thứ tự ưu tiên được xác định trong quyết định phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là chủ đầu tư dự án khai thác khoáng sản.

* Trường hợp đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định và phê duyệt là khu vực khoáng sản thuộc vành đai biên giới quốc gia chỉ lựa chọn các doanh nghiệp là nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật về đầu tư để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 30 và Điều 31 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có trách nhiệm lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật về biên phòng Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (*Mẫu số 01 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản

để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản sao y hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, gồm ít nhất một trong các văn bản sau:

+ Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm nộp hồ sơ: Biên bản giao nhận tài sản góp vốn; Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần; Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty; Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty; Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

+ Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm nộp hồ sơ: Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên; Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước: hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 01 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;

+ Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III, IV.

- Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹²⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹²⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản¹²⁷ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹²⁸:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹²⁹

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

¹²⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹²⁶ Áp dụng đối với cá nhân

¹²⁷ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹²⁸ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

¹²⁹ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 01 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản..., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh)....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh nổi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
 - Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên
cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ
lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiếu..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹³⁰
.....
(Ký, đóng dấu)

¹³⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

2. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 70 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; gửi đề án thăm dò khoáng sản đến các Ủy viên phản biện, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản, chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) để lấy ý kiến nhận xét về nội dung của đề án thăm dò khoáng sản. Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các Ủy viên Hội đồng;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án thăm dò khoáng sản và các bản vẽ kèm theo (*Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y của Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; cụ thể gồm:

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ:

* **Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Biên bản giao nhận tài sản góp vốn;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- + Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần;
- + Giấy chứng nhận phần vốn góp của các thành viên công ty;
- + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty;
- + Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

*** Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

- + Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên;
- + Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

*** Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước:** hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

Đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 80 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 11 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 01 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: (1) Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; (2) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; (3) Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam; (4) Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III) được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản khi thuộc các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 30 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đã tham gia điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại Điều 22 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 9 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại Điều 35 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có đề xuất thăm dò khoáng sản tại khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực đã được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo tiêu chí quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 143 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Tổ chức, cá nhân đã được chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

(2) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản theo quy định của Nghị định này trong trường hợp trực tiếp thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản hoặc có hợp đồng với tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản quy định tại các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thăm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị thăm dò khoáng sản phóng xạ.

(3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 37, khoản 1 Điều 38 Luật Địa chất và khoáng sản và quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất khoáng sản bao gồm:

* Tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;

- Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan;

- Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản

* Tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản:

- Đối với đề án thăm dò khoáng sản nhóm II, nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản bao gồm chủ nhiệm đề án thăm dò và các nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản và các quy định sau đây:

- + Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- + Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc ngành địa chất, khoáng sản (chuyên ngành địa chất thăm dò, kỹ thuật địa chất hoặc tương đương); đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức đào tạo chuyên ngành về địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương với chuyên ngành về địa chất thăm dò khoáng sản cấp;

Đối với đề án thăm dò khoáng sản nhóm II, phải có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm với vai trò theo văn bằng được đào tạo quy định tại điểm b khoản này. Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, chủ nhiệm đề án thăm dò còn phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc đã làm chủ nhiệm ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản từ bước lập đề án đến bước lập báo cáo kết quả thăm dò được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- + Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm III và IV, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ được thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ được phụ trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

* Nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

- Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm II, phải có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học;

- Đối với các đề án thăm dò khoáng sản nhóm III và IV, phải có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản tối thiểu 02 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 01 năm đối với người có trình độ đại học.

* Yêu cầu về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản:

Thiết bị, công cụ chuyên dùng (trực tiếp sở hữu hoặc thuê của tổ chức, cá nhân khác) để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải bảo đảm số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹³¹ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹³² số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản¹³³ kèm theo Văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹³⁴:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹³⁵

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹³¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹³² Áp dụng đối với cá nhân

¹³³ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹³⁴ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

¹³⁵ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 01 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

.....(tên loại khoáng sản)....., thuộc(tên cấp xã).....,
(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
 (Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò khoáng sản.

- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.

- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu địa chất khu vực thăm dò khoáng sản

- Hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò khoáng sản.

- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò khoáng sản.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò khoáng sản.
- Mức độ nghiên cứu từng thân quặng, đới khoáng hóa chứa quặng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản cần thăm dò.
- Tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản cần thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;
- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò khoáng sản.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật bao gồm các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ địa hình nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);
- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng khoáng sản cần thăm dò).
- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản cần thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản cần thăm dò). Riêng Đề án thăm dò khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

- + Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.
- + Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.
- + Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.
- + Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.
- + Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).
- + Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.
- + Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.
- + Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý
- + Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.
- + Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.
- + Công tác tổ chức thi công.
- + Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.
- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu được phép thăm dò).
- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu tác động đến môi trường khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori,...) và khoáng sản độc hại nhóm II: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ, môi trường khoáng sản độc hại theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 5

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoanh nổi thân quặng địa chất, thân quặng công nghiệp, phân khối, xếp cấp và phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng trong diện tích thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong Đề án, lập kế hoạch, tiến độ thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò khoáng sản kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò khoáng sản.

- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò khoáng sản.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

Mẫu số 10 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ...**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số..... ngày....tháng năm của(Tên cơ quan ban hành).....¹³⁶

Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹³⁷;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:

¹³⁶ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

¹³⁷ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹³⁸ Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(Tên Đề án thăm dò)..... do(Tên tổ chức, cá nhân)..... lập kèm theo Giấy phép này.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò(tên khoáng sản)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

¹³⁸ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND
 ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

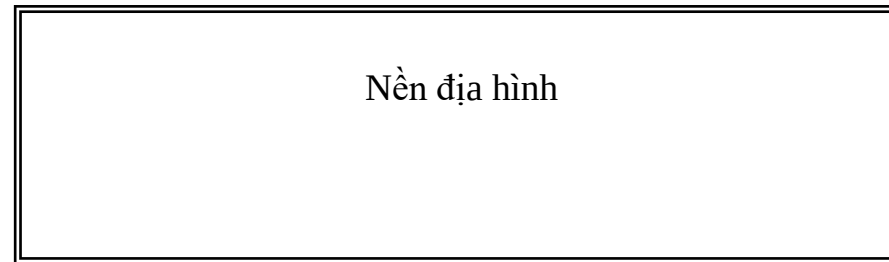
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
 cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
 BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ
 lệ..., kinh tuyến trục...,
 múi chiếu..., số
 hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
 độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹³⁹

 (Ký, đóng dấu)

¹³⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

3. Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 30 ngày.

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp

lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò (Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, địa phương cấp xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 15 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của Luật Địa chất và khoáng sản cụ thể: Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò khoáng sản vì sự kiện bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này nhưng không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng.

- Tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò đã và đang thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm cấp lại kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ.

Cụ thể gồm: Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; Thực hiện các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò theo quy định của Chính phủ, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử hoặc điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò, tổ chức, cá nhân phải báo cáo và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện; Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật; Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁴⁰ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁴¹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm để thăm dò(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... Diện tích thăm dò: ha/km².

Do đã hết thời hạn, kể cả thời gian gia hạn theo quy định nhưng(tên tổ chức, cá nhân) ... chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm

Lý do chưa hoàn thành công tác thăm dò:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Diện tích thăm dò: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ

¹⁴⁰ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁴¹ Áp dụng đối với cá nhân

xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản¹⁴² kèm theo văn bản này.

Vị trí công trình thăm dò¹⁴³:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹⁴⁴

Mục đích sử dụng khoáng sản:

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁴² Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹⁴³ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

¹⁴⁴ Áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁴⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁴⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

¹⁴⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁴⁶ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹⁴⁷

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

¹⁴⁷ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

Tổ chức, cá nhân
được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CẤP LẠI)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:

2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁴⁸ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁴⁸ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

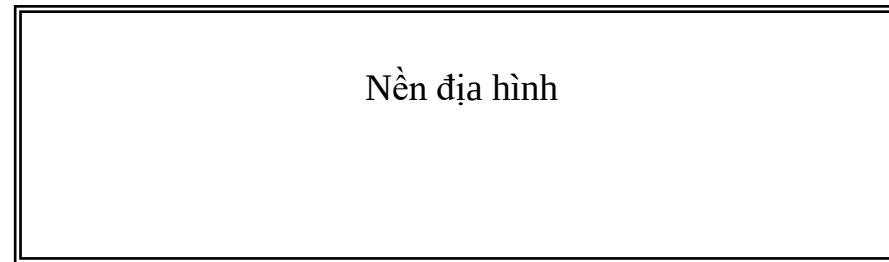
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên
 cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 (Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
 BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ
 bản đồ địa hình tỷ
 lệ..., kinh tuyến trục...,
 múi chiếu..., số
 hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
 độ

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁴⁹

 (Ký, đóng dấu)

¹⁴⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

4. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp

lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Mẫu số 13 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn;

- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại thời điểm gia hạn; trường hợp phải tiếp tục gia hạn lần 2 thì phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán còn lại kể từ lần gia hạn trước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

..... (Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngày tháng ... năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁵⁰ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁵¹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

¹⁵⁰ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁵¹ Áp dụng đối với cá nhân

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹⁵²

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					

¹⁵² Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					

3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 13 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm để(tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục thăm dò (tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến hết ngày tháng năm

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện phương pháp, khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... do... (*tên cơ quan cấp phép*)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(*tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng*)..... thành lập.

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

5. Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan

tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân kèm theo văn bản minh chứng việc đổi tên theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

* Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc.

- Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

- Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 15 ngày làm việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Mẫu số 19 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: Tại

thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 15 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò *(tên khoáng sản¹⁵³)*..... tại*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

Đề nghị điều chỉnh *(nội dung điều chỉnh¹⁵⁴)*..... của Giấy phép thăm dò khoáng sản như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép thăm dò đã cấp)*.....;
- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;
- Diện tích trả lại:..... ha (km²)¹⁵⁵;
- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²)¹⁵⁶.

Diện tích đề nghị điều chỉnh và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khếp góc xác định tại Phụ lục I và Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản kèm theo văn bản này¹⁵⁷.

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)* cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁵³ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

¹⁵⁴ Nêu rõ các nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định.

¹⁵⁵ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

¹⁵⁶ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản.

¹⁵⁷ Áp dụng đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh diện tích thăm dò khoáng sản. Bản đồ ranh giới, diện tích khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục I

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản		
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁵⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁵⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

¹⁵⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁵⁹ Áp dụng đối với cá nhân

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹⁶⁰

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; lý do tăng giảm khối lượng
			Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				

¹⁶⁰ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

Tọa độ các điểm khếp góc

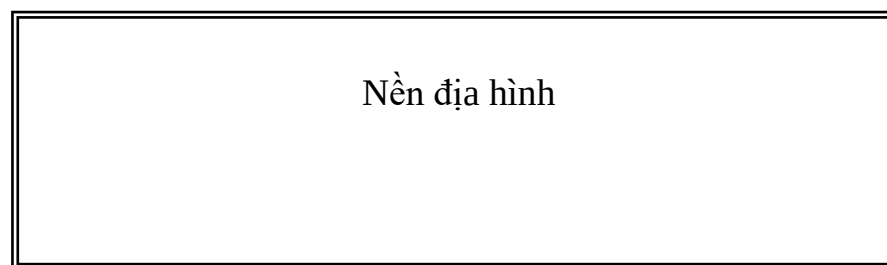
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁶¹

 (Ký, đóng dấu)

¹⁶¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

Mẫu số 19 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;*

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh (nội dung, điều, khoản)..... quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân)..... thăm dò ... (tên khoáng sản)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

.....(nội dung điều chỉnh).....

.....(*nội dung điều chỉnh*).....

Tọa độ, diện tích khu vực không được tiếp tục thăm dò, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này¹⁶².

Tọa độ, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản được trả lại, được tiếp tục thăm dò khoáng sản được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁶³ kèm theo Quyết định này¹⁶⁴.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Tiếp tục thăm dò khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định tại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

3. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích không được tiếp tục thăm dò và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật¹⁶⁵.

4. Chấm dứt hoạt động thăm khoáng sản tại phần diện tích được trả lại và thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò theo quy định của pháp luật¹⁶⁶.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ... tháng ... năm ... của (*Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- UBND tỉnh (thành phố)...
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)...
- Lưu HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁶² Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

¹⁶³ Bản đồ ranh giới khu vực trả lại, khu vực tiếp tục thăm dò thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

¹⁶⁴ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

¹⁶⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

¹⁶⁶ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC THĂM DÒ,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND

ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)...))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực không được thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực được tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km ²		
1		
2		
...		
n		

¹⁶⁷ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực thăm dò

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...Phụ lục II¹⁶⁸**TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực được trả lại: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản: ...ha/km²		
1		
2		
...		
n		

¹⁶⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò

6. Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung

hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ chức, cá nhân chưa thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 11 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

* Trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản khi tổ chức, cá nhân đã thực hiện hoạt động thăm dò khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính giấy phép thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 11 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò và kế hoạch thăm dò tiếp theo (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 21 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Mẫu số 11 - Phụ lục III: Giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);
- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thực hiện công tác thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị trả lại (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).
- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ (tên mỏ¹⁶⁹)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁶⁹ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 11 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ...***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng năm.....;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch;**Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về;**Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số..... ngày....tháng năm của(Tên cơ quan ban hành).....¹⁷⁰**Căn cứ Quyết định số ngày.... tháng năm.... của(Tên cơ quan ban hành)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁷¹;**Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày tháng năm nộp tại và Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản:

¹⁷⁰ Áp dụng đối với các khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản¹⁷¹ Áp dụng đối với khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁷² Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m (nếu thấy cần thiết).

5. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò khoáng sản(*Tên Đề án thăm dò*)..... do(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... lập kèm theo Giấy phép này.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò(*tên khoáng sản*)..... theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo giấy phép này.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

¹⁷² Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND
 ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 32 - Phụ lục V

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02.tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁷³ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁷⁴ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

¹⁷³ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁷⁴ Áp dụng đối với cá nhân

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹⁷⁵

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú; lý

¹⁷⁵ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

	việc	tính	Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	do tăng giảm khối lượng
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV- ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV- ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					

2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

466
Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Phụ lục II

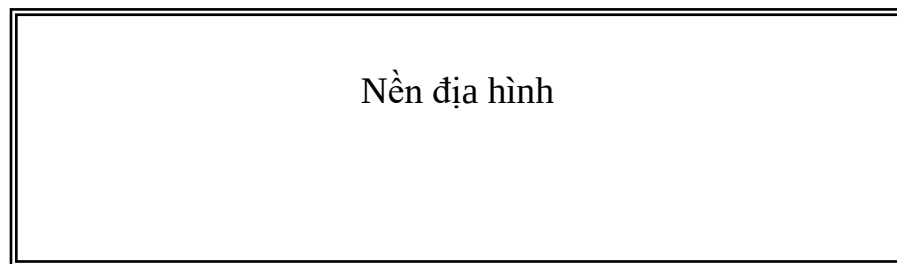
CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)...., ...(tên
cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-
BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)*



“Được trích lục từ tờ
bản đồ địa hình tỷ
lệ..., kinh tuyến trục...,
múi chiều..., số
hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁷⁶
.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁷⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:50.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.

Mẫu số 21 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../QĐ-UBND **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm của

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò) ... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm thực hiện việc san lấp, đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(tên tổ chức, cá nhân)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

7. Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thẩm định các tài liệu trong hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan chuyên môn về kết quả thực hiện đề án thăm dò khoáng sản nhưng tổng thời gian thực hiện không vượt quá thời gian quy định là 20 ngày;

+ Hoàn thiện và trình hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ hợp

lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (*Mẫu số 06 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (*Mẫu số 32 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

- Bản sao y của Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính quy định tại Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Cụ thể:

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ:

*** Đối với doanh nghiệp mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

+ Biên bản giao nhận tài sản góp vốn;

+ Giấy chứng nhận phân vốn góp của các thành viên công ty, sổ đăng ký thành viên đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

+ Sổ đăng ký cổ đông, chứng từ thanh toán cổ phần đăng ký mua của các cổ đông sáng lập đối với Công ty cổ phần;

+ Giấy chứng nhận phân vốn góp của các thành viên công ty;

+ Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức hoặc chứng từ chứng minh vốn đã góp của chủ sở hữu Công ty;

+ Văn bản chứng minh vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

*** Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập trong năm:** nộp hồ sơ, hồ sơ năng lực tài chính gồm bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử của ít nhất một trong các văn bản sau:

+ Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên, hợp tác xã thành viên;

+ Văn bản chứng minh đã nhận được các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

*** Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập từ năm trước năm nộp hồ sơ trở về trước:** hồ sơ năng lực tài chính phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất.

- Bản sao y Hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản để thực hiện thăm dò khoáng sản theo giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không trực tiếp thực hiện thi công đề án thăm dò khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Mẫu số 17 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 32 - Phụ lục V: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ theo giấy phép thăm dò khoáng sản đã được cấp tính đến thời điểm chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản khi đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nhượng;

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng kèm theo các văn bản chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ và được Ủy ban nhân cấp tỉnh xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng đối với giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản và Điều 26 của Nghị định này. Cụ thể gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;

+ Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III, IV;

+ Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản;

+ Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu hoặc bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% của tổng dự toán đề án thăm dò khoáng sản và có hồ sơ năng lực tài chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp bên nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp nước ngoài.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được *(Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)*..... cho phép thăm dò khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ¹⁷⁷)*..... thuộc ...*(tên cấp xã)*..., ...*(tên cấp tỉnh)*...

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁷⁸ số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh)*.....; hoặc Căn cước công dân¹⁷⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng chuyển nhượng số ngày..... tháng..... năm.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân
nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁷⁷ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

¹⁷⁸ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁷⁹ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 17 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(CHUYỂN NHƯỢNG)****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm*

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của (cơ quan ban hành) phê duyệt Quy hoạch

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân).....;

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... và(tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....) từ(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... để tiếp tục thăm dò(tên khoáng sản)..... với các nội dung chính sau đây:

1. Loại khoáng sản:
2. Vị trí khu vực thăm dò:, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Diện tích khu vực thăm dò:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục I và Phụ lục II¹⁸⁰ của Giấy phép này.

4. Mức sâu được phép thăm dò: từ mức m đến mức..... m.

5. Phương pháp, khối lượng công tác thăm dò: theo phương pháp và khối lượng công tác thăm dò còn lại của Đề án thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-... ngày ... tháng ... năm ... do ...(tên cơ quan cấp phép)... cấp, được xác định và đánh giá tại Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản số ... ngày ... do(tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)..... thành lập.

6. Thời gian thăm dò: tháng, kể từ ngày giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện công tác thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật.

3. Các yêu cầu cần thiết khác đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NN&MT (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố... (bản sao).

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸⁰ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục I

TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ha		

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

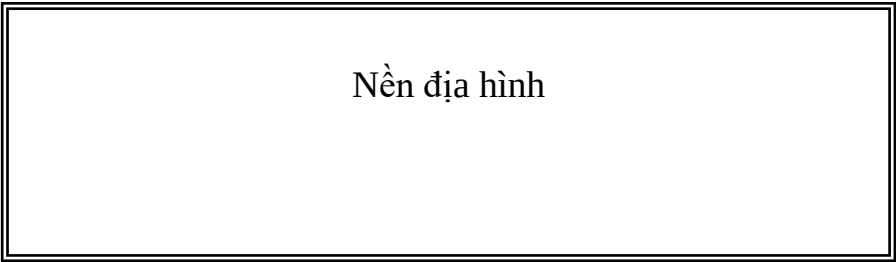
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN
.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁸¹
.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁸¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 32 - Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
VÀ KẾ HOẠCH THĂM DÒ TIẾP THEO**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁸² số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁸³ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò)..... cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày tháng năm cho phép thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....; được gia hạn tại Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) số ngày tháng ... năm, thời hạn gia hạn tháng (nếu có).

.....(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐẾN NGÀY

1. Tình hình thi công đề án thăm dò khoáng sản

¹⁸² Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁸³ Áp dụng đối với cá nhân

Trình bày cụ thể phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện đến thời điểm báo cáo.

2. Nhận xét, đánh giá về công tác thăm dò khoáng sản

- Đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đã đạt được đến thời điểm báo cáo.
- Nêu cụ thể những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng đã thực hiện (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu, thăm dò khoáng sản tiếp theo (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).
- Dự kiến đề xuất điều chỉnh về diện tích, phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản tiếp theo (nếu có), nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi (trừ trường hợp đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản).

II. KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG			CHI PHÍ		
			Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại	Theo đề án	Đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2								
3								
...								

III. KẾ HOẠCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TIẾP THEO¹⁸⁴

1. Thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản: tháng (năm), từ ngày.... tháng năm.... đến ngày..... tháng.... năm...

2. Khối lượng, thời gian tiếp tục thăm dò khoáng sản:

STT	Hạng mục công	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú; lý

¹⁸⁴ Không phải thực hiện nội dung này trong trường hợp trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản

	việc	tính	Còn lại tiếp tục thăm dò	Dự kiến thời gian thực hiện	Tăng, giảm so với đề án	do tăng giảm khối lượng
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1						
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV- ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV- ĐCCT tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					

2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3						
VI	Lập báo cáo tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn và khối lượng công tác thăm dò khoáng sản theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

**Tổ chức, cá nhân
 được phép thăm dò
 (Ký tên, đóng dấu)**

8. Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi thăm dò bổ sung để nâng cấp từ cấp tài nguyên lên thành cấp trữ lượng, nâng cấp trữ lượng từ cấp có độ tin cậy thấp lên cấp có độ tin cậy cao hoặc thăm dò bổ sung để xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm hoặc các thân khoáng sản mới phát hiện trong khu vực được phép khai thác khoáng sản đề nghị thăm dò bổ sung lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và tài liệu theo quy định của tổ chức, cá nhân; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải gửi đề án thăm dò bổ sung để lấy ý kiến của các cơ quan, chuyên gia có chuyên môn về thăm dò khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản mời đọc nhận xét, phản biện kèm theo đề án thăm dò bổ sung của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, chuyên gia được lấy ý kiến phải có văn bản nhận xét, phản biện đối với nội dung kỹ thuật của đề án;

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được đủ ý kiến nhận xét, phản biện của cơ quan, chuyên gia có chuyên môn Sở Nông nghiệp và Môi trường phải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, chấp thuận.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân thực hiện. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, đồng thời hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (*Mẫu số 07 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác;

- Đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm (*Mẫu số 02 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề tổ chức, cá nhân thực hiện thăm dò bổ sung.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 02 - Phụ lục VI: Đề án thăm dò bổ sung (*Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản thì phải hợp đồng với tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản (Được thành lập theo quy định của pháp luật; Có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan; Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản) và các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ để thực hiện công tác thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng khoáng sản/xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ BỔ SUNG ĐỀ NÂNG CẤP TÀI
 NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CHÍNH/ XÁC ĐỊNH TRỮ
 LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐI KÈM**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp giấy phép thăm dò).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)¹⁸⁵ số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh).....; hoặc Căn cước công dân¹⁸⁶ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Được phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại xã, tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản).....

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản, ...(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép) được tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng tại các khối tài nguyên cấp, khối trữ lượng cấp ... /xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm là (tên khoáng sản đi kèm) trong phạm vi diện tích được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác).

Vị trí, diện tích thăm dò bổ sung: ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò (bổ sung)¹⁸⁷ kèm theo văn bản này.

Mức sâu thấp nhất của công trình thăm dò bổ sung: đến mức m

¹⁸⁵ Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài

¹⁸⁶ Áp dụng đối với cá nhân

¹⁸⁷ Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này và Mẫu số 09 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Thời gian thăm dò bổ sung: tháng (năm), kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Hợp đồng kinh tế số, ngày tháng năm với(tên tổ chức lập đề án thăm dò).....¹⁸⁸

Mục đích sử dụng khoáng sản:

Vị trí công trình thăm dò¹⁸⁹:

Số hiệu	Chiều sâu	Tọa độ	Ghi chú
GK	(m)	X Y	

..... (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

¹⁸⁸ Áp dụng đối với trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức khác lập đề án thăm dò khoáng sản

¹⁸⁹ Áp dụng đối với trường hợp thăm dò bổ sung để nâng cấp trữ lượng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

Mẫu số 09 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục II

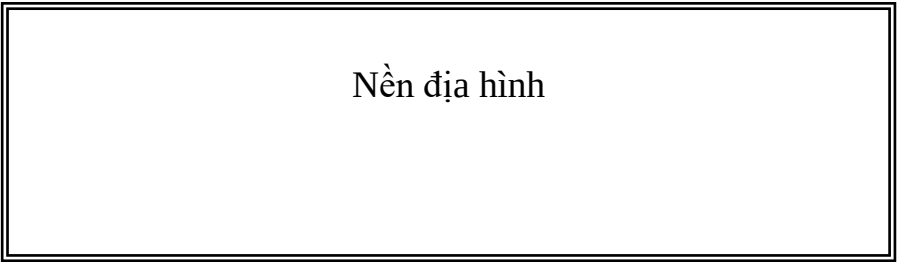
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....
....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản ... số .../GP-BNNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ...)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Tổ chức, cá nhân lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁹⁰
.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁹⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản, quyết định cho phép điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản;

Tỷ lệ của bản đồ quy định như sau:

1. Đối với khu vực có diện tích từ 05 km² trở lên bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:25.000.
2. Đối với khu vực có diện tích từ 02 km² đến dưới 5 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:10.000.
3. Đối với khu vực có diện tích từ 0,5 km² đến dưới 2 km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:5.000.
4. Đối với khu vực có diện tích nhỏ hơn 0,5km², bản đồ khu vực được lập trên nền bản đồ trích lục từ bản đồ địa hình, hệ tọa độ VN-2000, có tỷ lệ không nhỏ hơn 1:2.000.

Mẫu số 02 - Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM DÒ BỔ SUNG)

ĐỀ ÁN THẨM DÒ BỔ SUNG

.....(tên loại khoáng sản)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp huyện)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ BỔ SUNG

.....(*tên loại khoáng sản*)....., (trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số Của Bộ, ngày Mỏ.....) thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp huyện*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý, kỹ thuật và cơ sở tài liệu để lập Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản (trong mẫu này viết tắt là Đề án) và đối tượng khoáng sản.

1.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập Đề án.

1.2. Liệt kê các tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả thăm dò, khai thác ở mỏ để sử dụng lập Đề án.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò bổ sung (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

4. Thông tin về đơn vị lập Đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập Đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò bổ sung.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu địa chất, khoáng sản

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung.
- Các kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản.
- Các phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện và đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò bổ sung.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả khai thác khoáng sản tại khu vực thăm dò bổ sung

Hiện trạng mức độ đầu tư, thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; đánh giá hiện trạng, sản lượng của hoạt động khai thác mỏ trong khu vực thăm dò bổ sung so với trữ lượng cấp phép khai thác, nguyên nhân tăng giảm.

4. Đặc điểm địa chất, khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung

- Đặc điểm địa chất khu vực thăm dò bổ sung.
- Mô tả chi tiết mức độ nghiên cứu, nguồn gốc, quy mô, chất lượng từng thân quặng có trong trong khu vực thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ BỔ SUNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Nội dung quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng để lựa chọn phương pháp với đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Đánh giá về đặc điểm, cấu trúc địa chất, loại hình nguồn gốc, điều kiện thành tạo, mức độ phân bố, thành phần vật chất, tính chất vật lý và điều kiện thi công của đối tượng khoáng sản thăm dò bổ sung.

- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò bổ sung với đối tượng khoáng sản; đề xuất tổ hợp phương pháp thăm dò bổ sung.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích, cách thức thực hiện, dự kiến khối lượng thực hiện. Tùy theo mức độ các phương pháp, khối lượng đã thực hiện trong các nghiên cứu địa chất, điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản ở giai đoạn trước, công trình thăm dò phục vụ khai thác và mức độ yêu cầu của đối tượng khoáng sản cần thăm dò bổ sung để dự kiến các phương pháp, khối lượng trong Đề án.

Các phương pháp thăm dò khoáng sản chủ yếu là:

- Công tác trắc địa: nêu mục đích, nhiệm vụ, thiết bị đo vẽ, khối lượng dự kiến. Công tác kỹ thuật thực hiện các dạng công tác: xác định mốc gốc và mua số liệu mốc (trường hợp mốc gốc có sẵn trong khu mỏ, phải có tài liệu chứng minh); thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao, nêu yêu cầu độ chính xác của các lưới; thành lập bản đồ hiện trạng nêu phương pháp đo, thiết bị đo, tỷ lệ bản đồ, khoảng cao đều, hệ tọa độ, diện tích thăm dò và mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ. Trường hợp sử dụng bản đồ hiện trạng khai thác mỏ hàng năm thì phải bổ sung vào đề án kèm theo tài liệu chứng minh; công tác trắc địa công trình nêu phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế đưa ra thực địa và đo thu vào bản đồ, khối lượng công trình chủ yếu và thứ yếu; phương pháp định tuyến, đo vẽ mặt cắt tuyến thăm dò; Bổ sung công tác xác định các công trình cũ (nếu có);

- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa hóa (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò bổ sung);

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò bổ sung). Riêng Đề án thăm dò bổ sung khoáng sản than, công tác địa vật lý lỗ khoan cần nêu một số nội dung sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng giải quyết các vấn đề địa chất của từng phương pháp địa vật lý lỗ khoan trong thăm dò than.

Cơ sở địa chất, địa vật lý của từng phương pháp lựa chọn trong tổ hợp.

Khái quát đặc điểm địa chất của vùng đo địa vật lý.

Đặc điểm các trường địa vật lý trên mặt, trong lỗ khoan.

Các tham số địa vật lý của các tầng đất đá, quặng (than).

Máy móc, thiết bị và kỹ thuật thi công các phương pháp địa vật lý đã lựa chọn.

Điều kiện thi công tổ hợp các phương pháp địa vật lý.

Yêu cầu về kiểm soát chất lượng trong thi công các phương pháp địa vật lý

Cơ sở và nội dung phân tích tài liệu địa vật lý lỗ khoan.

Thành lập thiết đồ địa vật lý lỗ khoan.

Công tác tổ chức thi công.

Sản phẩm của công tác địa vật lý lỗ khoan.

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.

- Công tác nghiên cứu khí mỏ: Đối với các đề án thăm dò than, khoáng sản phóng xạ, Hg, As, khoáng sản kim loại, đa kim dự kiến khai thác bằng phương pháp hầm lò: Dự kiến phương pháp lấy mẫu khí sử dụng và phòng thí nghiệm phân tích mẫu khí; Dự kiến số lượng mẫu khí các loại (định tính và định lượng) cần lấy theo các tuyến thăm dò và theo các mức cao (đến độ sâu nhất được phép thăm dò).

- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ (sự biến đổi góc dốc, chiều dày của vỉa khoáng sản; mức độ biến động kiến tạo của khoáng sản,...).

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo kết quả thăm dò.

- Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

CHƯƠNG 3

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp cảnh báo, giảm thiểu khi thực hiện Đề án.

- Đối với các mỏ phóng xạ và các mỏ có chứa nguyên tố phóng xạ (Urani, thori...): Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo pháp luật về năng lượng nguyên tử hiện hành.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công Đề án.

CHƯƠNG 4

DỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan nôi thân quặng, dự tính trữ lượng khoáng sản theo cấp trữ lượng dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò bổ sung.

CHƯƠNG 5

TỔ CHỨC THI CÔNG

Lập kế hoạch, tiến độ, thời gian thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành; thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò bổ sung, dự kiến thời gian trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò bổ sung tính từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG 6

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Đánh giá đặc điểm địa chất, khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản đồ, bản vẽ kèm theo

- Sơ đồ lưới không chế mặt phẳng và độ cao (nếu có)
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò bổ sung
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

2. Phụ lục các tài liệu kèm theo

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập Đề án (nếu có).
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập Đề án.

9. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ

sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản, các bản đồ, mặt cắt, bản vẽ thiết kế liên quan (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

- Bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật;

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*Mẫu số 15 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 1.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 80.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 100.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 60.000.000 đồng/01 giấy phép.

(8) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: (1) Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; (2) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; (3) Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III);

- Là tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản hợp pháp;

- Có hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản(tên khoáng sản).....tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đã được(cơ quan phê duyệt)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng(tên khoáng sản)..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (tên khoáng sản) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác¹⁹¹:.....(tấn, m³,...), trong đó:
 - a) Khoáng sản chính (theo từng cấp trữ lượng):(tấn, m³,...);
 - b) Khoáng sản đi kèm (theo từng cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm¹⁹², trong đó:
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:

¹⁹¹ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

¹⁹² “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

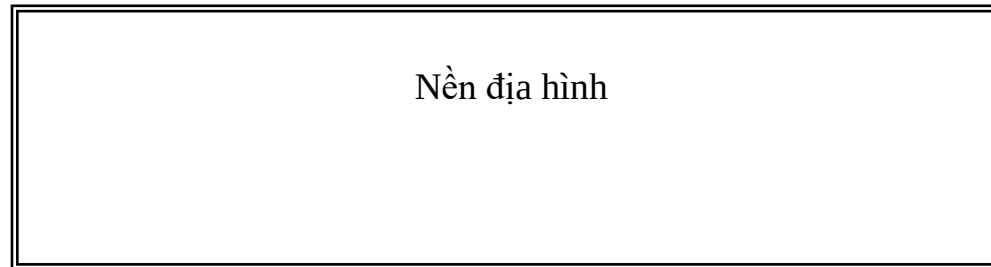
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân¹⁹³.....
(Ký, đóng dấu)

¹⁹³ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 15 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ngày ... tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh (thành phố).....

Căn cứ văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án (công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp)¹⁹⁴(nếu có);

Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản đề nghị khai thác (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của ¹⁹⁵;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....¹⁹⁶;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền

¹⁹⁴ Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

¹⁹⁵ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

¹⁹⁶ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

*khai thác khoáng sản*¹⁹⁷;

*Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*¹⁹⁸;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác¹⁹⁹:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

5. Công suất khai thác tối đa²⁰⁰:(tấn, m³/năm).

6. Thời hạn khai thác:

7. Thời gian khai thác²⁰¹:

a) Trong ngày: từ đến

b) Trong năm: từ tháng đến tháng

8. Dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp sử

¹⁹⁷ Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

¹⁹⁸ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

¹⁹⁹ Là “Khối lượng khoáng sản được phép khai thác” áp dụng đối với khoáng sản nhóm IV và không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

²⁰⁰ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”

²⁰¹ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

dụng khoáng sản²⁰²:

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.²⁰³

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Ủy ban nhân dân(*Tên cấp xã*).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁰² Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

²⁰³ Chỉ áp dụng đối với các giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ

sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp lại hoặc không cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 21 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc trường hợp thời hạn khai thác khoáng sản (bao gồm cả thời gian gia hạn) đã hết mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng (quy định tại điểm b khoản 4 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản);

2. Đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và khoáng sản đối giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước đó, gồm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng.

- Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện.

- Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm

tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này.

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

- Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

4. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 07 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản²⁰⁴)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Trữ lượng *(tên khoáng sản)*..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...), trong đó:

Trữ lượng đã khai thác: (tấn, m³,...);

Trữ lượng còn lại chưa khai thác: (tấn, m³,...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

²⁰⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi²⁰⁵:.....

Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau²⁰⁶:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:.....

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁰⁵ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

²⁰⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

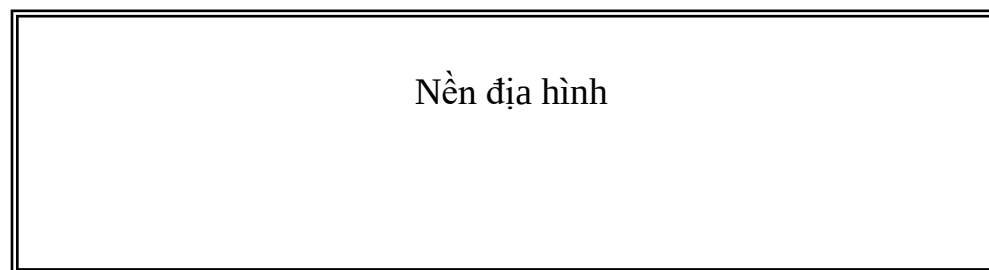
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁰⁷.....
(Ký, đóng dấu)

²⁰⁷ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁰⁸:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁰⁹

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²⁰⁸ Thời điểm báo cáo

²⁰⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²¹⁰

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²¹⁰ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 21 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Cấp lại hoặc Cấp đổi)**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại**Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của**Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò.....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác²¹¹:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa²¹²:.....(tấn, m³/năm).

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác²¹³:

a) Trong ngày: từ đến

b) Trong năm: từ tháng đến tháng

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.²¹⁴

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);

- Cơ quan cấp phép (bản chính);

- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);

- Bộ NNMT (bản sao);

-

- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

²¹¹ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

²¹² Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”.

²¹³ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

²¹⁴ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 18 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Việc gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với trữ lượng còn lại khi Giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực;

- Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cho phép khai thác (tên khoáng sản²¹⁵)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...)²¹⁶, trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

2. Trữ lượng khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: (tấn, m³,...)²¹⁷, trong đó:

a) Khoáng sản chính:(tấn, m³,...);

b) Khoáng sản đi kèm:(tấn, m³,...).

3. Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến ngày tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

²¹⁵ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

²¹⁶ “Lưu lượng được phép khai thác tối đa là: ... m³/ngày” áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

²¹⁷ Không áp dụng đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

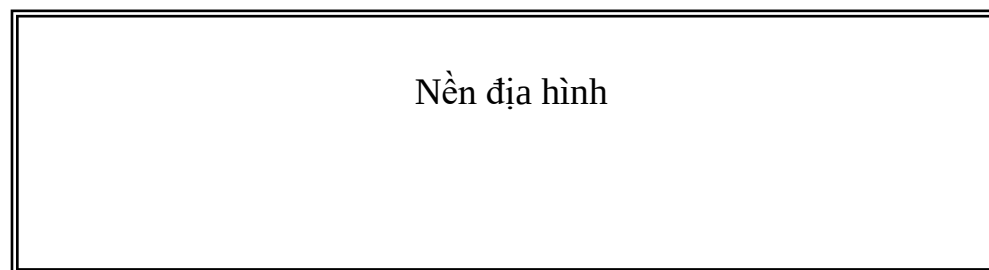
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²¹⁸.....
(Ký, đóng dấu)

²¹⁸ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²¹⁹:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²²⁰

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²¹⁹ Thời điểm báo cáo

²²⁰ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²²¹

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²²¹ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 18 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../GP-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày..... tháng..... năm..... ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm để(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục khai thác(tên khoáng sản) tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2.(tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số

...../GP-UBND ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Các Sở, ngành liên quan (bản sao);
- UBND.....(*Tên cấp xã*)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

12. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản được tiếp nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(3) Trường hợp một phần diện tích trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo dự án đầu tư được phê duyệt (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân trả lại một phần diện tích khai thác; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (*Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

* Trường hợp điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép và hiện tại của tổ chức, cá nhân.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên gọi hoặc điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận (hồ sơ hợp lệ).

(3) Trường hợp một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một phần diện tích khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh (Mẫu số 26 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 08 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với các trường hợp tăng hoặc giảm công suất khai thác, thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);

+ Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh;

+ Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản²²²)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp)*.....;

- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác²²³:

- Diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác: (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị trả lại:..... (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²²² Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

²²³ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN²²⁴***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

- Khu vực đề nghị trả lại

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

²²⁴ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

- Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... mũi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI, KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN²²⁵

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

²²⁵ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

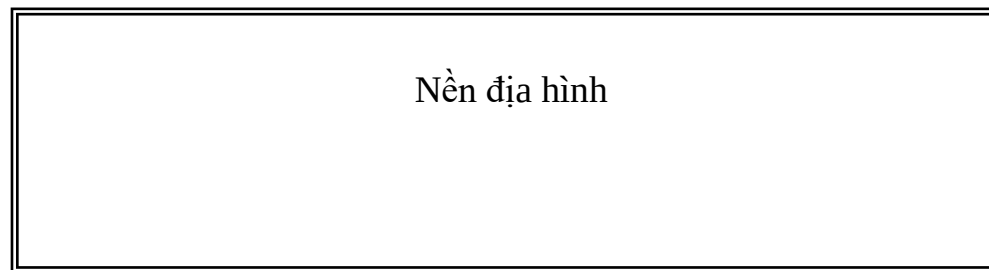
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,

...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²²⁶.....
(Ký, đóng dấu)

²²⁶ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²²⁷:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²²⁸

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²²⁷ Thời điểm báo cáo

²²⁸ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²²⁹

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²²⁹ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC**DANH MỤC BẢNG BIỂU****DANH MỤC HÌNH VẼ****DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)****PHẦN THUYẾT MINH
MỞ ĐẦU****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau*

khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

TT	Tên bản vẽ
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 26 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Điều chỉnh(nội dung, điều, khoản,...)..... của Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.... của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác ... (tên khoáng sản)... tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. ... (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp).....;

2. ... (nội dung điều chỉnh)²³⁰.....;3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác²³¹:a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại:..... (ha, m², km²).b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).

²³⁰ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

²³¹ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: từ ... (m) đến ... (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

Điều 2²³². Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3²³³.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày .. tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²³² Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

²³³ Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

13. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định

hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân cấp tỉnh quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản), thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó nêu rõ lý do chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản.

* Các trường hợp khác trường hợp nêu trên, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của khu vực khai thác hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Mẫu số 05, mẫu số 06, mẫu số 07, mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 30 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 10 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 06 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên và khí đồng hành cùng nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 07 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản;

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 10 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản²³⁴)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên. Diện tích khu vực đề nghị trả lại có ranh giới theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

²³⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 31 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

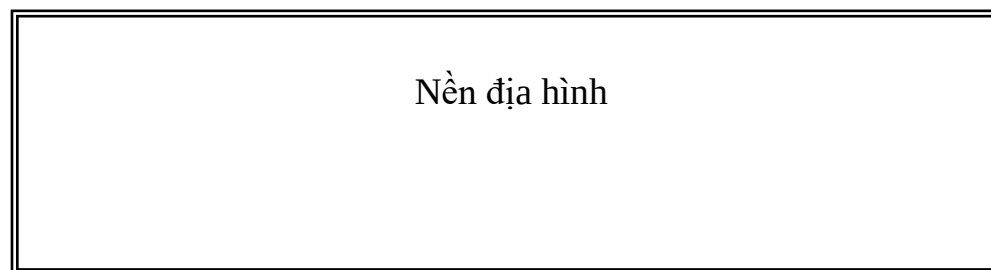
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiếu...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²³⁵
(Ký, đóng dấu)

²³⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²³⁶:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²³⁷

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²³⁶ Thời điểm báo cáo

²³⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²³⁸

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²³⁸ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN****(nếu có)****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt của mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động

khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt

đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải*

thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ tính trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).

TT	Tên bản vẽ
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho

Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thông kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ

lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án,*

dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.

6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 29 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2²³⁹. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích thực hiện:

3. Khối lượng thực hiện:

²³⁹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Thời gian thực hiện:

5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)... theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

14. Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép để xem xét, quyết định việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 12 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản cùng các bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có nội dung chính sau: hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; giá trị chuyển nhượng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đối với việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ chưa hoàn thành của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ khác có liên quan của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định);

- Bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ thời điểm giấy phép có hiệu lực thi hành đến thời điểm chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyên nhượng) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 23 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;
- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;
- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt

động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 12 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản sau khi đã hoàn thành công tác xây

dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác.

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh, gồm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng;

- Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

- Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Điều 108 của Luật này;

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

- Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật.

4. Tại thời điểm nộp hồ sơ, giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 6 tháng.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 12 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác khoáng sản*(tên khoáng sản)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm tại khu vực mỏ *(tên mỏ²⁴⁰)*..... thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận
chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

²⁴⁰ Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

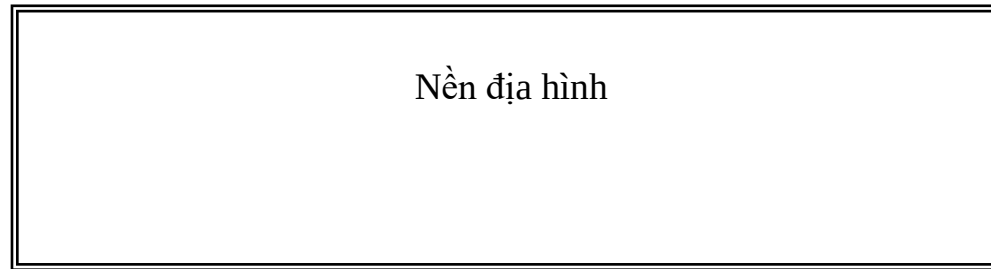
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁴¹.....
(Ký, đóng dấu)

²⁴¹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁴²:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁴³

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²⁴² Thời điểm báo cáo

²⁴³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁴⁴

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁴⁴ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 22 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của*;*Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của ký với*;*Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò.....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).
- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác²⁴⁵:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa²⁴⁶:(tấn, m³/năm).

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác²⁴⁷:

a) Trong ngày: từ đến

b) Trong năm: từ tháng đến tháng

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.²⁴⁸

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác khoáng sản số ngày của...../.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁴⁵ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

²⁴⁶ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”

²⁴⁷ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển

²⁴⁸ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiều...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp đổi hoặc không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(2) Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày

nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý;

+ Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp tục tiến hành thẩm định hồ sơ, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả:*

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp đổi hoặc không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 154 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07*
- *Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y giấy phép khai thác khoáng sản.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị gia hạn, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm hết thời gian khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, cập nhật hiện trạng khu vực khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp cấp đổi kết hợp với điều chỉnh một trong các nội dung: trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, mặt cắt hiện trạng liên quan kèm theo dự án đầu tư được phê duyệt (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh

nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- * Trường hợp cấp đổi kết hợp với thay đổi tên gọi trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

- * Trường hợp cấp đổi kết hợp với trả lại một phần diện tích khai thác trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại, bản đồ khu vực khai thác đối với phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Phương án đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác đề nghị trả lại (*Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

- * Trường hợp cấp đổi kết hợp với điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận trong giấy phép khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong đó nêu rõ nhu cầu về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu số 07 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả rà soát, so sánh bản đồ gốc và bản đồ đo vẽ, xác lập tọa độ tại thời điểm cấp phép và hiện tại của tổ chức, cá nhân.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

- Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại hoặc cấp đổi) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 21 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quy định.

* Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

(1) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm, mức thu là 500.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác từ 5.000 m³/năm đến 10.000 m³/năm, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

(2) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm (1) nêu trên:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

(3) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép.

(4) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu là 40.000.000 đồng/01 giấy phép.

(5) Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu là 50.000.000 đồng/01 giấy phép.

(6) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên:

- Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mức thu là 25.000.000 đồng/01 giấy phép;

(7) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 nêu trên, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 07 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp lại (hoặc cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNTMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/7/2028 khi giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày 01/7/2025 có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Địa chất và khoáng sản (nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm: vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác; loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có); trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác; công suất khai thác, phương pháp khai thác khoáng sản; thời hạn khai thác khoáng sản).

Sau thời hạn ngày 01/7/2028, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 07 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (HOẶC CẤP ĐỔI)
 GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... *(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản²⁴⁹)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Trữ lượng *(tên khoáng sản)*..... được công nhận (phê duyệt, xác nhận): (tấn, m³,...), trong đó:

Trữ lượng đã khai thác: (tấn, m³,...);

Trữ lượng còn lại chưa khai thác: (tấn, m³,...);

Đề nghị được cấp lại (cấp đổi) giấy phép khai thác khoáng sản *(tên khoáng sản)* tại khu vực *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... với các nội dung như sau:

1. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: (Lộ thiên, hầm lò, ...).
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp lại giấy phép khai thác:

²⁴⁹ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:.... năm (tháng).

Lý do đề nghị cấp đổi²⁵⁰:.....

Đề nghị thực hiện kết hợp với gia hạn (cấp lại, điều chỉnh) giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung như sau²⁵¹:

- Thời gian đề nghị gia hạn hoặc nội dung đề nghị điều chỉnh:.....

- Lý do gia hạn (cấp lại, điều chỉnh):.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁵⁰ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.

²⁵¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp đổi kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

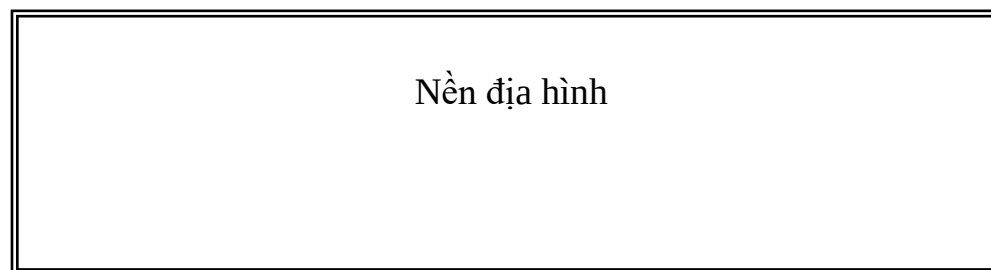
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁵².....
(Ký, đóng dấu)

²⁵² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁵³:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁵⁴

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²⁵³ Thời điểm báo cáo

²⁵⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁵⁵

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁵⁵ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC**DANH MỤC BẢNG BIỂU****DANH MỤC HÌNH VẼ****DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)****PHẦN THUYẾT MINH
MỞ ĐẦU****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai

thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa

phương (Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (dề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

TT	Tên bản vẽ
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 21 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Cấp lại hoặc Cấp đổi)**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại**Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của**Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò.....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Trữ lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác²⁵⁶:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

6. Công suất khai thác tối đa²⁵⁷:.....(tấn, m³/năm).

7. Thời hạn khai thác:

8. Thời gian khai thác²⁵⁸:

a) Trong ngày: từ đến

b) Trong năm: từ tháng đến tháng

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.²⁵⁹

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);

- Cơ quan cấp phép (bản chính);

- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);

- Bộ NNMT (bản sao);

-

- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁵⁶ Không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

²⁵⁷ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”.

²⁵⁸ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

²⁵⁹ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp lại) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trong các trường hợp: đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản; giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản; giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, đ, e, g và h khoản 2 Điều 71 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời hạn khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã hết nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại hoặc khi tổ chức, cá nhân có đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 50 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; tổ chức kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 12 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);
- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản*(tên loại khoáng sản)*.....*tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*
(theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của
.....(Tên cơ quan cấp giấy phép).....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản
Chức danh

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ

khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt của mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAİ THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương

(Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó *(trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá)*, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra *(Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt)*.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...)
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ

TT	Tên bản vẽ
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
6	Bình đồ tính trữ lượng
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có)
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
10	Các bản vẽ khác (nếu có)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

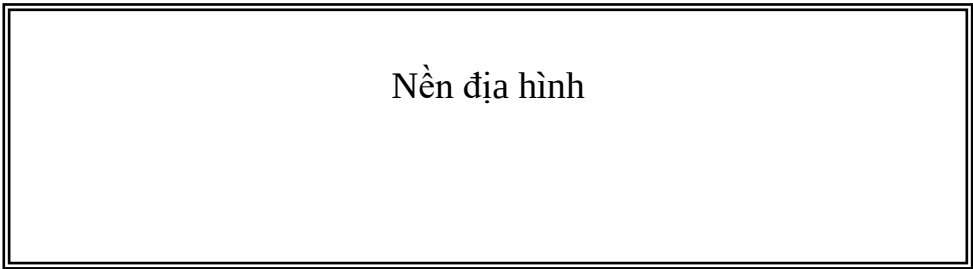
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khép góc

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiếu)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiếu, số hiệu”

Mẫu số 12 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) nộp tại (Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (tên loại khoáng sản) tại khu vực thuộc (tên cấp xã), ... (tên cấp tỉnh) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép) cấp cho (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của (Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản) thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản) có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3. (Tên cơ quan thẩm định hồ sơ) có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường) có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

17. Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt trong các trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 50 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đề nghị điều chỉnh; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Tổng hợp ý kiến góp ý, trình Chủ tịch hội đồng để tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Tổ chức phiên họp của hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Ban hành văn bản thông báo nội dung kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho tổ chức, cá nhân để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 25 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không phê duyệt thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 03 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện tình hình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản điều chỉnh (*Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ tại thời điểm đề nghị điều chỉnh (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 16 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 - Phụ lục: Văn bản đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 03 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN
(PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản
*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*.....,
*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Quyết định số ngày tháng năm của
*(Tên cơ quan phê duyệt đề án (phương án) đóng cửa mỏ)*.....).

Nội dung đề nghị điều chỉnh:

Lý do điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện
 đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật
 khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản
Chức danh

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản: ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại): ;
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....
.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

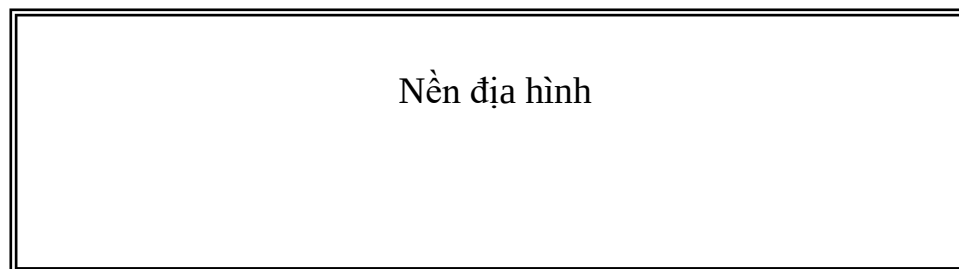
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khép góc**

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 15 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án))..... về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng của một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....);

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với nội dung điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm

định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Nội dung điều chỉnh:

a)

b)

2. Các nội dung khác quy định trong Quyết định số/QĐ-BNNMT..... nêu trên vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt đề án).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận pháp lý không tách rời của Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án)).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

18. Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ, khu vực biển hoặc trả lại một phần diện tích đã khai thác (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản) lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đề nghị điều chỉnh; tổ chức kiểm tra thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về đề nghị điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản;

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng

theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận điều chỉnh nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả chấp thuận nội dung phương án mỏ khoáng sản để thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc tài liệu thể hiện nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường được thẩm định, phê duyệt hoặc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục: Văn bản đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 02 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT
PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:.....

Đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)*(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực thuộc*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản

Chức danh

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

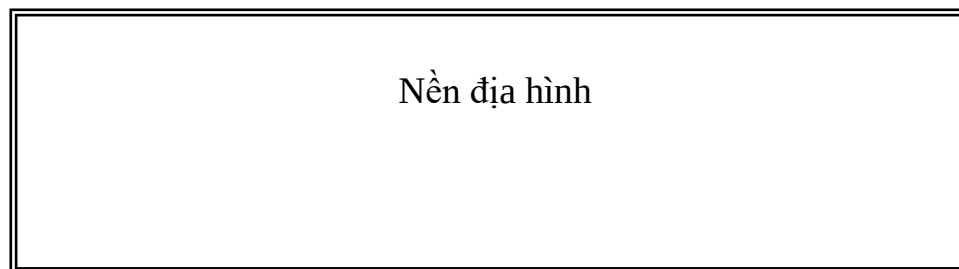
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục II**Tọa độ các điểm khếp góc**

STT	Tên điểm khếp góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Nền địa hình

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trục, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 14 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/TB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi: *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....*

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02. tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)....;
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km ²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

19. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 40 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra hồ sơ đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn và cơ quan khác có liên quan về kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

+ Tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (có thể tiến hành đồng thời với hoạt động lấy ý kiến nêu trên);

+ Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu.

Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 15 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. Trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 19 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Hồ sơ hoàn công và các văn bản chứng minh đã thực hiện khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận;

- Bản chính hoặc bản sao y Văn bản thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp khai thác khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 18 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục: Văn bản đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 19 - Phụ lục: Bản đồ trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

- Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.

Mẫu số 04 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi:*(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đóng cửa mỏ)*.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)*.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Người đại diện pháp luật:, Chức vụ:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
*(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)*..... về việc phê
 duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản *(Tên Đề án (Phương
 án))*.....;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án
 (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản do Cục Địa chất và Khoáng sản Việt
 Nam/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) lập ngày tháng
 năm

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khai
 thác) *(tên loại khoáng sản)*..... tại khu vực..... thuộc*(tên cấp
 xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số
 ngày tháng năm của*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*.....).

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

*(Đối với trường hợp đề nghị đóng cửa một phần diện tích khu vực khai
 thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):*

- Diện tích đề nghị đóng cửa: ha/km²;

- Diện tích đề nghị tiếp tục khai thác: ha/km².

Thời gian đề nghị thực hiện: tháng.

Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
đóng cửa mỏ khoáng sản**

Chức danh

*Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)*

Mẫu số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại): ;
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....
.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
 ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 19 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

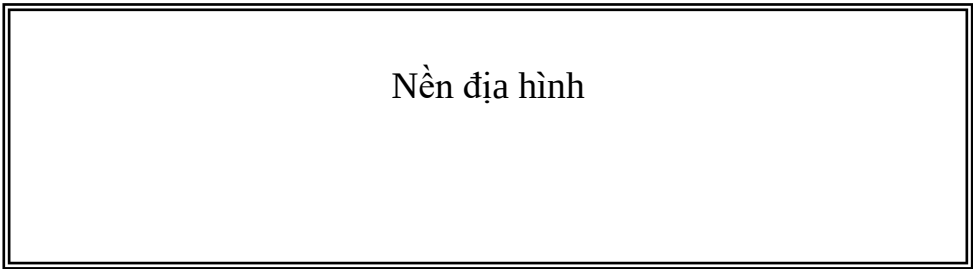
Phụ lục II

Tọa độ các điểm khép góc

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
.....			
Tổng diện tích: ha/km ²			

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

.....(tên khoáng sản)..... tại khu vực,
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....



Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân lập
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....
.....
.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ, kinh tuyến trực, múi chiều, số hiệu”

Mẫu số 18 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đóng cửa mỏ khoáng sản
(đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt (chấp thuận) đề án (phương án))..... về việc phê duyệt (chấp thuận) Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày tháng năm; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm;

Căn cứ Văn bản số của về việc tham gia ý kiến đối với kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản)(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được(Tên cơ quan có thẩm quyền đóng cửa mỏ)..... phê duyệt (chấp thuận) tại Quyết định (Văn bản chấp thuận) số/..... ngày tháng năm

1. Kết quả thực hiện khối lượng các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được nghiệm thu nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Trên cơ sở hạng mục, khối lượng công tác đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện nêu tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này, ...(Tên

tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thực hiện thủ tục liên quan đối với số tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... có trách nhiệm:

1. Báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để thực hiện thủ tục bàn giao đối với khu vực có diện tích nêu tại Điều 1 của Quyết định này để địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp tục thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo thời hạn trong Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường)..... có trách nhiệm:

Tiếp nhận, quản lý, sử dụng đất khu vực đóng cửa mỏ, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

Phối hợp với Quỹ bảo vệ môi trường trong việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ NN&MT;
- Sở NN&MT;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km ²			

Phụ lục III**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THEO ĐỀ
ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN (ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN
TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố))

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Tỷ lệ đạt (%)	Ghi chú
			Theo Đề án được phê duyet	Đã thực hiện (Tại thời điểm nghiệm thu)		
1						
2						
...						

20. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trước ngày 31 tháng 01 của năm quyết toán đối với trường hợp quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; trong vòng 30 ngày, kể từ thời điểm được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, quyết định đóng cửa mỏ đối với trường hợp quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; trước ngày 30/9/2025 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30/6/2025.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

+ Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng quyết toán và trả lại hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 3. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp:

(1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần;

(2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản;

(3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực;

+ Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu đối với trường hợp tại thời điểm Luật Địa chất và khoáng sản có hiệu lực thi hành, các giấy phép khai thác khoáng sản, văn bản cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản còn thời hạn khai thác, thu hồi hoặc đã hết thời hạn khai thác, thu hồi nhưng đủ điều kiện gia hạn, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, văn bản cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản tính đến ngày 30/6/2025.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

+ Bản chính văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

+ Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

+ Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 05, 06, 07 và Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán theo định

kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

- Trước ngày 31/12/2026 đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản và được xác định theo trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi tính đến ngày 30/6/2025.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục II: Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục IV: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 06 - Phụ lục IV: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 07 - Phụ lục IV: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục IV: Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:

Mã số thuế:

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ)
thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác
khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy
phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ
khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền phải nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
4. Số tiền đã nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
5. Số tiền còn nợ trong kỳ quyết toán: đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản nguyên khai): (tấn, m³).
7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.
8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng

sản được phê duyệt:..... đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:....., Fax.....

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:.....
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác:(m², ha, km²).
6. Trữ lượng được phép khai thác:..... (tấn, m³).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m³/năm; m³/ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác:(tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số.....
 ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê
 duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Tiền phạt chậm nộp (nếu có)	Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Năm....						
2	Năm....						
3	Năm....						
4	Năm....						
5	Năm....						
	Tổng cộng						

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng khoáng sản đã khai thác		Sản lượng quy đổi ra khoáng sản nguyên khai		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Sản lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
...									
	Tổng cộng								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								

Lưu ý:

a) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1, mục 2 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

b) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

c) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữ số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt:..... đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:.....

- Năm sinh:.....

- Trình độ chuyên môn:.....

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....

2. Cơ quan cấp phép.....

3. Diện tích khu vực khai thác:(ha, m², km²).

4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức..... m²⁶⁰.
6. Trữ lượng được phép khai thác:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).
7. Công suất được phép khai thác:
- Khoáng sản chính: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).
8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....
11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND).
12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có):(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt).....
13. Tổng vốn đầu tư:.....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác:
2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).
3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:
- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
 - Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

²⁶⁰ Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).
- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

6. Hệ số tổn thất trung bình trong khai thác:

- Theo thiết kế:
- Theo thực tế của năm báo cáo:
- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

7. Hệ số làm nghèo khoáng sản thực tế:

- Theo thực tế của năm báo cáo:
- Theo thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

8. Tổng khối lượng đất đá thải trong năm báo cáo: (m³, tấn).

9. Hệ số bóc trung bình thực tế trong năm báo cáo:
(tấn/m³, m³/m³, tấn/tấn, m³/tấn).

10. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

11. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:.. (tấn, m³).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).

12. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: (VND/tấn, m³).

13. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).

14. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo (VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: (VND).

15. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: (VND).
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
- Thuế bảo vệ môi trường:(VND).
- Tiền thuê đất:(VND).
- Khác (nếu có):.....(VND).

C. Thông tin thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản (nếu có)

1. Tổng số hào:..... m³/cái.
2. Tổng số giếng:..... m/cái.
3. Tổng số lỗ khoan:..... m/lỗ khoan.
4. Các loại mẫu đã lấy: mẫu trọng sa, ... mẫu hóa cơ bản, ... mẫu nung luyện, ... mẫu HTNT.
5. Kết quả phân tích mẫu bổ sung (nếu có, kê cả mẫu thăm dò nâng cấp).
 - Số lượng mẫu:..... mẫu.
 - Vị trí đã lấy mẫu (trong, ngoài thân khoáng, vách, trụ, bãi thải...):
 - Kết quả phân tích (ghi theo phiếu kết quả của Phòng thí nghiệm):

D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):..... .
2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)..... .
4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....), (nếu có)
5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có):

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng, chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

**Bảng số 01. Kết quả thông kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản rắn
mỏ(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

tính đến ngày... tháng... năm...

(Giấy phép khai thác số: .../GP-... ngày... của....)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép/báo cáo kết quả thăm dò	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	Chỉ tiêu tính trữ lượng				
	Hàm lượng biên				
	Hàm lượng công nghiệp tối thiểu				
	Chiều dày thân khoáng tối thiểu				
	Chiều dày lớp kẹp				
	Hệ số bóc đất				
	...				
2	Phương pháp tính trữ lượng				
3	Kết quả tính trữ lượng				
3.1	Khối (số hiệu khối)-121				
	Hàm lượng trung bình				
	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bóc đất				
	...				
	Trữ lượng còn lại cấp 121				
3.2	Khối (số hiệu khối)-122				
	Hàm lượng trung bình				

	Chiều dày thân khoáng trung bình				
	Chiều dày lớp kẹp trung bình				
	Hệ số bóc đất				
	...				
	Trữ lượng còn lại cấp 122				
3.3	Khối...				
...	...				
	Tổng trữ lượng (1+2+3+...)				
4	Sản lượng khai thác năm ...				
5	Trữ lượng đã khai thác (quy đổi) năm				
6	Tỷ lệ tổn thất trung bình năm ...				
7	Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm				
8	Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...				
9	Tỷ lệ tổn thất chung				
10	Tổng trữ lượng (quy đổi) đã khai thác tính đến năm ...				
11	Tổng trữ lượng còn lại tính đến năm...				

**Bảng số 02. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng nước nóng thiên nhiên (nước khoáng thiên nhiên) mỏ(tên mỏ)....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... tính đến ngày ... tháng ... năm ...
(Giấy phép khai thác số: .../GP-BNNMT ngày ... của)**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Theo giấy phép	Theo thực tế tại mỏ	Ghi chú
1	Trữ lượng cấp B				
2	Trữ lượng cấp C1				
3	Sản lượng khai thác				
3.1	Năm...				
3.2	Năm...				
3.3	Năm...				
3.4	Năm...				
4	Tổng sản lượng đã khai thác tính đến năm				

Mẫu số 06 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác:
2. Cơ quan cấp phép:
3. Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).
4. Phương pháp khai thác: (lộ thiên).
5. Mức sâu khai thác: m²⁶¹.
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác:
7. Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

²⁶¹ Áp dụng đối với mỏ khai thác hầm lò

8. Thời hạn giấy phép:(tháng, năm).
9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....
11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:.....(VND).
12. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản (nếu có):(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt).....
13. Tổng vốn đầu tư:.....(VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại:..... (tấn, m³).
3. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).
4. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo : (VND/tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).
6. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:
- Đã nộp trong năm báo cáo(VND).
 - Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo:(VND).
7. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
 - Thuế bảo vệ môi trường:(VND).
 - Tiền thuê đất:(VND).
 - Khác (nếu có):.....(VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện khai thác khoáng sản (nếu có):.....
2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)
4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....), (nếu có)
5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) trữ lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo so với kết quả thăm dò, khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV:

- Đánh giá, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản (chiều dày thân khoáng tăng, giảm; hàm lượng có ích cao, thấp hơn so với kỳ báo cáo trước hoặc so với dự án khai thác).

- Xác định rõ trữ lượng (khối lượng), chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào so với kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung (nếu có).

- Đánh giá khả năng trữ lượng (khối lượng) khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng (khối lượng) được phép khai thác.

- Các báo cáo, tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....
.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....
.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và dự án khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác tận thu:
2. Cơ quan cấp phép:
3. Diện tích khu vực khai thác tận thu: (ha, m², km²).
4. Phương pháp khai thác tận thu: (lô thiên, hầm lò).
5. Mức sâu khai thác: m.
6. Khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác tận thu:
 - Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

7. Công suất được phép khai thác tận thu:

- Khoáng sản chính: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm).

8. Thời hạn giấy phép: (tháng, năm).

9. Vị trí mỏ: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

10. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): (VND).

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

11. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).

12. Tổng vốn đầu tư: (VND).

B. Kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác

1. Số lượng moong, vị trí (hoặc số lượng lò chợ) đang khai thác:

2. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

3. Sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

4. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác tận thu còn lại:

- Khoáng sản chính: (tấn, m³).

- Khoáng sản đi kèm (nếu có): (tấn, m³).

5. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).

- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích (liệt kê rõ từng loại) trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến (nếu có) trong năm báo cáo:..... (tấn, m³).

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được (nếu có) trong năm báo cáo: (tấn, m³).

6. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).

Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).

6. Giá thành khai thác trung bình trong năm báo cáo: (VND/tấn, m³).

7. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).

8. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

- Đã nộp trong năm báo cáo (VND).

- Đã nộp từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến hết năm báo cáo: (VND).

9. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo: (VND).

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: (VND).

- Thuế xuất khẩu khoáng sản (VND).

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND).

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).

- Thuế bảo vệ môi trường: (VND).

- Tiền thuê đất: (VND).

- Khác (nếu có): (VND).

C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có):.....

2. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...), (nếu có)

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ...), (nếu có)

5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác, giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác:

D. Đánh giá chung

1. Đánh giá về việc thay đổi (tăng, giảm) khối lượng khoáng sản theo số liệu thực tế khai thác tại mỏ so với khối lượng khoáng sản được phép khai thác, giải trình làm rõ thông tin về sự tăng, giảm khối lượng, chất lượng khoáng sản,

xác định rõ trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã thay đổi (tăng, giảm) như thế nào và trữ lượng khoáng sản thực tế tại mỏ có xu hướng cao hơn hay thấp hơn trữ lượng được phép khai thác.

2. Đánh giá về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

II.2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....; được gia hạn (điều chỉnh) theo Giấy phép (Quyết định) số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Năm sinh:
 - Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép thu hồi:
2. Cơ quan cho phép thu hồi:
3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:(ha, m², km²).
4. Phương pháp thu hồi khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò).
5. Mức sâu thu hồi khoáng sản: m.
6. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi: (tấn, m³).

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản:(tháng, năm).
8. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

B. Hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại: (tấn, m³).
3. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi từ khi bắt đầu thu hồi đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
 - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
4. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo: ... (tấn, m³).
- Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo: (VND).
6. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
 - Thuế bảo vệ môi trường:(VND).

- Khác (nếu có):.....(VND).

D. Đánh giá chung

.....

**II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày.....
 tháng..... năm**

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THÔNG BÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

THÔNG BÁO

**Quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên Chi cục thuế khu vực).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....²⁶²;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....²⁶³;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản²⁶⁴;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ...(Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Chi cục Thuế khu vực..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

²⁶² Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

²⁶³ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

²⁶⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
...					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là²⁶⁵: đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị
(Tên Chi cục Thuế khu vực.....)..... thông báo để(Tên tổ chức, cá nhân quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là:..... đồng.
(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).....
 thông báo để(Chi cục Thuế khu vực...)..... biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố) (để báo cáo);
- Bộ NNMT²⁶⁶ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS²⁶⁷ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN THÔNG BÁO

(Ký tên, đóng dấu)

²⁶⁵ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0

²⁶⁶ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

²⁶⁷ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

21. Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 03 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương đối với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản;

- Bản sao y Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định hoặc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật;

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 16 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực không đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

- Có hồ sơ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 55 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định về pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử đối với trường hợp đề nghị khai thác tận thu khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (tên khoáng sản) tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khối lượng khoáng sản đề nghị được khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: lộ thiên.
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).
 - b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mỏ là:.... năm (tháng).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

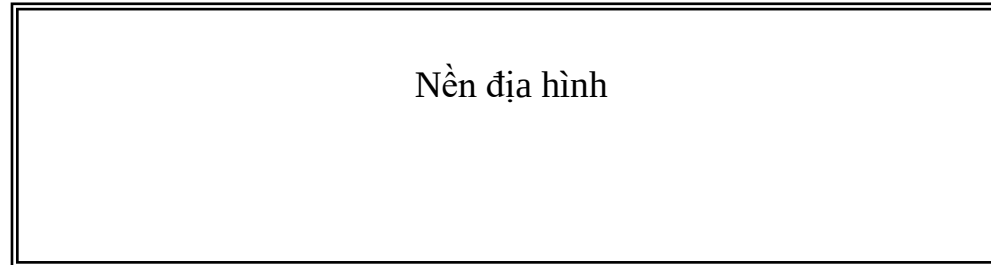
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁶⁸.....
 (Ký, đóng dấu)

²⁶⁸ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 16 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../GP-..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ... tại khu vực (mỏ) thuộc của

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản²⁶⁹;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....²⁷⁰;

Căn cứ quyết định số ngày của về việc đóng cửa mỏ khoáng sản(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày.....

²⁶⁹ Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

²⁷⁰ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải của khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:(tên khoáng sản).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

5. Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

6. Công suất khai thác tối đa²⁷¹:(tấn, m³/năm).

7. Thời hạn khai thác:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Các yêu cầu cần thiết khác (không được quy định trong quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản hoặc pháp luật khác có liên quan) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

²⁷¹ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

22. Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) (*Mẫu số 19 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) là 2.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng khoáng sản còn lại khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực;

- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cho phép khai thác tận thu(tên khoáng sản) tại bãi thải... của khu vực(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm

Khối lượng khoáng sản được phép khai thác:.....(tấn, m³,...).

Khối lượng còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:..... (tấn, m³,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Lý do đề nghị gia hạn.....

.....

(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo)

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

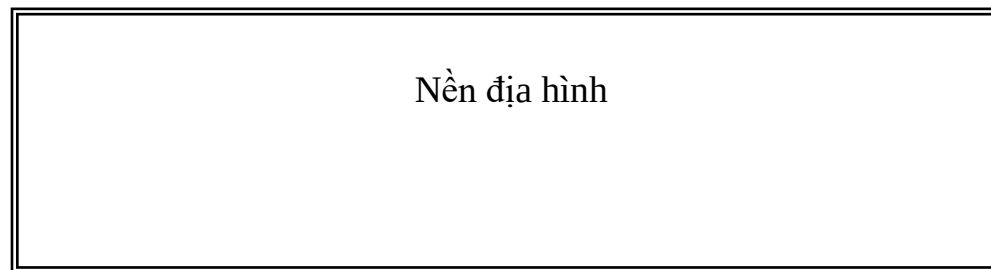
.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,

...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁷².....
(Ký, đóng dấu)

²⁷² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản; Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁷³:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁷⁴

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²⁷³ Thời điểm báo cáo

²⁷⁴ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁷⁵

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁷⁵ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 19 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Gia hạn)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày của;**Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm để(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục khai thác(tên khoáng sản) tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2.(tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của/.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

23. Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trình tự thực hiện như sau:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- *Bước 2. Thẩm định, ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức.

* Trong các trường hợp: điều chỉnh khối lượng khoáng sản, tăng hoặc giảm công suất khai thác, bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

* Trong trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng (Mẫu số 09 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, bản vẽ mặt cắt hiện trạng có liên quan (Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Kế hoạch khai thác tận thu điều chỉnh kèm theo quyết định phê duyệt;

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y Phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

* Trong trường hợp một phần diện tích trong nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không phải lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc.

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ chức, cá nhân; thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 28 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 09 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh;

- Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp, thời hạn khai thác sau khi điều chỉnh (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác trước đó) không vượt quá thời hạn khai thác quy định tại điểm a khoản 2 Điều 68 của Luật Địa chất và khoáng sản (thời hạn khai thác tận thu khoáng sản bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác tận thu khoáng sản được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 10 năm và có thể được gia hạn nhiều lần theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác tận thu khoáng sản với tổng thời gian gia hạn không quá 05 năm).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG
GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được *(Tên cơ quan cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác tận thu *(tên khoáng sản²⁷⁶)*..... tại bãi thải.... của khu vực *(tên mỏ)*..... thuộc *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nêu trên như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã cấp)*.....;

- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác²⁷⁷:

- Diện tích khu vực khai thác: (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị trả lại:..... (ha, m², km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁷⁶ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

²⁷⁷ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN²⁷⁸***(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực đề nghị trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác tận thu khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

²⁷⁸ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN²⁷⁹**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

²⁷⁹ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

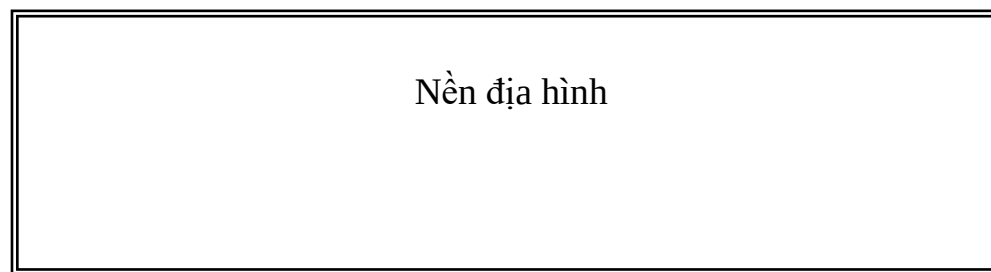
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁸⁰
(Ký, đóng dấu)

²⁸⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....²⁸¹:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁸²

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

²⁸¹ Thời điểm báo cáo

²⁸² Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁸³

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁸³ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN****(nếu có)****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ

sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)

4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 26 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:...../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác tận thu khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Điều chỉnh(nội dung, điều, khoản,...)..... của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác ... (tên khoáng sản)... tại bãi thải... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. ... (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp).....;

2. ... (nội dung điều chỉnh)²⁸⁴.....;3. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác²⁸⁵:a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại:..... (ha, m², km²).²⁸⁴ Không áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.²⁸⁵ Chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: từ (m) đến (m).

Diện tích khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

Điều 2²⁸⁶. Chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3²⁸⁷.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);
2. Tiếp tục khai thác tận thu khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ... ngày .. tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

3. Chấm dứt hoạt động khai thác tận thu khoáng sản tại phần diện tích trả lại; thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁸⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi điều chỉnh trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

²⁸⁷ Khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiều...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

24. Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (quy định tại điểm c khoản 4 Điều 82 của Luật Địa chất và khoáng sản), thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trong đó nêu rõ lý do chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản (*Mẫu số 11 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

* Các trường hợp khác trường hợp nêu trên, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 11 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tại thời điểm đề nghị trả lại (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính từ thời điểm cấp phép đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản của khu vực khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 05, mẫu số 06, mẫu số 07, mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 32 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 11 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 06 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên và khí đồng hành cùng nước nóng

thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 07 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ và khu vực biển (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục: Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản;

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 11 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(*Tên cơ quan cấp giấy phép*)..... cho phép khai thác tận thu (*tên khoáng sản*²⁸⁸)..... tại bãi thải.... của khu vực(*tên mỏ*)..... thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nêu trên. Diện tích khu vực đề nghị trả lại có ranh giới theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

²⁸⁸ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**
(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m ² , km ²)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**
(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
ngày... tháng... năm...)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khép góc

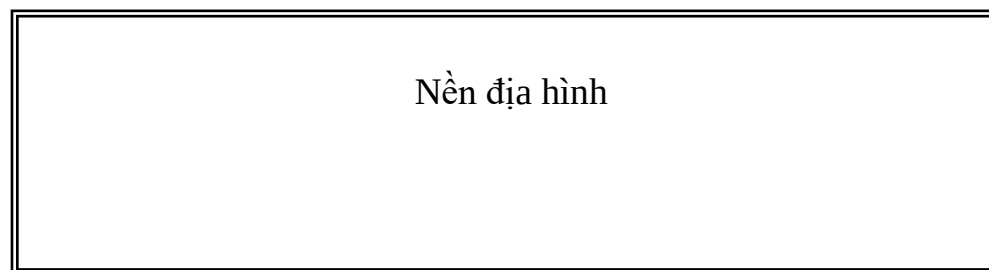
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁸⁹
(Ký, đóng dấu)

²⁸⁹ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....

- Năm sinh

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:

- Cơ quan cấp phép

- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);

- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....²⁹⁰:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁹¹

²⁹⁰ Thời điểm báo cáo

²⁹¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

c) Đánh giá khác (nếu có)

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁹²

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁹² Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....**

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN****(nếu có)****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các móng khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp

Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải*

thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ tính trữ lượng.

TT	Tên bản vẽ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN*****(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....*****TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu****(Họ và tên)*****ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN*****(nếu có)*****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu****(Họ và tên)*****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho

Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (để án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục*

hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;

- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
SẢN**

(Chức danh)*Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)**

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)

(Chức danh)*Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh, tháng năm**

MỤC LỤC**DANH MỤC BẢNG BIỂU****DANH MỤC HÌNH VẼ****DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)****PHẦN THUYẾT MINH****MỞ ĐẦU****1. Thông tin chung**

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thống kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ

lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai

thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản

cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;
- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;
- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án,*

dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).

TT	Tên bản vẽ
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 29 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... do(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2²⁹³. Phê duyệt Đề án (Chấp thuận Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

²⁹³ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thực hiện đồng thời thủ tục phê duyệt đề án hoặc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản với thủ tục trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1. Mục đích:.....
2. Diện tích thực hiện:
3. Khối lượng thực hiện:
4. Thời gian thực hiện:
5. Đơn vị thực hiện:

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm:

1. Nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, các biện pháp phục hồi môi trường đất đai, các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

3. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

25. Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định: cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

* Trong thời hạn không quá 10 ngày, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra nội dung hồ sơ;

+ Gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thẩm định các tài liệu, hồ sơ, tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Tiến hành kiểm tra thực địa;

+ Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn về khai thác khoáng sản để thẩm định hồ sơ trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản.

+ Tổng hợp hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, quyết định việc chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không chấp thuận việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Mẫu số 13 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có nội dung chính sau: hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; giá trị chuyển nhượng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đối với việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ chưa hoàn thành của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng; quyền và nghĩa vụ khác có liên quan của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định);

- Bản chính hoặc bản sao y Bản đồ khu vực khai thác, các bản đồ hiện trạng khu vực khai thác tận thu khoáng sản, mặt cắt hiện trạng tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính từ thời điểm giấy phép có hiệu lực thi hành đến thời điểm nộp đề nghị chuyển nhượng quyền khai

thác tận thu khoáng sản (Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính hoặc bản sao y các văn bản, tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 và Điều 85 của Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ) của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng;

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng) (Mẫu số 24 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản là 2.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 13 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản:

1. Tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Địa chất và khoáng sản;

2. Đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản, gồm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng;

- Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

- Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm theo đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác; thực hiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản, pháp luật về thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan; có giám đốc điều hành mỏ hoặc nhân sự điều hành mỏ theo quy định của pháp luật;

- Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả khai thác tận thu khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thống kê, kiểm kê khối lượng khoáng sản được khai thác;

- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tận thu khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

- Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra theo quy định của pháp luật;

3. Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản;

4. Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; tại thời điểm nộp hồ sơ, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đang còn hiệu lực ít nhất 6 tháng;

5. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 13 -Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG
QUYỀN KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được*(Tên cơ quan cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác tận thu
..... *(tên khoáng sản²⁹⁴)*..... tại bãi thải.... của khu vực*(tên mỏ)*..... thuộc
.....*(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác tận thu
khoáng sản số ngày tháng năm

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản cho:

..... *(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
tháng..... năm..... do..... *(tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
năm..... do*(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)*..... cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số....., ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị
chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

**Tổ chức, cá nhân nhận
chuyển nhượng**

(Ký tên, đóng dấu)

²⁹⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp góc

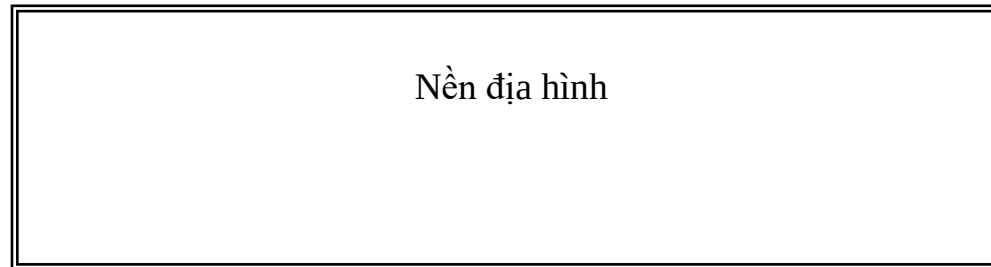
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân²⁹⁵.....
(Ký, đóng dấu)

²⁹⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....

- Năm sinh

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:

- Cơ quan cấp phép

- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);

- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....²⁹⁶:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản²⁹⁷

²⁹⁶ Thời điểm báo cáo

²⁹⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

c) Đánh giá khác (nếu có)

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo²⁹⁸

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

²⁹⁸ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 24 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....
Số:...../GP-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
(Chuyển nhượng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày tháng năm của

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản của ký với

Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân chuyển nhượng).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)..... khai thác tận thu khoáng sản tại bãi thải.... của khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Loại khoáng sản:
2. Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên.
3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Khối lượng khoáng sản đã khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số.....:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

5. Khối lượng khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:

- Khoáng sản chính:..... (tấn, m³,...).

- Khoáng sản đi kèm:..... (tấn, m³,...).

6. Công suất khai thác tối đa²⁹⁹:.....(tấn, m³,...)/năm.

7. Thời hạn khai thác: năm..... tháng.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng*) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các yêu cầu cần thiết khác (không được quy định trong quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản hoặc pháp luật khác có liên quan) đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (nếu có).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày của...../.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

²⁹⁹ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (chuyển nhượng)
số /GP-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

26. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp: thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ nhưng phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản xem xét, quyết định (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 và điểm c khoản 1 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản); chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản được phép thu hồi khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa.

+ Trong thời hạn không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I, nhóm II trong diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (nằm ngoài diện tích khu vực khai thác) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn

bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện. Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu trước khi nhận giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản; hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản bao gồm:

- Bản chính Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện (*Mẫu số 04 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực thu hồi khoáng sản, trong đó xác định rõ vị trí, khối lượng khoáng sản thu hồi của từng vị trí.

* Trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; hoặc thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản bao gồm:

- Bản chính Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 02 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư (kèm theo quyết định phê duyệt) triển khai tại khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản.

* Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản được phép thu hồi khoáng sản; hồ sơ đăng ký thu hồi khoáng sản bao gồm:

- Bản chính Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 01 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Đề án đóng cửa mỏ hoặc phương án đóng cửa mỏ (*Mẫu số 05 hoặc Mẫu số 06 hoặc Mẫu số 07 hoặc Mẫu số 08 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính quyết định phê duyệt (*Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*) hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (*Mẫu số 13 hoặc Mẫu số 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 47 ngày làm việc (không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 05 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01 - Phụ lục III: Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 02 - Phụ lục III: Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 hoặc Mẫu số 06 hoặc Mẫu số 07 hoặc Mẫu số 08 - Phụ lục: Đề án đóng cửa mỏ hoặc phương án đóng cửa mỏ đối với trường hợp quy định tại

điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 hoặc Mẫu số 13 hoặc Mẫu số 14 - Phụ lục: Quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân chỉ được phép thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng, nạo vét để thực hiện theo đúng thiết kế của dự án; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

- Trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư khai thác khoáng sản chồng lấn lên diện tích khu vực đã được công nhận kết quả thăm dò khoáng sản được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Phần khoáng sản trong diện tích chồng lấn không đủ điều kiện để huy động vào thiết kế khai thác;

+ Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác khoáng sản chấp thuận bằng văn bản;

+ Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản cam kết thu hồi tối đa khoáng sản trước khi tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của dự án đó và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với phần khoáng sản thu hồi được thuộc phạm vi diện tích thực hiện dự án.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản nhóm I quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Địa chất và khoáng sản (chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư kết hợp thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện, kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư thực hiện hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt), chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải đánh giá hiệu quả kinh tế khi thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

- Việc thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản được áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ Khoáng sản được thu hồi là đất, đá thải mỏ, quặng đuôi của mỏ đang hoạt động đã được lưu giữ hoặc chưa được lưu giữ tại bãi thải, hồ chứa quặng đuôi;

+ Khoáng sản nằm trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản, được phát hiện trong quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án nhưng nằm ngoài phạm vi diện tích khu vực được phép khai thác khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

**Văn bản đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích
 thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.....
 tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh
 nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng.....
 năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp.

Được cấp giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-..... ngày
 tháng ... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng
 sản)..... để khai thác khoáng sản(tên khoáng sản) tại(tên cấp
 xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Dự án đầu tư(tên dự án)

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản...(tên loại khoáng sản đề nghị thu
 hồi)....trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư khai thác khoáng sản(tên dự án)

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), thuộc
 phạm vi ranh giới, của Dự án đầu tư khai thác khoáng sản(tên dự án)
 Không gian thu hồi được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

*(Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thu hồi khoáng sản trong
 phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo).*

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng
 sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng
 sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY XÁC NHẬN BẢN ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản
 ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

BẢN VẼ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN
*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản
 ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 02 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân số

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản(tên khoáng sản)..... trong quá trình thực hiện Dự án(Tên dự án đầu tư).....

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), không gian thu hồi được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

(Có Báo cáo vị trí, khối lượng, chủng loại, thời gian thực hiện thu hồi khoáng sản kèm theo)

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

BẢN VẼ RANH GIỚI KHU VỰC ĐĂNG KÝ THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Bản đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)

Nội dung bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 05 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc(tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
(tên cấp tỉnh).....*

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
 HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
 SẢN**

(Chức danh)*Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN****(nếu có)****(Chức danh)***Chữ ký, đóng dấu***(Họ và tên)****Địa danh....., tháng năm**

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (dưới đây gọi tắt là đề án).
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập đề án, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập đề án

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập đề án.
- 2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến đề án.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đề án.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).

- Bàn giao diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nếu rõ).

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Đề án/dự án/phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản,..... đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong khai thác, lò khai thác), các công trình phụ trợ trên bề mặt của mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỊCH SỬ KHAI THÁC

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

1.1. Vị trí địa lý: Mô tả vị trí, tọa độ khu vực thực hiện đề án (khai trường, mặt bằng sản công nghiệp, khu phụ trợ, bãi thải), ranh giới tiếp giáp khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội: Mô tả đặc điểm địa hình, sông suối, đặc điểm khí hậu, đặc điểm giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điều kiện kinh tế - xã hội nơi đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Các đối tượng xung quanh khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (*bao gồm cả phạm vi trên mặt và dưới sâu*).

2. Lịch sử khai thác

Nêu khái quát quá trình khai thác của khu vực khoáng sản theo từng giai đoạn: Giai đoạn trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra trong khai thác khoáng sản và kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động

khai thác khoáng sản; nội dung kết luận thanh tra, thông báo khắc phục và yêu cầu kiến nghị, xử lý các tồn tại, vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ khai thác;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu.

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ,...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác,... Cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục

hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án thực hiện các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án. Lập bảng thống kê khối lượng theo Phương án (Đề án, Dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, khối lượng đã thực hiện (nếu có) và khối lượng còn phải thực hiện (khối lượng đóng cửa mỏ).

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện các hạng mục công trình của đề án.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án.

- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công các hạng mục công trình của đề án.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (*trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá*), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án và chi*

phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công đề án; nguyên, nhiên liệu sử dụng; biện pháp kỹ thuật, an toàn.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ.
5	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng của khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
6	Bình đồ tính trữ lượng.
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản.
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
10	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 06 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

***(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,
.....(tên cấp tỉnh).....***

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU
DANH MỤC HÌNH VẼ
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH
MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
- 1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).
- 1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).
- 1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

- 2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- 2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và pháp luật khác có liên quan; thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng còn lại (đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản).
- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án,...; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố),... quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.
- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.
- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*vị trí, tọa độ lỗ khoan/giếng khoan, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác bơm hút, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, chế độ khai thác; Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Thống kê chi tiết trữ lượng khai thác theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng cấp phép phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường đã triển khai từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, đứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn của các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết

thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt .

3. Thông tin về thanh tra, kiểm tra tại khu vực mỏ và việc khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có)

Liệt kê cụ thể trong quá trình hoạt động theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp, đã có cơ quan chức năng nào thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; nội dung thanh tra, kiểm tra và việc thực hiện kiến nghị, khắc phục, xử lý các tồn tại (nếu có).

4. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (đề án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan .

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo,

phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành các hạng mục công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi hoàn thành các hạng mục công việc của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
5	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 07 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã).....,.....(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh, tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Để thống kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản đã khai thác, kiểm kê trữ lượng (khối lượng) khoáng sản còn lại chưa khai thác.

- Bàn giao diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, cung cấp điện*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... Trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện; các hạng mục công việc cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất tại khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất; sự cố môi trường,... trong quá trình khai thác;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục công trình của công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG II

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ và cải tạo, phục hồi môi trường

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG III DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của Phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công Phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ).
4	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải (nếu có).
5	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản được thể hiện trên không gian ba chiều (3D).
6	Các bản vẽ khác (nếu có).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tờ bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Địa danh....., tháng năm

Tờ phụ bì

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc (tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC
 HIỆN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG
 SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
 (nếu có)

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh....., tháng năm

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT (nếu có)

PHẦN THUYẾT MINH

MỞ ĐẦU

1. Thông tin chung

1.1. Tên phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

1.2. Địa điểm thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1.3. Thông tin về tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Tên tổ chức, cá nhân, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax*).

1.4. Thông tin về đơn vị lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, nếu có (*Tên đơn vị, người đại diện pháp luật, địa chỉ, điện thoại, mail, website, fax, chứng chỉ năng lực*).

1.5. Danh sách những người trực tiếp tham gia lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.2. Liệt kê các văn bản, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do tổ chức, cá nhân thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu mục đích của việc lập phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo trường hợp nào sau đây:

- Bàn giao diện tích đất khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản để triển khai cho Dự án; bàn giao phần diện tích đất của khu vực đã đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai các khu vực đã khai thác.

- Mục đích khác (nêu rõ).

CHƯƠNG I

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ (trừ khoáng sản nhóm IV)

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt (*biên giới mỏ, trữ lượng, mỏ vỉa, trình tự khai thác, hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, công tác chế biến, công tác vận tải, bãi thải, thoát nước, cung cấp điện, nước*).

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo thiết kế mỏ hoặc phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính,... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: Tiến độ và sản lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải,...) theo từng năm từ khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số chính của hệ thống khai thác. Công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải,...;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan của tổ chức cá nhân trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các hạng mục công việc đã thực hiện đối với yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ khoáng sản. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập Phương án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản

Làm rõ lý do đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (do giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan,...).

CHƯƠNG III PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương (*Làm rõ dự kiến mục đích sử dụng đất của chính quyền địa phương sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản; việc sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản có thể khai thác, tận dụng được các công trình, hạng mục, mặt bằng nào đang có tại khu vực mỏ; các hạng mục công việc, công trình nào trong phương án (để án, dự án) cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không cần phải thực hiện hoặc phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp với mục đích sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản*); đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi trên cơ sở căn cứ pháp lý nào.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; trong đó giải trình rõ giải pháp, khối lượng thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập phương án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) trong quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình thi công đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

CHƯƠNG IV DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó (trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá), kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (*Lưu ý: Tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt*).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của phương án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án, biện pháp tổ chức thi công phương án.

Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.
2	Bản đồ địa hình khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm được cấp phép khai thác.
3	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: Nhà cửa, đường xá, cầu cống,...).
4	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản.
5	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải.
6	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
7	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D).
8	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Giấy phép (Quyết định) khai thác khoáng sản;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Thiết kế cơ sở (Thuyết minh kèm theo: văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền, quyết định phê duyệt);

- Văn bản thông báo thời gian bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, thời gian bắt đầu khai thác;
- Quyết định bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tài liệu tương đương với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Quyết định phê duyệt, công nhận trữ lượng;
- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản (hàng năm);
- Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của Nhà nước (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (kèm theo chứng từ nộp tiền);
- Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước;
- Văn bản giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 11 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BNNMT

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiếu, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3.(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát.....(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 12 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ)**

Số:/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Căn cứ ý kiến của về việc tham gia ý kiến đối với Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Trên cơ sở Biên bản phiên họp ngày tháng năm của Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Biên bản kiểm tra thực địa ngày tháng năm;

Xét hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản:

Thực hiện theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được Hội đồng Thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)..... thẩm định và thông qua (thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6. Đơn vị thực hiện:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm:

Chỉ nêu các trách nhiệm chưa được quy định trong Luật Địa chất và khoáng sản, các luật khác có liên quan.

Điều 3.(Tên cơ quan thẩm định hồ sơ)..... có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

2. Xác nhận hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật bảo vệ môi trường sau khi(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... hoàn thành Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Ủy ban nhân dân xã (phường) có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*)..... trong quá trình thi công các hạng mục công trình đóng cửa mỏ khoáng sản theo Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

2. Kịp thời ngăn chặn và xử lý hoạt động khai thác, thu hồi khoáng sản trái phép trong khu vực thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Giải quyết các thủ tục có liên quan, đảm bảo thi công Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo đúng khối lượng và tiến độ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản*).....và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ NNN&MT;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
-
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km ²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 13 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**

Số:/TB-BNNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi:(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ)..... ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....
.....
.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Thông báo này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)....;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Sở NN&MT tỉnh (thành phố)....;
- Các Cục: ĐCKS, MT;
- Lưu: VT, HS,....

BỘ TRƯỞNG

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km ²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 14 - Phụ lục

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày .. tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(THÀNH PHỐ).....**

Số:/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản**

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, nội dung phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/..... ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cho phép(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... được khai thác(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày tháng năm của(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng

sản)..... nộp tại(Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ) ngày tháng năm; bổ sung ngày tháng năm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực, ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....của (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

2. Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1:50.000 số hiệu hệ VN 2000 kinh tuyến trực, múi chiều, được giới hạn bởi điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản: Thông tin chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Thời gian thực hiện: tháng, kể từ ngày Thông báo này có hiệu lực.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của

6.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ khối lượng của các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, khoáng sản, pháp luật khác có liên quan; quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng trong quá trình thi công phương án đóng cửa mỏ khoáng sản; báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng của phương án đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung nêu trong phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... phải thông báo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) để chỉ đạo các cơ quan có liên quan giám sát quá trình thực hiện phương án đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định./.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)...;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND xã (phường)...;
- Lưu: VT, HS,....

CHỦ TỊCH

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Phụ lục I**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Tên điểm khép góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục, múi chiều)	
		X (m)	Y (m)
1	A		
2	B		
...	...		
Tổng diện tích: ha/km²			

Phụ lục II
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
PHƯƠNG ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số/QĐ-ĐCKS ngày tháng năm
của Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
...				

Mẫu số 05 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:...../XN-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Địa danh....., ngày... tháng... năm...***GIẤY XÁC NHẬN****Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện****Dự án(Tên dự án).....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ...***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Xét hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án.....(Tên dự án)..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên tổ chức, cá nhân).....**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***XÁC NHẬN:****Điều 1.** Xác nhận(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư(tên dự án) với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:;

2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

3. Không gian thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu thu hồi khoáng sản: (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi:..... tấn (m³);

5. Thời gian thu hồi khoáng sản: tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản(*Tên khoáng sản*)..... theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân(*Tên cấp tỉnh*)..... để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... (bản chính);
- Sở NNMT (bản chính);
- Cục ĐCKS VN (bản sao);
- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN*(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (m)		

Phụ lục 2

BẢN VẼ RANH GIỚI KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN*(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

27. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (thời điểm kiểm tra tại thực địa do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian

thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân.

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (thời điểm kiểm tra tại thực địa do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định

các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày

02/7/2025);

- Bản sao y hoặc bản điện tử: Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định; báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được công nhận;

* Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 02 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (Mẫu số 37 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản sao y hoặc bản điện tử: văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công; báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được công nhận.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Mẫu số 15 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 20.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 30.000.000 đồng/01 giấy phép;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 37 - Phụ lục II: Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với trường hợp thuộc đối tượng phải có quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với trường hợp thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt.

(2) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và

khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp.

Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản)(*tên khoáng sản nhóm IV*).....tại(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... đã được(*cơ quan phê duyệt*)..... phê duyệt, công nhận hoặc xác nhận theo văn bản số..... ngày.... tháng.... năm....

Khối lượng (hoặc trữ lượng)(*tên khoáng sản*)..... được xác nhận (phê duyệt, công nhận): (tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... với các nội dung như sau:

1. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản khai thác:.....(tấn, m³,...).
2. Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên.
3. Công suất khai thác tối đa:.....(tấn, m³,...)/năm.
4. Không gian đề nghị cấp phép khai thác:
 - a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

5. Thời hạn khai thác:..... năm (tháng), kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành, trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản mở là:....năm (tháng).

6. Dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp sử dụng khoáng sản³⁰⁰:.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân

(*Ký tên, đóng dấu*)

³⁰⁰ Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 37 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

(tên mỏ khoáng sản, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

Địa danh, năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV)

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV
(tên mỏ khoáng sản, thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, năm 20...

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:, Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Cơ sở lập Phương án

2.1. Cơ sở pháp lý

- Văn bản phê duyệt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Các văn bản của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư có liên quan.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan.

2.2. Tài liệu cơ sở

- Tài liệu khảo sát, thăm dò địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có);
- Tài liệu khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;
- Các tài liệu kỹ thuật khác.

3. Nhu cầu sử dụng khoáng sản

Phân tích nhu cầu sử dụng khoáng sản của các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản nhóm IV và được quy định trong giấy phép khai thác do mình là nhà thầu thi công.

4. Sự cần thiết và mục tiêu khai thác

- Sự cần thiết.
- Mục tiêu khai thác.

5. Hình thức đầu tư, địa điểm và nhu cầu sử dụng đất

5.1. Hình thức đầu tư và quản lý dự án

- Xác định hình thức đầu tư: Đầu tư mới hay cải tạo, điều chỉnh hoặc mở rộng quy mô, nâng công suất, đổi mới công nghệ.
- Xác định hình thức quản lý dự án.

5.2. Địa điểm mỏ và nhu cầu sử dụng đất

- Mô tả địa điểm mỏ.
- Nhu cầu sử dụng đất: xác định nhu cầu sử dụng đất, tổng diện tích, cơ cấu đất sử dụng, tiến độ sử dụng đất.

PHẦN I: BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT MỎ

1. Vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội

Nêu khái quát về vị trí, đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực dự án.

2. Đặc điểm địa chất mỏ

Trình bày tóm tắt về đặc điểm địa chất mỏ khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình; bổ sung các kết quả nghiên cứu về đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình (nếu có).

3. Khối lượng (trữ lượng) và chất lượng khoáng sản

Tổng hợp về khối lượng (tài nguyên, trữ lượng) và chất lượng của khoáng sản khu vực nghiên cứu lập phương án khai thác.

4. Đánh giá mức độ tin cậy của tài liệu địa chất

Đánh giá mức độ khảo sát, đánh giá, thăm dò (nếu có), độ tin cậy của tài liệu địa chất đã được phê duyệt hoặc công nhận phục vụ công tác thiết kế và kiến nghị bổ sung (nếu có).

II. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

1. Biên giới và khối lượng (trữ lượng) trong khai trường

1.1. Biên giới khai trường

Nêu nguyên tắc và xác định ranh giới khai trường: tọa độ, mức sâu khai thác, diện tích khai trường.

1.2. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khai trường

- Tính toán khối lượng (trữ lượng) khai trường bao gồm: Khối lượng (trữ lượng) địa chất trong ranh giới khảo sát, đánh giá và khối lượng (trữ lượng) địa chất dự kiến huy động vào khai thác (được quy đổi theo khoáng sản nguyên khai).

- Tính toán khối lượng đất thổ nhưỡng cần lưu giữ phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.

2. Chế độ làm việc, công suất và thời gian khai thác

- Xác định chế độ làm việc bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong các công đoạn khai thác.

- Xác định công suất khai thác mỏ.

- Thời gian, chế độ khai thác: Trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) dự kiến huy động vào khai thác; tính toán thời gian khai thác phù hợp (bao gồm thời gian

xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác).

3. Mở vỉa và trình tự khai thác

3.1. Mở vỉa

Lựa chọn vị trí và phương pháp mở vỉa.

3.2. Trình tự khai thác

- Xây dựng, lập biểu đồ chế độ công tác mỏ.
- Công tác giải phóng mặt bằng.
- Công tác xây dựng cơ bản mỏ (nếu có): Xác định khối lượng, thời gian xây dựng cơ bản mỏ; tính toán chi tiết khối lượng, cung độ vận tải, khối lượng vận chuyển tính bằng tấn, km, đất bóc xây dựng cơ bản của từng tầng, từng năm, từng khu vực (nếu có).
- Trình tự khai thác, lịch khai thác:
 - + Xây dựng trình tự khai thác mỏ phù hợp, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - + Xây dựng lịch bóc đất thổ nhưỡng, lịch khai thác khoáng sản hàng năm.

4. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác

- Mô tả công nghệ khai thác.
- Lập bảng thống kê các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác.
- Liệt kê danh mục các thiết bị khai thác, đặc tính kỹ thuật cơ bản các loại thiết bị chính.

5. Vận tải mỏ

- Mô tả khối lượng vận tải và phương thức vận tải hợp lý. Mô tả năng suất và số lượng thiết bị vận tải cần thiết theo từng năm.
- Mô tả tuyến đường vận tải.

6. Công tác đổ thải (nếu có)

- Xác định khối lượng chất thải loại không đủ tiêu chuẩn sử dụng cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản trong quá trình khai thác mỏ.
- Xác định vị trí, quy mô của bãi thải; biện pháp bảo đảm an toàn, thoát nước mặt.

7. Các hạng mục, công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động khai thác

- Hệ thống cung cấp điện và trang bị điện.
- Hệ thống cấp nước và thoát nước.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

8. Kỹ thuật an toàn

- Mô tả các biện pháp bảo đảm an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực mỏ, các công trình cần bảo vệ.
- Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

9. Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động

- Xây dựng sơ đồ quản lý, tổ chức các bộ phận sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Xây dựng biên chế lao động; năng suất lao động.

10. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có)

- Tính toán nhu cầu sử dụng đất; thông tin, số liệu về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).
- Xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tiến độ khai thác mỏ.

11. Các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước

Trình bày về các khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định hiện hành.

PHẦN II. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động khai thác khoáng sản có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học; đánh giá hiện trạng môi trường; nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi khai thác khoáng sản.

3. Nhận dạng, đánh giá, dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường; quy mô, tính chất của chất thải; tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa và yếu tố nhạy cảm khác; tác động do giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ (đối với khu vực khai thác khoáng sản có tác động đến lòng bờ, bãi sông, hồ); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

6. Công trình, biện pháp cải tạo phục hồi môi trường khi đóng cửa mỏ khoáng sản; thông số kỹ thuật của mỏ sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản.
7. Tính toán, xác định kinh phí để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.
8. Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiến độ ký quỹ.
9. Kết luận, kiến nghị và cam kết của tổ chức khai thác.

Tổ chức, cá nhân lập Phương án

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1: BẢN ĐỒ, BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TT	Số ký hiệu³⁰¹	Tên bản vẽ	Số tờ
I		Phần địa chất	
1		Bản đồ vị trí khu vực khai thác	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu mỏ, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng (trữ lượng) khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
II		Phần khai thác	
1		Bản đồ mở vỉa, tỷ lệ 1:5.000	
2		Bản đồ giai đoạn xây dựng cơ bản (nếu có), tỷ lệ 1:5.000	
3		Bản đồ khai thác năm đạt công suất thiết kế, tỷ lệ 1:5.000	
4		Bản đồ kết thúc khai thác mỏ, tỷ lệ 1:5.000	
5		Sơ đồ hệ thống khai thác	
6		Bản đồ tổng mặt bằng chung toàn mỏ, tỷ lệ 1:2.000	
III		Phần bảo vệ môi trường	
1		Sơ đồ bố trí các công trình bảo vệ môi trường, vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường	
2		Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác, tỷ lệ 1:5.000	

³⁰¹ Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu

Phụ lục 2: DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự toán xây dựng công trình gồm các nội dung sau:

1. Phần thuyết minh

Nêu căn cứ pháp lý và cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

2. Phần dự toán

- Xác định khối lượng xây dựng của hạng mục công trình theo thiết kế.
- Xác định đơn giá dự toán xây dựng công trình.
- Lập các khoản mục chi phí dự toán xây dựng công trình theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiều...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 15 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày ngày ... tháng năm của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh (thành phố).....

Căn cứ văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án (công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp)³⁰²(nếu có);

Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản đề nghị khai thác (báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản) được công nhận (phê duyệt, xác nhận) tại;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư) số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác ...tại khu vực (mỏ) thuộc của ³⁰³;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ).....

³⁰² Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

³⁰³ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....³⁰⁴;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản³⁰⁵;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt)..... về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại mỏ(tên mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....³⁰⁶;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(Tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác khoáng sản tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác:

a)(tên khoáng sản chính).....;

b)(tên khoáng sản đi kèm).....

2. Phương pháp khai thác khoáng sản:(lộ thiên, hầm lò....).

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu khai thác: từ (m) đến (m).

Không gian khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác³⁰⁷:

a) Khoáng sản chính (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng):(tấn, m³).

b) Khoáng sản đi kèm (quy định theo từng cấp trữ lượng và độ tin cậy địa chất tương ứng của cấp trữ lượng, nếu có):(tấn, m³).

5. Công suất khai thác tối đa³⁰⁸:(tấn, m³/năm).

6. Thời hạn khai thác:

³⁰⁴ Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

³⁰⁵ Đối với trường hợp không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

³⁰⁶ Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

³⁰⁷ Là “Khối lượng khoáng sản được phép khai thác” áp dụng đối với khoáng sản nhóm IV và không áp dụng cho khoáng sản là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

³⁰⁸ Chỉ áp dụng đối với khoáng sản chính. Đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên là “Lưu lượng khai thác tối đa là: ... m³/ngày”

7. Thời gian khai thác³⁰⁹:

a) Trong ngày: từ đến

b) Trong năm: từ tháng đến tháng

8. Dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp sử dụng khoáng sản³¹⁰:

Điều 2.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.³¹¹

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Ủy ban nhân dân(*Tên cấp xã*).....
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

³⁰⁹ Chỉ áp dụng đối với giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

³¹⁰ Ghi rõ tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp. Mục này chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản.

³¹¹ Chỉ áp dụng đối với các giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU
KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...)*

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
 ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(**tên cấp xã**)....., ...(**tên cấp tỉnh**).....

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

Diện tích: ... (ha, m², km²)

Nền địa hình

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu.....”

Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ
 (Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân³¹².....
 (Ký, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Khung tọa độ

³¹² Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

28. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân.

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung, việc thẩm định hồ sơ được thực hiện như sau:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

+ Trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình, chỉnh sửa hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần, trừ trường hợp đã hướng dẫn nhưng tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không đúng theo yêu cầu. Thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc.

- *Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban*

hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Bản chính Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo.

* Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo.

- Bản chính hoặc bản sao y hoặc bản điện tử Văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày).

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 18 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối:

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép;

- Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm (1) nêu trên, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực;

- Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 25 ngày tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 25 ngày, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xử phạt

vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

(2) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực;

- Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn;

- Dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV phải còn thời hạn thi công (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh).

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 05 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

..... (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cho phép khai thác (tên khoáng sản³¹³)..... tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: (tấn, m³,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:(số năm khai thác)..... năm, đến ngày tháng năm

Lý do đề nghị gia hạn:

.....
(Có kế hoạch tiếp tục khai thác gửi kèm theo).

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³¹³ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 35 -Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

.....(TÊN BẢN ĐỒ).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Tọa độ các điểm khếp góc		
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

Nền địa hình

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản
 đồ địa hình (hoặc thành lập
 trên nền bản đồ địa hình
 quốc gia) tỷ lệ..., kinh
 tuyến trục..., múi chiều...,
 số hiệu.....”

**Tổ chức, cá nhân
 lập bản đồ
 (Ký, đóng dấu)**

**Tổ chức, cá nhân³¹⁴.....
 (Ký, đóng dấu)**

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Khung tọa
 độ

³¹⁴ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....
 - Năm sinh
5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
 - Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
 - Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
 - Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
 - Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....³¹⁵:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VNĐ);
 - Tiền thuê đất:.....(VNĐ)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VNĐ).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VNĐ).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản³¹⁶

³¹⁵ Thời điểm báo cáo

³¹⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo³¹⁷

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

³¹⁷ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 18 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../GP-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản của(tên tổ chức, cá nhân)..... ngày..... tháng..... năm..... ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày tháng năm để(Tên tổ chức, cá nhân)..... được tiếp tục khai thác(tên khoáng sản) tại(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2.(tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục thực hiện khai thác khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày ... tháng ... năm ...

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số/GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
- Các Sở, ngành liên quan (bản sao);
- UBND.....(*Tên cấp xã*)... (bản sao).

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

29. Điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (thời điểm kiểm tra tại thực địa do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (đồng thời quyết định đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định

tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có).

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức, cá nhân.

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn

về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ (thời điểm kiểm tra tại thực địa do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan;

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày thực hiện xong các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (đồng thời quyết định đóng cửa mỏ một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có).

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

(3) Trường hợp điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công

khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; trình tự thực hiện như sau:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được đề nghị thay đổi tên gọi; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi.

* Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản (*Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

* Đối với trường hợp điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV tại các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án, công trình, sử dụng khoáng sản đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

* Đối với trường hợp điều chỉnh: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 08 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;

- Bản chính hoặc bản sao y Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

(1) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

(2) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

(3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (*Mẫu số 27 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 08 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 - Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, điều chỉnh nội dung, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 - Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 - Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện đề án (phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét điều chỉnh thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác.

(2) Tổ chức cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác trong trường hợp thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép, mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản;

- Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV phải còn thời hạn thi công (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh);

- Đối với trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, các dự án, công trình sử dụng khoáng sản đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV phải do tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV là nhà thầu thi công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 08 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản³¹⁸)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị được điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên như sau:

- ... *(nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp)*.....;
- ... *(nội dung đề nghị điều chỉnh)*.....;

2. Diện tích khu vực khoáng sản đề nghị trả lại, tiếp tục khai thác³¹⁹:

- Diện tích khu vực đã được cấp phép khai thác: (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị trả lại:..... (ha, m², km²).
- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và không gian khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³¹⁸ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

³¹⁹ Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh để trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tọa độ các điểm khếp góc

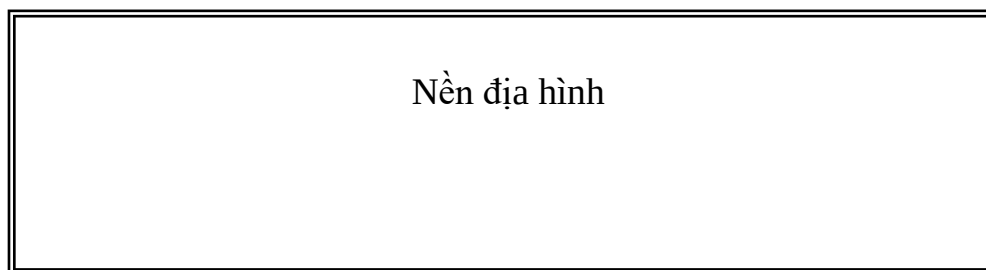
Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... (ha, m ² , km ²)		

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản)....tại khu vực(tên mỏ)....,
...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

CHỈ DẪN

.....
.....
.....



Nền địa hình

“Được trích lục từ tờ bản
đồ địa hình (hoặc thành lập
trên nền bản đồ địa hình
quốc gia) tỷ lệ..., kinh
tuyến trục..., múi chiều...,
số hiệu.....”

Tỷ lệ:.....

Khung tọa
độ

Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân³²⁰
(Ký, đóng dấu)

³²⁰ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....
- Năm sinh.....

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm..... (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:
- Cơ quan cấp phép
- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);
- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);
- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.
- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;
- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản**II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.....**

tháng.... năm....³²¹:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có).....
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản³²²

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều

³²¹ Thời điểm báo cáo

³²² Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

.....

.....

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

.....

.....

c) Đánh giá khác (nếu có)

.....

.....

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo³²³

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

³²³ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của
.....(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê
duyet Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương
án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo
cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản: ;
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn
lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại): ;
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....
.....

.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Mẫu số 27 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GP-UBND

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Điều chỉnh(nội dung, điều, khoản,...)..... của Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.... của(Tên cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân)..... khai thác ... (tên khoáng sản)... tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

1. ... (nội dung theo giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp).....;

2. Không gian khu vực trả lại và khu vực tiếp tục khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại:..... (ha, m², km²).b) Diện tích khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản: (ha, m², km²).

c) Mức sâu khai thác tại khu vực tiếp tục khai thác: từ (m) đến (m).

Diện tích khu vực trả lại và không gian khu vực tiếp tục khai thác được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Đóng cửa mỏ phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản là diện tích khu vực khai thác khoáng sản được phép trả lại quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Giấy phép này và Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

Điều 3.(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có);

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày .. tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm ... của(*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

1. Trường hợp không có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiều...)	
	X (m)	Y (m)
I. Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
n		
II. Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản		
1		
2		
...		
m		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu khai thác cao nhất (m)		
Mức sâu khai thác thấp nhất (m)		

2. Trường hợp có chồng lấn diện tích trên bề mặt giữa các giấy phép khai thác khoáng sản

- Khu vực đề nghị trả lại

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... vĩ chiều...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

- Khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản

Mức sâu (m)	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... mũi chiếu...)		Diện tích (ha, m ² , km ²)
		X (m)	Y (m)	
H	1			
	2			
	...			
	n			
H-i	1			
	2			
	...			
	m			
.....				
Mức sâu cuối cùng	1			
	2			
	...			
	k			

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI,
KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

30. Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (thời điểm kiểm tra tại thực địa do Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm b khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian trả lại và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại, kèm theo nội dung quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

+ Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản, tài liệu

chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 10 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 35 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 36 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 09 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 31 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 10 Phụ lục II: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 35 Phụ lục II: Bản đồ, bản vẽ trong hồ sơ cấp, trả lại, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng

sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 36 Phụ lục II: Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 09 Phụ lục: Báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV khi có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ và nộp trước ngày giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hết thời hạn khai thác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 10 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được *(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)*..... cho phép khai thác *(tên khoáng sản³²⁴)*..... tại *(tên cấp xã)*....., ...*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nêu trên. Diện tích khu vực đề nghị trả lại có ranh giới theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

.....*(Tên tổ chức, cá nhân)*..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

³²⁴ Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Phụ lục 1

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Phụ lục 2

**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC ĐỀ NGHỊ
TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN***(Kèm theo Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản
ngày... tháng... năm...)*

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 35 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

.....(**TÊN BẢN ĐỒ**).....

....(tên khoáng sản).....tại khu vực(tên mỏ).....,
 ...(**tên cấp xã**)....., ...(**tên cấp tỉnh**).....

Tọa độ các điểm khếp góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

Diện tích: ... (ha, m², km²)

Nền địa hình

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình (hoặc thành lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia) tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu.....”

**Tổ chức, cá nhân
lập bản đồ**
(Ký, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân³²⁵.....
(Ký, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Khung tọa độ

³²⁵ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản đối với bản đồ trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, quyền khai thác tận thu khoáng sản hoặc bản đồ kèm theo giấy phép khai thác khoáng sản;
 Tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nếu là bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

Mẫu số 36 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/BC-.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên.....

- Năm sinh

5. Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số:..... ngày..... tháng.... năm.....; được gia hạn theo giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số ngày tháng....năm (nếu có):

- Loại khoáng sản được phép khai thác:

- Cơ quan cấp phép.....

- Vị trí mỏ: thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

- Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò,.....);

- Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, m², km²);

- Mức sâu khai thác: từ mức m đến mức m.

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ;

- Công suất được phép khai thác:.....(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);

- Thời hạn khai thác: (tháng, năm).

II. Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến ngày.... tháng.... năm....³²⁶:

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt (VND).
2. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (nếu có):(VND).
3. Tổng tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản theo quyết định phê duyệt (nếu có):(VND).
4. Tổng vốn đầu tư: (VND).
5. Khối lượng khoáng sản khai thác thực tế:(tấn, m³).
6. Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm báo cáo:..... (tấn, m³).
7. Giá thành khoáng sản được khai thác trung bình: (VND/tấn, m³).
8. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ: (tấn, m³).
9. Tổng doanh thu:(VND).
10. Tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước: (VND). Trong đó:
 - Thuế tài nguyên:(VND);
 - Thuế môi trường:.....(VND);
 - Tiền thuê đất:.....(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND);
 - Khác (nếu có):
11. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản (nếu có)
12. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm
13. Kinh phí hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có).....(VND).
14. Kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) (nếu có).....(VND).
16. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác....., giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác

II.2. Báo cáo kết quả thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản³²⁷

³²⁶ Thời điểm báo cáo

³²⁷ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân báo cáo việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 (đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III), điểm b khoản 1 Điều 66, điểm b khoản 1 Điều 83 (đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhóm I, II, III, khai thác tận thu khoáng sản) của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP, kèm theo các tài liệu minh chứng. Nêu rõ các nghĩa vụ chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đầy đủ, nguyên nhân và kế hoạch thực hiện tiếp theo.

II.3. Đánh giá

a) Đánh giá chung:

Về thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế, kinh tế - xã hội mà dự án mang lại

Về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế.

b) Đánh giá về độ tin cậy của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản:

Đánh giá về những biến động về chất lượng, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng), thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

c) Đánh giá khác (nếu có)

III. Chương trình, kế hoạch khai thác tiếp theo³²⁸

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (ha, m², km²).

3. Mức sâu tiếp tục khai thác: từ mức m đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

³²⁸ Không áp dụng đối với trường hợp trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mẫu số 09 - Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Số:/.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN (PHƯƠNG ÁN) ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản).....

Người đại diện pháp luật:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:.....

Thực hiện Quyết định số ngày tháng năm của(Tên cơ quan phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ)..... về việc phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản.....(Tên Đề án (Phương án)).....;

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... báo cáo kết quả thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản như sau:

1. Nội dung chính của Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản

- Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản:..... ;
- Mục đích đóng cửa mỏ khoáng sản:
- Diện tích đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km².

2. Kết quả thực hiện

a) Khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác, trừ lượng khoáng sản còn lại trong khu vực được phép khai thác khoáng sản tại thời điểm đóng cửa mỏ:

- Khối lượng khoáng sản đã khai thác (theo từng loại):
- Trữ lượng khoáng sản còn lại (theo từng loại):

b) Các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

.....

.....

.....

c) Khối lượng công việc và phương pháp đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

d) Công tác giám sát môi trường trong quá trình đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

đ) Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khai trường sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản:

.....

.....

e) Biện pháp phục hồi đất đai và môi trường có liên quan:

.....

.....

3. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị

Đánh giá chung về tình hình thực hiện Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản so với Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Lý do hoàn thành (hoặc không hoàn thành) các nội dung của Quyết định phê duyệt Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản. Các đề xuất, kiến nghị liên quan.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản;
- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục, khối lượng theo Đề án (Phương án) đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN
ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Mẫu số 31 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Số:...../QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....***Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;**Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;**Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của**Xét hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm..... của(tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (Tên tổ chức, cá nhân)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản..... số..... ngày..... tháng..... năm.... của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp tại khu vực (mỏ)..... thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....

Điều 2. Đóng cửa mỏ khoáng sản(tên loại khoáng sản)..... tại khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép)..... cấp cho(tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản)..... với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản: ha/km², có tọa độ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm và có trách nhiệm nộp tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)... theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Bộ NNMT (bản sao);
-
- Lưu VT, ... (.....)

CHỦ TỊCH

(*Ký tên, đóng dấu*)

Phụ lục**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trực ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

31. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần); trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá (thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo quy định);

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận hoặc không chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và trả kết quả giải quyết hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

* Đối với tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.

* Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; thành phần hồ sơ gồm:

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 01 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính hoặc bản sao y văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 03 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 01 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét để chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng

sản quy định khoản 3 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản, Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 01 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Căn cước công dân³²⁹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Là nhà thầu thi công³³⁰(*Tên dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản*).....

Đề nghị được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... với các nội dung như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: (*diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*)..... (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa:(*chiều dài lộ trình*).....km lộ trình.

3.2. Thi công công trình:(*Liệt kê tên công trình, khối lượng*).....

3.3. Công tác mẫu:(*số lượng, chủng loại mẫu*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

³²⁹ Áp dụng đối với cá nhân

³³⁰ Chỉ áp dụng đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐỀ NGHỊ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV

(Kèm theo Văn bản đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ngày tháng năm của(tên tổ chức, cá nhân).....)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>(Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)</i>	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		

Mẫu số 03 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
 (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân)..... tại văn bản đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) chấp thuận(tên tổ chức, cá nhân)..... được khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi khảo sát, đánh giá: (diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung)..... (có tọa độ dự kiến khu vực khảo sát, đánh giá kèm theo).

2. Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

3. Phương pháp, biện pháp kỹ thuật:

3.1. Khảo sát tại thực địa:(chiều dài lộ trình).....km lộ trình

3.2. Thi công công trình:(khối lượng (m, m³)/số công trình).....

3.3. Công tác mẫu:(số lượng, chủng loại mẫu).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung khảo sát, đánh giá quy định tại Điều 6 của Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực của các nội dung, thông tin, số liệu khảo sát, đánh giá.

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân(*Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)..... trước khi thực hiện việc khảo sát, đánh giá./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)...;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND ...(*Tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)....

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu*)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC
Khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

(Kèm theo Thông báo số /TB-..... ngày ... tháng ... năm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố))

TT	Tên điểm góc	Hệ VN-2000 Kinh tuyến trực ..., múi chiều...	
		X(m)	Y(m)
1			
2			
3			

32. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:

+ Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ).

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản lấy ý kiến nêu trên, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.

* Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 3. Ra quyết định và trả kết quả giải quyết:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận

kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 02 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản chính Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 05 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Mẫu số 04 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 02 - Phụ lục I: Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 05 - Phụ lục I: Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 02 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM IV**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do.....(*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Căn cước công dân³³¹ số cấp ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ Văn bản số ngày tháng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... đề nghị được xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*)..... với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, diện tích khu vực khảo sát:(*tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá thông tin chung*).....;

2. Khối lượng, chất lượng khoáng sản tại khu vực khảo sát, đánh giá:.....

Có báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực kèm theo

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết các số liệu, thông tin trong báo cáo là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật đối với các nội dung, thông tin, số liệu trong báo cáo khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản ...(*tên khoáng sản nhóm IV*) tại khu vực

Tổ chức, cá nhân
(*Ký tên, đóng dấu*)

³³¹ Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 05 - Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

**đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*)
tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....**

Địa danh, tháng... năm...

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tác giả:.....

Chủ biên:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN CHUNG

đối với khoáng sản (*tên khoáng sản nhóm IV*)
 tại khu vực thuộc(*tên cấp xã*)....., ...(*tên cấp tỉnh*).....

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(ký tên, đóng dấu)***ĐƠN VỊ TƯ VẤN/TÁC GIẢ***(nếu có)**(ký tên, đóng dấu)***Địa danh, tháng..... năm.....**

NỘI DUNG BÁO CÁO

PHẦN MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư; đơn vị tư vấn (nếu có).
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác khảo sát, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, khối lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU VỰC KHẢO SÁT

- Vị trí hành chính và địa lý của khu vực khảo sát, ranh giới và diện tích khảo sát, đánh giá;
- Khái quát về địa hình, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa; điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò hoặc khai thác khoáng sản đã tiến hành trước đây (nếu có).
- Đặc điểm địa chất chung của vùng, đặc điểm địa chất khu vực khảo sát.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG ĐÃ THỰC HIỆN

1. Công tác trắc địa

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung kỹ thuật, khối lượng từng hạng mục thực hiện và kết quả đạt được.
- Các sản phẩm: File gốc đo, sổ đo nguyên thủy các loại, phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc; bảng tính toán tổng hợp, bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình.

2. Công tác địa chất:

2.1. Lộ trình địa chất (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành đã thực hiện trên thực tế, kết quả đạt được và khối lượng đã thực hiện.
- Các sản phẩm: Các loại tài liệu nguyên thủy về nhật ký địa chất, bản đồ hành trình kèm theo và ảnh chụp vết lộ quan trọng.

2.2. Thi công công trình khảo sát, đánh giá

- Công trình khai đào (vết lộ, hố, hào): Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; quy cách kỹ thuật áp dụng; đánh giá kết quả, hiệu quả từng loại công trình; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Công trình khoan: Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí, mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua tầng sản phẩm; đánh giá hiệu quả công trình khoan; số lượng và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Sổ nguyên thủy tổng hợp các công trình đã thực hiện; thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào); sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; nhật ký khoan (sổ khoan); thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; ảnh chụp công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

2.3. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

- Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, cách thức thực hiện và khối lượng cụ thể của từng loại mẫu; các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng gồm:

- + Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng đã thực hiện (quá trình này phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- + Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- + Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- + Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán và đánh giá sai số.

- Đánh giá khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính khối lượng khoáng sản.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy về công tác lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu; phiếu gửi mẫu; phiếu chứng nhận kết quả phân tích mẫu.

2.4. Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình (nếu có)

- Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT; quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm) và khối lượng đã thực hiện.

- Các sản phẩm: Các loại sổ nguyên thủy liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; sổ lấy mẫu cơ lý đất...).

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng

Nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của những nội dung thay đổi so với văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (nếu có).

CHƯƠNG 3
ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG
VÀ CÔNG TÁC TÍNH KHỐI LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Đánh giá về chất lượng, khả năng sử dụng khoáng sản.
- Đánh giá về đặc điểm ĐCTV - ĐCCT và điều kiện khai thác mỏ (nếu có).
- Phương pháp tính khối lượng khoáng sản.
- Khối lượng(m^3).

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã thực hiện.
- Kết quả chính đạt được về chất lượng, tính chất, khả năng sử dụng và khối lượng khoáng sản).

Phụ lục: CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh sách các bản đồ, bản vẽ

TT	Số ký hiệu³³²	Tên bản vẽ³³³	Số tờ
1		Bản đồ địa hình và khu vực khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000	
2		Sơ đồ địa chất, khoáng sản khu khảo sát, đánh giá, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
3		Bình đồ tính khối lượng khoáng sản, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	
4		Các mặt cắt địa chất, tỷ lệ 1:2.000 hoặc 1:5.000	

2. Danh sách các hồ sơ, tài liệu

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác trắc địa.
- Các tài liệu nguyên thủy.
- Các tài liệu liên quan đến công tác mẫu.

³³² Số ký hiệu bản đồ, bản vẽ đảm bảo tính thống nhất, thuận tiện cho tìm kiếm và tra cứu.

³³³ Nội dung bản đồ, bản vẽ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu số 04 - Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../XN-.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

XÁC NHẬN

Kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản
 (tên khoáng sản nhóm IV) **tại khu vực**

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân).....

- Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;
- Xét đề nghị của(tên tổ chức, cá nhân)..... tại văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố) xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... với các nội dung chính như sau:

1. Tên báo cáo:
2. Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, đánh giá:
3. Tên loại khoáng sản:(ghi theo tên khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Luật Địa chất và khoáng sản).....
4. Khối lượng: m³
5. Chất lượng khoáng sản:.....(khoáng sản đáp ứng chất lượng làm.....).....
6. Diện tích khu vực xác định khối lượng khoáng sản:..... (ha, m², km²) được

giới hạn bởi các điểm góc có toạ độ xác định theo Phụ lục kèm theo Bản xác nhận này.

7. Chiều sâu xác định khối lượng: từ mức (m) đến mức ... (m).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được sử dụng các thông tin, số liệu này cho hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

-(*Tên tổ chức, cá nhân*)...;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)... (để báo cáo);
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND ...(*tên cấp xã nơi khảo sát, đánh giá*)....

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu*)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC

Xác định khối lượng khoáng sản

..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

(Kèm theo Giấy xác nhận số /XN-..... ngày ... tháng ... năm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....)

TT	Tên điểm góc	Hệ VN-2000 Kinh tuyến trục ..., múi chiều...	
		X(m)	Y(m)
1			
2			
3			

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH (THÀNH PHỐ)

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC

Xác định khối lượng khoáng sản

..... (tên khoáng sản nhóm IV) tại khu vực

(Kèm theo Giấy xác nhận số /XN-..... ngày ... tháng ... năm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố).....)

Nội dung bản đồ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Thông tư này và mẫu số 35 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

33. Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- *Bước 2. Thẩm định hồ sơ và ra quyết định:*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch thi công bổ sung của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản. Trường hợp cần thiết hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện trước khi ban hành văn bản chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

Bản chính hoặc bản sao y kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (trong đó nêu cụ thể khối lượng các hạng mục công trình cần thi công bổ sung, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc thi công) (*Mẫu số 30 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 30 - Phụ lục IV: Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cá nhân được xem xét chấp nhận bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn khi tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ khối lượng công tác thăm dò theo đề án thăm dò mà giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn nhưng phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản.

Mẫu số 30 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**KẾ HOẠCH THI CÔNG BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Thông báo số .../TB-... ngày ... tháng ... năm ... của)

(Áp dụng trong trường hợp phải bổ sung công trình thăm dò theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng khoáng sản nhưng giấy phép thăm dò đã hết thời hạn)

I. Mở đầu

Khái quát nội dung Đề án thăm dò (đối tượng, phạm vi, mục tiêu nhiệm vụ, các phương pháp áp dụng); tóm tắt kết quả thi công đề án và vấn đề còn tồn tại.

II. Kế hoạch thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản

- Nêu cơ sở pháp lý của việc thực hiện thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khoáng sản.

- Trình bày các dạng công tác cần thực hiện.

Bảng khối lượng hạng mục công việc:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng thi công bổ sung	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày/tháng)	Ghi chú

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

34. Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- *Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:*

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải tổng hợp hồ sơ theo quy định, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân;

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ (nội dung phương án được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

35. Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1. Nộp, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

- *Bước 2. Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt:*

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến bằng văn bản về mức độ ảnh hưởng đến đối tượng bảo vệ tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và việc chấp thuận cho phép thăm dò khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành các nội dung nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải tổng hợp hồ sơ theo quy định, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân;

- Phương án đánh giá mức độ ảnh hưởng đến đối tượng cần bảo vệ (nội dung phương án được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ);

- Báo cáo hiện trạng hoạt động khai thác khoáng sản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản tại khu vực liền kề hoặc giáp ranh với khu vực đề nghị giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (nếu có).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: thời gian thẩm định hồ sơ là 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

C. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân sử dụng đất đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức trực tiếp, qua đường bưu điện về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện việc nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Bước 2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời hạn không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định về khối lượng khoáng sản thu hồi, phương pháp thu hồi, kế hoạch thu hồi và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

* Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện. Thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

- Bước 3: Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản. Trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trả kết quả giải quyết:

Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua một trong các hình thức trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ từ Ủy

ban nhân dân cấp xã, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu trước khi nhận giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Bản đăng ký thu hồi khoáng sản (*Mẫu số 03 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Bản sao y Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 47 ngày làm việc (không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không quy định.
- Cơ quan thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (*Mẫu số 06 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

ì) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 03 Phụ lục III: Bản đăng ký thu hồi khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người sử dụng đất chỉ được thu hồi khoáng sản khi bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình tạo mặt bằng xây dựng các hạng mục của công trình đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;
- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản.

Mẫu số 03 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

Bản đăng ký thu hồi khoáng sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân(tên cấp xã).....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do(Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... cấp; hoặc Căn cước công dân số

Đề nghị cho phép thu hồi khoáng sản(tên khoáng sản)..... trong quá trình thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất(Tên loại đất ở, đất nông nghiệp).....

Diện tích khu vực đề nghị thu hồi khoáng sản là..... (ha, m², km²), tại vị trí

Khối lượng khoáng sản đề nghị thu hồi: (tấn, m³,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

.....(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác và thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

UBND ...(Tên cấp xã)...

Số:...../XN-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh....., ngày... tháng... năm...

BẢN XÁC NHẬN

**Đăng ký thu hồi khoáng sản từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình
trên thửa đất**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...(Tên cấp xã)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

Xét hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án.....(Tên dự án)..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên tổ chức, cá nhân).....

Theo đề nghị của(Thủ trưởng đơn vị thẩm định hồ sơ).....

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã đăng ký thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất(Tên loại đất ở, đất nông nghiệp, số thửa đất (nếu có))..... với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi:
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....;
3. Không gian thu hồi khoáng sản:

a) Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:..... (ha, m², km²).

b) Mức sâu thu hồi khoáng sản: (m).

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi:..... tấn (m³);

5. Thời gian thu hồi khoáng sản: tháng, kể từ ngày Giấy xác nhận này có hiệu lực.

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thu hồi khoáng sản(Tên khoáng sản)..... theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại nêu trên.

2. Thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế để thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân(Tên cấp xã)..... để tổng hợp, quản lý theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi khoáng sản.

Nơi nhận:

-(Tên tổ chức, cá nhân)..... (bản chính);
- UBND ... (Tên cấp xã) ... (bản chính);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Sở NNMT tỉnh (thành phố)..... (bản sao);
- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

UBND(Tên cấp xã).....

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ngày... tháng... năm...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực ... mũi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: (ha, m², km²)		
Mức sâu thu hồi thấp nhất (m)		

2. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Người sử dụng đất thực hiện cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp được phép thu hồi khoáng sản nhóm III, nhóm IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) thông qua một trong các hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong vòng 30 ngày, kể từ thời điểm giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần thì không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dừng quyết toán và trả lại hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

- Bước 3. Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ, cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trường hợp quyết toán khi giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

+ Bản chính văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 04 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

+ Bản chính bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 05 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

+ Bản chính báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng, khối lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại hàng năm trong kỳ quyết toán: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác tận thu khoáng sản hoặc Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Mẫu số 05, 06, 07 và Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không quy định.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không quy định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Mẫu số 06 - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04 - Phụ lục II: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025);

- Mẫu số 05 - Phụ lục II: Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*);

- Mẫu số 08 - Phụ lục IV: *Báo cáo định kỳ hoạt động thu hồi khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)*.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản;

- Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 04 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:

Mã số thuế:

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày.... tháng năm do(Tên cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm.....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt: đồng.
3. Số tiền phải nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
4. Số tiền đã nộp trong kỳ quyết toán: đồng.
5. Số tiền còn nợ trong kỳ quyết toán: đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản nguyên khai):..... (tấn, m³).
7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.
8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng

sản được phê duyệt: đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN
TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:
2. Mã số thuế:
3. Trụ sở tại:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Điện thoại:....., Fax.....

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép:
3. Khoáng sản được phép khai thác:
4. Phương pháp khai thác:..... (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác:(m², ha, km²).
6. Trữ lượng được phép khai thác:..... (tấn, m³).
7. Công suất khai thác: (tấn/năm; m³/năm; m³/ngày-đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác:(tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):.....đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số.....

ngày.....tháng.....năm..... của(Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Tiền phạt chậm nộp (nếu có)	Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Năm....						
2	Năm....						
3	Năm....						
4	Năm....						
5	Năm....						
	Tổng cộng						

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng khoáng sản đã khai thác		Sản lượng quy đổi ra khoáng sản nguyên khai		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Sản lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

1	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
...									
	Tổng cộng								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								

Lưu ý:

a) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1, mục 2 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

b) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

c) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán: đồng.

5. Chênh lệch giữ số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt: đồng.

.....(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08 - Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN NĂM**

Kính gửi:

I. PHẦN CHUNG

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Loại hình doanh nghiệp:

3. Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU HỒI KHOÁNG SẢN

II.1. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày..... tháng..... năm.....

A. Thông tin chung về giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép thu hồi:

2. Cơ quan cho phép thu hồi:

3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản:(ha, m², km²).

4. Phương pháp thu hồi khoáng sản: (lộ thiên, hầm lò).

5. Mức sâu thu hồi khoáng sản: m.

6. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi: (tấn, m³).

7. Thời hạn thu hồi khoáng sản:(tháng, năm).
8. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: khu vực....., ...(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản(VND).
- Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của(Tên cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền).....

B. Hoạt động khai thác tận thu khoáng sản

1. Sản lượng khoáng sản thu hồi thực tế:
- Trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Từ khi bắt đầu khai thác đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
2. Khối lượng khoáng sản được phép thu hồi còn lại: (tấn, m³).
3. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
- Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi trong năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã thu hồi từ khi bắt đầu thu hồi đến hết năm báo cáo: (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến trong năm báo cáo (nếu có):..... (tấn, m³).
 - Khối lượng, hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau công đoạn chế biến trong năm báo cáo (nếu có):(tấn, m³).
 - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong năm báo cáo (nếu có): (tấn, m³).
4. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm báo cáo:... (tấn, m³).
- Trong đó, khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): (tấn, m³).
5. Tổng doanh thu trong năm báo cáo:..... (VND).
6. Nộp ngân sách Nhà nước trong năm báo cáo:(VND).
- Trong đó:
- Thuế tài nguyên: (VND).
 - Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND).
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:..... (VND).
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND).
 - Thuế bảo vệ môi trường:.....(VND).

- Khác (nếu có):.....(VND).

D. Đánh giá chung

.....

**II.2. Giấy xác nhận bản đăng ký thu hồi khoáng sản số:..... ngày.....
 tháng..... năm**

Nội dung báo cáo như Mục II.1 nêu trên

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06 - Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

THÔNG BÁO

**Quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc
.....(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh).....**

Kỳ quyết toán: Từ năm đến năm

Kính gửi:(Tên Chi cục thuế khu vực).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số/GP-..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy phép).....³³⁴;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số/GXN -..... ngày tháng..... năm của(Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....³³⁵;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng..... năm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản³³⁶;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ...(Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo cho Chi cục Thuế khu vực..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với(Tên khoáng sản)..... tại khu vực (mỏ) thuộc(tên cấp xã)....., ...(tên cấp tỉnh)..... như sau:

³³⁴ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

³³⁵ Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

³³⁶ Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				
...					
	Tổng cộng				
	Khoáng sản ...				
	Khoáng sản ...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là³³⁷: đồng.(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... đề nghị(Tên Chi cục Thuế khu vực.....)..... thông báo đề(Tên tổ chức, cá nhân quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là:.....đồng.

.....(Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)..... thông báo đề(Chi cục Thuế khu vực...). biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(Tên tổ chức, cá nhân)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố) (để báo cáo);
- Bộ NNMT³³⁸ (để báo cáo);
- Cục ĐCKS³³⁹ (để biết);
- Lưu: HS, VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN THÔNG BÁO**
(Ký tên, đóng dấu)

³³⁷ Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0

³³⁸ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

³³⁹ Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường